

TẠP CHÍ

SỐ 407

VĂN HÓA

PHẬT GIÁO

ISSN 2734-9128

PHẬT GIÁO & BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

MÔI TRƯỜNG LÀ SỰ SỐNG
CỦA NHÂN LOẠI



GIÁ TRỊ LỜI PHẬT DẠY
TRONG VIỆC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

“Như ong chỉ lấy nhụy
Không hại hương sắc hoa,
Cũng vậy vị Sa-môn
Ra vào giữa thôn làng”.

(Kinh Pháp Cú số 49)



PHÁT HÀNH VÀO ĐẦU THÁNG

Tổng Biên tập **HT. Thích Hải Ấn**

Phó Tổng Biên tập TT
kiêm Thư ký Tòa soạn **TT.TS. Thích Minh Nhẫn**

Phó Tổng Biên tập **TT. Thích Minh Hiên**
TT.TS. Thích Phước Nghiêm

Trị sự Tòa soạn **ĐĐ.TS. Thích Minh Ân**

Biên tập **Trương Ứng Minh**
Trần Hoài Vũ

Mỹ thuật & Thiết kế **Trần Ngọc Huỳnh**
Mai Phương Nam
Châu Quốc Hùng
Quách Minh Triết

Liên hệ Quảng cáo **ĐĐ. Thích Tuệ Tánh**
0944 020 802

Phòng Phát hành **ĐĐ. Thích Minh Thuận**
Liên hệ **0886 424 842**



Tòa soạn

294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa,
Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84-028) 38 484 335 - 0932 850 969
Email: toasoanvhp@gmail.com
Website: www.tapchivanhoaphatgiao.vn

Tên tài khoản:

Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo
Số tài khoản: 0071001053555
Ngân hàng Vietcombank,
Chi nhánh TP. HCM

Giấy phép hoạt động báo chí của
Bộ Thông tin và Truyền thông
Số 304/GP. BTTTT
Ghi bản & in tại Nhà in Hùng Khang
Q. Tân Phú, TP. HCM

CHỦ ĐỀ: PHẬT GIÁO VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

- 6 Môi trường là sự sống của nhân loại (TT.TS. Thích Phước Đạt)
- 12 Ứng xử của Tỳ kheo đối với môi trường theo Kinh Nhất Thiết Lộ Hoặc (SC. Thích Nữ Hạnh Từ)
- 18 Phật giáo bàn về quan niệm bảo vệ môi trường (ĐĐ. Thích Quảng Lâm)
- 24 Giá trị lời Phật dạy trong việc bảo vệ môi trường (SC. Thích Nữ Tịnh Trí)
- 30 Dịu dàng như cây (SC. Thích Nữ Tuệ Anh)

PHẬT GIÁO VÀ THỜI ĐẠI

- 36 Sự phát triển trong công tác Hoằng pháp của Ban Hoằng pháp Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam (TT.TS. Thích Minh Nhẫn)
- 42 Hoạt động bảo vệ môi trường của Phật giáo (Nguyễn Văn Quý)
- 50 Đóng góp của vua Cật-Phiêu-Song-Đề-Tán và các vị Tăng sĩ ngoại quốc đối với PGTT (thế kỷ VIII) (Tỳ kheo Ni An Hưng)
- 56 Tác động của Tăng đoàn Phật giáo đến tôn giáo và xã hội Ấn Độ thời Đức Phật (Vĩnh Thông)

PHẬT GIÁO - VĂN HÓA VÀ ĐỜI SỐNG

- 64 Chuyện vua Minh Mạng với những lần ghé Chùa Thiên Mụ (Quảng Định)
- 68 Miếu Bà Cậu ở Cần Thơ (Trần Phỏng Điều)
- 72 Khái quát về lịch sử và những giá trị của chùa Giác Viên (ĐĐ. Thích Minh Thành)

PHẬT GIÁO - KHOA HỌC VÀ TRIẾT LÝ

- 82 Điểm tương đồng về Tứ Thánh đế trong Kinh Tạp A-Hàm và A-tỳ-đạt-ma Pháp Uẩn Túc Luận (SC. Thích Nữ Nhẫn Hòa)
- 88 Triết lý Phật giáo là phương pháp để bảo vệ môi trường (Trịnh Kim Diệu)

GỚI THIỆU HOẠT ĐỘNG PHẬT SỰ CÁC TỰ VIỆN:

Chùa Thanh Lương, tỉnh Kiên Giang



Ý tưởng Bìa: Ngọc Huỳnh
Thiết kế: Phương Nam

HOẠT ĐỘNG PHẬT SỰ TIÊU BIỂU TRONG THÁNG

Trung ương Giáo hội
tưởng niệm 9 năm
ngày viên tịch Đại lão
Hòa thượng Thích Trí
Tịnh



Ban Thường trực
HĐTS thảo luận tu
chỉnh Quy chế hoạt
động các ban, viện
Trung ương



Ban Tăng sự, Ban Kiểm
soát và Ban Pháp chế
Trung ương đón nhận
quyết định, ra mắt
nhân sự nhiệm kỳ IX
(2022 - 2027)



Ban Hướng dẫn Phật tử Trung ương
đón nhận quyết định, ra mắt
nhân sự nhiệm kỳ IX (2022 - 2027)



Ban Từ thiện Xã hội Trung ương
đón nhận quyết định, ra mắt
nhân sự nhiệm kỳ IX (2022 - 2027)





Ban Nghị lễ
Trung ương đón nhận
quyết định, ra mắt
nhân sự nhiệm kỳ IX
(2022 - 2027)



Viện nghiên cứu Phật
học Việt Nam đón
nhận quyết định, ra
mắt nhân sự nhiệm
kỳ IX
(2022 - 2027)



Ban Phật giáo Quốc tế
và Ban Kinh tế Tài chính
Trung ương đón nhận
quyết định, ra mắt
nhân sự nhiệm kỳ IX
(2022 - 2027)



Một số hoạt
động từ thiện,
an sinh xã hội
nổi bật



THƯ TỎA SOẠN

Quý độc giả thân mến!

Đức Phật từ khi đản sinh, đến lúc xuất gia, thành đạo, chuyển pháp luân và nhập Niết bàn đều gắn liền với gốc cây. Đối với chúng đệ tử cũng vậy, ban ngày tu tập dưới gốc cây, đêm đến lấy gốc cây làm nơi ngủ nghỉ... Đó là thông điệp rõ ràng, sống động mà Đức Phật muốn chuyển tải đến mọi người: Hãy sống hòa hợp với thiên nhiên.

Thuyết Duyên khởi cho rằng, không có sự vật nào tồn tại và vận hành một cách độc lập, mà mỗi một thực thể tồn tại nhờ sự tương quan mà nó có với những thực thể khác trong môi trường. Tất cả các dạng sống trên vũ trụ là các thực thể bình đẳng trong tự nhiên và sự sống của tất cả con người, động vật, thực vật trên thế giới đều có quan hệ với nhau, phụ thuộc lẫn nhau và phát triển tương quan với nhau. Do đó, nhân loại không thể sống tách mình khỏi vạn vật và thiên nhiên.

Học thuyết Duy thức trong Phật giáo cũng chỉ ra tâm thức con người gắn liền chặt chẽ với sông ngòi, núi rừng và đất đai. Vì vậy, môi trường ô nhiễm sẽ ảnh hưởng sâu sắc đến sự tồn tại của mọi dạng sống trên Trái Đất và dẫn tới khổ đau cho nhân loại. Giáo lý nhà Phật còn dạy con người phải biết sống theo Tứ vô lượng (từ, bi, hỷ, xả), biết giữ “ngũ giới” và biết làm “thập thiện”. Lối sống nhân văn, nhân đạo răn dạy mỗi người phải ứng xử hài hòa với thiên nhiên, tôn trọng sinh mệnh vạn vật, từ những loài nhỏ nhất như cây cỏ, côn trùng.

Nhân ngày Trồng cây Thế giới (21/3) do Tổ chức Nông Lương Liên Hợp Quốc phát động từ năm 2013, Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo trân trọng gửi đến quý độc giả số báo 407 có chủ đề “Phật giáo và bảo vệ môi trường”, để tất cả cùng nhìn lại mối quan hệ gắn bó giữa con người với tự nhiên. Đồng thời, giúp chúng ta hiểu rõ bản chất của giáo lý Phật đà về luật vô thường, về tôn trọng sự sống để chung tay với cộng đồng bảo vệ môi trường và sự an nguy của Trái Đất.

Ban Biên tập Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo





PHẬT GIÁO &
BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG



MÔI TRƯỜNG
LÀ SỰ SỐNG
CỦA NHÂN LOẠI

TT. Thích Phước Đạt*

Đại dịch Covid-19 xảy ra toàn cầu vừa qua phần nào minh chứng môi trường trong sạch là sự sống của nhân loại. Có thể nói, môi trường chính là điều kiện cần và đủ, quyết định sự tồn vong và phát triển của mỗi quốc gia, mỗi dân tộc. Nó càng minh chứng những lời Phật dạy về vai trò của môi trường cùng cách ứng xử với môi trường được ghi nhận trong giáo lý và triết lý Phật giáo, qua các học thuyết Duyên khởi, Nhân quả nghiệp báo, Duy thức, ngay cả tư tưởng Thiền học được trình bày trong Tam tạng kinh điển được chính Đức Phật và các đệ tử của Ngài tự thân hành trì, trải nghiệm trong tiến trình tu tập giải thoát giác ngộ đã trở thành chân lý. Môi trường là sự sống của nhân loại này, soi sáng cho chúng ta có đủ cơ sở lý luận và thực tiễn, để có thái độ sống đúng với môi trường. Qua đó giúp bảo vệ, duy trì sự tồn vong và phát triển của nhân loại.

Thế nên, Phật giáo chủ trương thiết lập một môi trường lý tưởng để sống và tu học giải thoát, chứng ngộ Niết bàn ngay giữa cõi đời này. Bản Kinh Duy Ma đã chỉ ra rằng: “*Khi thế giới nội tâm con người thanh tịnh thì thế giới hiện hữu cuộc đời này thanh tịnh*”. Điều đó có nghĩa, sự sống của mọi chúng sinh được xây dựng trên nền tảng thiết lập một đời sống nội tâm bình an bên trong và thanh tịnh hóa môi trường sống bên ngoài. Và như thế, trong Phật giáo, khái niệm môi trường được diễn giải bao gồm cả môi trường nội tâm và môi trường ngoại thân trong một thực thể thống nhất bất khả phân ly.

Môi trường nội tâm lý tưởng mà Đức Phật thường khuyến giáo các đệ tử của mình trong quá trình tu tập và thực hành giáo lý là duy trì sự nội tâm thanh tịnh, có thể diễn giải một cách đơn giản là sự bình an nội tâm, thường gọi là tâm bình an, không có sự lo âu sợ hãi, một trạng thái tinh thần tự tại, không bị chi phối bởi những suy nghĩ hoặc xúc cảm tác động từ môi trường bên ngoài. Như vậy, một người có nội tâm bình an, tĩnh lặng là điều kiện tiên quyết cho việc hướng đến thiết lập môi trường thanh tịnh, bình yên bên ngoài, trong đó bao gồm những mối quan hệ

giữa cá nhân hiện hữu với con người, con người với xã hội, con người với môi trường sống.

Và như thế, môi trường sống bên ngoài thường được quyết định bởi môi trường bên trong nội tâm của mỗi cá nhân hiện hữu, của ý thức mỗi cộng đồng, mỗi quốc gia, mỗi dân tộc và cả nhân loại. Nói cách khác, mỗi công dân toàn cầu chung sống trong một môi trường lý tưởng, thanh tịnh, không cấu bẩn, không lo âu, không bị tổn hại đời này, đời sau. Nói theo lời Phật dạy, con người cần có thái độ sống hài hòa với đồng loại, với mọi chúng sanh, với các loài bao gồm chúng sanh hữu tình và vô tình.

Giáo lý nhà Phật chỉ ra rằng trật tự thế giới và môi trường sống của nhân loại mang tính bền vững, phát triển thịnh vượng đều bắt nguồn từ sự bình an nội tâm của các cá nhân. Qua đó tạo nền tảng vững chắc để xây dựng một thế giới thanh bình mà Đức Phật thường xuyên nhắc nhở chúng ta: “*Tâm bình, thế giới bình*”. Cho nên, Phật giáo luôn mời gọi cộng đồng thế giới bảo vệ môi trường là bảo vệ sự sống, bảo vệ môi trường thanh tịnh phải được xây dựng ngay chính trong tư tưởng và nếp sống đạo của con người.

Chính vì lẽ đó, con người cần đối diện và giải quyết các vấn đề nan giải xoay quanh vấn đề ô nhiễm môi trường, khủng hoảng môi sinh do phóng xạ, nạn phá rừng, cháy rừng, phát thải khí từ giao thông, khai thác các nguồn năng lượng vô tội vạ, phục vụ nhu cầu phát triển công nghiệp trong nền kinh tế thị trường và chỉ quan tâm đến lợi nhuận. Nó gây ra những hậu quả và di chứng không chỉ đời này mà còn đời sau. Cũng là hệ quả của sự thiếu trách nhiệm đối với môi sinh của con người, có khi dẫn đến sự hủy diệt sự sống của loài người trong tương lai gần.

Phật giáo cho rằng sự hủy hoại môi sinh, ô nhiễm môi trường là hậu quả đỉnh cao của tư duy hữu ngã, con đường tư duy và hưởng thụ lạc thú của con người. Thế nên, nguyên nhân chính của cuộc khủng hoảng lớn về môi sinh đang được báo động là do vô minh và tham ái. Học thuyết Duyên khởi của

Bản kinh Duy Ma
đã chỉ ra rằng: “*Khi thế giới
nội tâm con người thanh tịnh thì
thế giới hiện hữu cuộc đời này thanh
tịnh*”. Điều đó có nghĩa, sự sống của
mọi chúng sinh được xây dựng trên
nền tảng thiết lập một đời sống nội
tâm bình an bên trong và thanh
tịnh hóa môi trường sống
bên ngoài.

*“Nhu bông hoa tươi đẹp,
Có sắc nhưng không hương.
Cũng vậy, lời khéo nói,
Không làm, không kết quả”.*

(Kinh Pháp Cú, kệ số 52)

Phật giáo chỉ ra rằng con người là tập hợp ngũ uẩn (sắc - thọ - tưởng - hành - thức). Trong đó, sắc uẩn của một người bao gồm thân vật lý của người ấy và toàn thể thế giới vật lý. Điều đó có nghĩa thiên nhiên hay môi sinh thực sự là cơ thể của con người, hay một phần rất lớn của cơ thể con người. Con người không thể tồn tại được nếu không có môi sinh. Nếu môi sinh hay thiên nhiên bị ô nhiễm trầm trọng thì cơ thể vật lý của con người, hay đời sống con người sẽ bị hủy diệt. Vậy là khi hiểu rõ sự thật Duyên khởi thì con người sẽ tự nguyện bảo vệ môi sinh khỏi ô nhiễm. Đó cũng là ý nghĩa bảo vệ nguồn sống, nguồn hạnh phúc của nhân loại.

Và như thế, sự ô nhiễm môi sinh và sự thành tựu của khoa học môi sinh đã chứng minh con người không thể sống tách biệt với thiên nhiên, phải có thái độ sống hài hòa với thiên nhiên. Cơ thể vật lý của con người không có sự giới hạn cái thân vật lý riêng biệt của mình ở bất cứ một trú xứ hay một đại lục. Rõ ràng, đây là cái thân sắc vô ngã tính của con người. Tương tự đối với thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn.

Sự thật này sẽ giúp con người có thái độ sống đúng đắn khi giải quyết vấn đề môi trường trên nền tảng học thuyết Duyên khởi về con người và thế giới.

Cho nên khi Đức Phật còn tại thế, Ngài là người thiết lập đời sống thanh tịnh và an bình nội tại cho chính mình. Quan trọng hơn, với tuệ giác thẳng chứng của mình, Đức Phật vì lòng từ bi cứu khổ đã hướng dẫn con người thực thi nếp sống hài hòa với thiên nhiên, bảo vệ môi sinh là bảo vệ sự sống. Cụ thể, với trách nhiệm của bậc đạo sư, Ngài đã chủ động tạo ra môi trường tu học phù hợp cho những đệ tử xuất gia và tại gia. Đức Phật đã chủ động tìm cách xây dựng cho mình và hội chúng Tăng già một nếp sống hòa hài với thiên nhiên, một đạo tràng tu tập thích hợp hướng tới giác ngộ và Niết bàn.

Trong thế giới mà Đức Phật thị hiện và sống với cuộc đời, chúng ta sẽ nhận ra Ngài là bậc giáo chủ độc nhất sinh ra dưới vòm cây vô ưu tại vườn Lâm Tỳ Ni, hành trì Thiền định cho đến giác ngộ dưới gốc cây bồ đề, thuyết pháp lần đầu tiên tại vườn Nai ở Ba La Nại và cuối cùng nhập Niết Bàn dưới hai cây sala tại Kusinara. Đời sống của Ngài là sự thiết lập môi trường nội tâm và môi trường bên ngoài



“Tâm bình, thế giới bình”.

thân hết sức lý tưởng. Ngài sống gần gũi với thiên nhiên, thân cận núi rừng, xa chốn phồn vinh. Ngài sống như hình ảnh bông hoa tươi đẹp thơm ngát nội tâm bình và lan tỏa đến mọi người, như Kinh Pháp Cú đã nêu:

*“Nhu bông hoa tươi đẹp,
Có sắc nhưng không hương.
Cũng vậy, lời khéo nói,
Không làm, không kết quả”.*

(Kinh Pháp Cú, kệ số 52)

Trong 45 năm thuyết pháp độ sanh, Ngài để lại cho chúng ta hình ảnh một bậc đạo sư đi bộ từ làng này qua làng khác, từ đô thị này qua đô thị khác, sau khi khát thực trở về, thường ngồi trong một khu rừng gần đấy để an nghỉ hoặc thuyết pháp, hoặc ngồi thiền cho đến chiều. nếp sống này được kinh điển ghi lại như là vấn đề cảnh thức gìn giữ môi trường, giảm thiểu ô nhiễm:

*“Nhất bát thiên gia phạn,
Cô thân vạn lý du,*

*Kỳ vị sanh tử sự,
Giáo hóa độ xuân thu”.*
(Một bát ăn ngàn nhà,
Một thân đi vạn dặm.
Vì vấn đề sanh tử,
Giáo hóa độ ngày qua).

Đức Phật luôn luôn tán thán núi rừng và xem núi rừng là nơi trú ẩn lý tưởng cho những vị xuất gia hành đạo:

*“Làng mạc hay rừng núi,
Thung lũng hay đồi cao,
La Hán trú chỗ nào.
Đất ấy thật khá ái”.*

Và Phật khẳng định:
*“Khả ái hay núi rừng,
Chỗ người phạm không ưa.
Vị ly tham ưa thích,
Vì không tìm dục lạc”.*

(Kinh Pháp Cú, kệ số 98 - 99)

PHẬT GIÁO VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Chính đời sống trong lành, thanh tịnh của rừng núi là những trú xứ, là môi trường thích hợp nhất để thành tựu chánh trí. Đó là lý do tại sao ngài Kassapa sống trọn đời ở rừng núi, giải thích vì sao ngài ưa thích núi rừng: *“Khu đất thật khả ái, Với những vòng tràng hoa. Hoa tên Ka ra ri. Trái rộng ra cùng khắp, Với voi rú khả ý. Đồi núi ấy ta thích. Những hồ nước trong mát, Tuyệt đẹp màu mây xanh. Che tán bởi loại bọ, Tên kẻ chan In da. Những ngọn núi đá ấy, Làm tâm ta thích thú. Giống đồi mây xanh biếc, Vĩ tháp đẹp lâu đài, Với vượn hú khả ý. Đồi núi được ẩn sĩ, Làm thành nơi trú xứ, Vẳng lên tiếng chim công, Đồi núi ấy ta thích...”* (Trường Lão Tăng Kệ, 252 - 253).

Khi Đạo Phật truyền vào nước ta thì các thiền sư, Phật tử đã thực thi lời Phật dạy đề hướng đến môi trường tu tập giải thoát thanh tịnh. Các thiền đường Việt Nam hình thành trong một đường lối hoạch định: “Đất vua, chùa làng, phong cảnh Bụt”. Chùa được xây dựng từ trong hoàng cung cho đến thị thành, thôn xóm nhằm tạo môi trường nội tâm bên trong và môi trường ngoại cảnh bên ngoài thân. Minh chứng rõ nét là các Thiền sư ngộ đạo đời Lý - Trần đã thiết lập những môi trường tu tập trong thiên nhiên để mọi người hướng tâm tu tập giải thoát. Các chùa Việt như: Quần thể chùa Yên Tử, chùa Hương đều ẩn sâu trong rừng, được ví như cõi Phật mà ai đọc bài *Vịnh Văn Yên tự phú* của thiền sư Huyền Quang đều có thể tự hào. Hay như Trần Nhân Tông là ông vua kiêm Thiền sư đời Trần chủ trương sống và tu trong tinh thần yêu thiên nhiên chính là yêu đạo như bài *Thiên Trường vãn vọng* sau đây mô tả: *“Thôn tiền thôn hậu đạm tự yên, Bán vô bán hữu tịch dương biên. Mục đồng địch lý ngu quy tận, Bạch lộ song song phi hạ điền”*. (Trước xóm sau thôn tựa khói lồng, Bóng chiều dường có lại dường không, Mục đồng sao vắng trâu về hết, Cò trắng từng đôi liệng xuống đồng).

Rõ ràng, thái độ sống mà Đức Phật giảng dạy cho mọi người là luôn ý thức sống hài hòa với thiên nhiên. Muốn hài hòa với thiên nhiên, con người phải tôn trọng sự sống ngay cả loài vật và cỏ cây, một thái độ trên tinh thần Duyên khởi. Con người cần chung sống hòa hợp với mọi loài, vì tất cả sinh mạng của chúng sanh đều do nhân duyên sinh

khởi. Cho nên không ai có quyền có quyền hủy diệt sự sống vì tham lam, sân hận, si mê, hay vì sự chiếm hữu, lợi nhuận và mong muốn thỏa mãn sự thèm khát quyền lực. Kinh Trung Bộ nói rằng đó là do ham muốn mà các vị vua, Bà la môn, gia đình, cha mẹ, trẻ em, anh em, chị em, bạn bè và đồng nghiệp mâu thuẫn, tranh chấp và kết thúc bằng hủy diệt môi trường.

Vì lý do đó, cách để giải quyết mâu thuẫn xung đột nội tâm không gì khác hơn ngoài sự thực hành Bát Chánh Đạo mà Đức Phật dạy. Ngay điều nhỏ nhất, chúng ta thực hành trong đời sống thực tiễn để tôn trọng sự sống và bảo vệ môi trường là khi ăn uống không nên để lại sự dư thừa. Trong Kinh *Thừa Tự, Trung Bộ I*, số 3, Đức Phật dạy không nên đồ đồ ăn dư thừa trên cỏ xanh và trong nước có côn trùng, sợ làm hại cỏ và côn trùng. Ngài dạy các đệ tử xuất gia phải dùng vải lọc nước để ngăn chặn giết hại các sinh vật. Trong thời kỳ mùa mưa an cư kiết hạ, Đức Phật khuyên các Tỷ kheo không nên đi ra ngoài vì sợ dẫm đạp lên cỏ cây hoặc các loài côn trùng này nở rất nhiều trên đất và trong không khí ẩm ướt. Ngài xác nhận không sát sanh là bổ thí không sợ hãi, bổ thí không hận thù, bổ thí không làm hại: *“Vị Thánh đệ tử từ bỏ sát sanh, đem không sợ hãi cho vô lượng chúng sanh”* (Kinh Tăng Chi III, 229). Ngài tuyên bố rất rõ, không chấp nhận vì Ngài hay vì đệ tử của Ngài mà giết hại các chúng sanh để cúng dường đồ ăn. Ngài khuyên các đệ tử tại gia không nên làm nghề buôn bán thịt. Tinh thần tôn trọng sự sống đối với mọi loài đã trở thành nếp sống mà Phật tử Việt Nam có truyền thống phóng sanh, ăn chay, thọ bát quan trai là những hình ảnh tuyệt đẹp. Đức Phật dạy các đệ tử xuất gia và tại gia phải hành trì bốn vô lượng tâm: Tu tập lòng từ để đối trị lòng sân, tu tập lòng từ bi để không hại người hại vật, tu tập lòng hỷ để trừ diệt lòng ganh ghét và tu tập hạnh xả để đoạn diệt hận thù.

Chính từ, bi, hỷ, xả là bốn sức mạnh kết nối yêu thương, sự thông cảm giữa người với thiên nhiên, hướng đến xây dựng môi trường tốt đẹp cho hành tinh chúng ta. Thuyết Duyên khởi cho rằng sự sống là sự hỗ trợ giữa các loài. Đức Phật dạy lòng từ có được những lợi ích như sau: *“Ngủ được an lạc, dậy được an lạc, không có ác mộng, được người khác ái mộ. Được loài phi nhân yêu kính, được loài trời gia hộ”* (Kinh Tăng Chi III, tr.11).



Họa sĩ Alexander Kolbasov
và hình xăm Phật trong rừng.
(Sưu tầm)

Sự thật cho thấy, khi một cá nhân khởi lòng từ với môi sinh thì tâm từ đó sẽ có thiện tâm với đồng loại để cầu giải thoát và giác ngộ. Hơn ai hết, Đức Phật cho rằng nguồn gốc dẫn đến hủy diệt môi sinh là do tham lam, muốn hưởng lợi từ việc khai thác thiên nhiên. Cho nên, thái độ sống của Đức Phật là: “*Này các Tỳ kheo, ta không tranh chấp với đời, chỉ có đời tranh chấp với ta. Này các Tỳ kheo, người nói pháp không tranh chấp với một ai ở đời*” (Kinh Tương Ưng III, tr.165).

Rõ ràng, thế giới môi trường sẽ giảm thiểu nguy hại, khi mọi người có ý thức sống không khai thác các nguồn tự nhiên vốn có. Thay vì tận hưởng dục lạc, Đức Phật khuyến khích các đệ tử sống đời sống ít dục, biết đủ. Ngài dạy các Tỳ kheo lý quán sát thọ dụng y phục, “*chỉ để ngăn ngừa lạnh, ngăn ngừa nóng, ngăn ngừa sự xúc chạm của muỗi, gió, sức nóng mặt trời và các loại bò sát... thọ dụng các món ăn khát thực, chỉ để thân này được sống lâu, và để bảo dưỡng, để thân này khỏi bị thương hại, để hỗ trợ cho phạm hạnh... thọ dụng sàng tọa chỉ để ngăn ngừa lạnh, ngăn ngừa nóng, ngăn ngừa sự xúc chạm của ruồi muỗi, gió,*

sức nóng mặt trời... chỉ với mục đích sống độc cư an tịnh... thọ dụng các dược phẩm trị bệnh, chỉ để ngăn chặn các cảm giác thống khổ đã sanh, để được ly khổ hoàn toàn...” (Kinh Trung Bộ I, tr.98). Với nếp sống ly dục tri túc như vậy, con người mới bảo vệ được thiên nhiên và sống một đời sống bình yên.

Như vậy, Đạo Phật tán dương nếp sống hài hòa với thiên nhiên, hài hòa với loài người, tán thán lòng từ bi, khích lệ thương người thương vật, đề cao hạnh thiếu dục tri túc, sống đời sống lành mạnh và giản dị, nhằm xây dựng một môi trường sống xanh và sạch. Đây là cơ sở để thiết lập nền hòa bình cho nhân loại.

Cuối cùng, sự bình an nội tại và hạnh phúc an lạc trong cuộc sống này chính là trải nghiệm tâm linh ngay trong giây phút hiện tại. Nó có sẵn ở bên trong và xung quanh chúng ta. Môi trường chính là sự sống của nhân loại ngày nay.

* Thượng tọa Tiến sĩ Thích Phước Đạt - Ủy viên Hội đồng Trị sự, Phó ban kiêm Chánh Thư ký Ban Giáo dục Phật giáo Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

ỨNG XỬ CỦA TỖ KHEO ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG



*THEO KINH
NHẤT THIẾT LẬU HOẶC*



SC. Thích Nữ Hạnh Từ

DẪN NHẬP

Nhân loại đang đối mặt với vô vàn vấn nạn về môi trường. Đứng trên góc nhìn Phật giáo, không ai khác, chính con người là nguyên nhân dẫn đến những hệ lụy này. Vì vậy, mỗi chúng ta phải tự ý thức lại những hành động của bản thân để không gây ra tổn hại to lớn đến thiên nhiên và môi trường xung quanh. Trong các bài pháp, Đức Phật đã nhiều lần giảng dạy về sự tương quan duyên của vạn pháp, giữa con người với con người, giữa con người với thiên nhiên, giữa con người với các loài chúng sanh. Ngài không chỉ dạy riêng cho hàng Tỳ kheo mà muốn nhắc nhở đến tất cả con người hãy ý thức tầm quan trọng của môi trường. Trong bài Kinh *Nhất Thiết Lậu Hoặc*, Đức Phật đã dạy các Tỳ kheo về bảy phương pháp giúp đoạn trừ những lậu hoặc. Mỗi phương pháp có những đặc trưng khác nhau, đối trị những phiền não khác nhau. Nhưng trong bài viết này, người viết chỉ sử dụng phương pháp “thọ dụng” để nghiên cứu về vấn đề bảo vệ môi trường. Do sử dụng không đúng cách nên gây ra vô số tàn hại nhiệt nã đối với thân, tâm và hoàn cảnh sống. Đây được xem là một trong những nguyên nhân dẫn đến ô nhiễm môi trường, tàn hại môi trường và tàn hại các sinh vật vô tội.

THỌ DỤNG Y PHỤC

Trong Đạo Phật, vấn đề ăn uống, y phục, sàng tọa, được phẩm không phải là mục đích để một vị Tỳ kheo hướng đến. Mục đích cần hướng đến là sự an lạc giải thoát ngay trong kiếp hiện tại. Trong Kinh *Nhất Thiết Lậu Hoặc*, Đức Phật đã dạy rằng: “Ở đây, này các Tỳ kheo như lý giác sát thọ dụng y phục chỉ để ngăn ngừa lạnh, ngăn ngừa nóng, ngăn ngừa sự xúc chạm của ruồi, muỗi, gió, sức nóng mặt trời, các loài bò sát, chỉ với mục đích che đậy sự trần truồng” [1]. Một vị Tỳ kheo khi sử dụng y phục thì phải như lý giác sát mới thọ dụng. Như vậy, thế nào là “như lý giác sát” (yoniso patisankhàna), nó tương đương với từ “như lý tác ý”: “Là tư duy chơn chánh và chú tâm hợp theo sự thật. Khi một vật là vô thường vị ấy thấy nó là vô thường, khi một vật là khổ, vô ngã, bất tịnh, vị ấy thấy nó là khổ, vô

ngã, là bất tịnh..., sự trú tâm thường xuyên trên đó, hướng tâm vào đó, tư duy hợp với cái đó thì gọi là như lý tác ý” [2].

Vị Tỳ kheo phải tỉnh giác quán sát đúng như chân lý. Ví như, khi thọ dụng y phục Phật tử cúng dường cần nên tác ý như lý rằng y phục chỉ ngăn ngừa những xúc chạm bên ngoài, chỉ vì mục đích che đậy sự trần truồng mà thôi. Khi nghĩ như vậy, Tỳ kheo đó không thọ dụng vì sự ưa thích hay đắm nhiễm nên không làm tổn hại đến những hữu tình xung quanh. Một vị Tỳ kheo chỉ có ba y và một bình bát.

Ngày nay, chúng ta mặc không chỉ để che thân, không chỉ để ngăn ngừa những xúc chạm. Mặc phải đẹp, phải sang, vì sự ưa thích đó đã gây ra biết bao hệ lụy về môi trường, làm tổn hại biết bao loài chúng sanh. Ví như áo phải dệt bằng tơ lụa, gấm vóc, lông thú, giấy và túi xách, thắt lưng phải bằng da cá sấu mới gọi là “hàng hiệu”. Chính vì lòng tham ích kỉ của cá nhân mà gây ra biết bao đau thương cho chúng sanh. Do vậy, mỗi người tự ý thức rằng “mặc” chỉ để che đậy tấm thân trần truồng, không cần quá hình thức cầu kì. Nếu chúng ta nhận thức đúng đắn như thế thì chính bản thân được an vui, những hữu tình xung quanh cũng được sống an nhiên với môi trường thiên nhiên.

Chúng ta thấy nếp sống của chư Tăng thật giản dị, rất gần gũi với thiên nhiên, cho đến cuối đời vẫn nhẹ nhàng và giản dị. Điển hình là chính Thế Tôn, là bậc Thiên Nhân Sư, vô thượng ở đời, Ngài vẫn dung dị trong tâm y vàng, có những lúc chỉ mặc y phân tảo, đi chân không, dùng tấm lót ngồi đan bằng cỏ khô [3]. Có những lúc, Ngài trú mưa qua một đêm trong chái nhà lá của thợ làm đồ gốm một mình. Ngài sinh ra dưới cội cây, xuất gia tu tập dưới cội cây, thành đạo dưới cội cây và nhập Niết bàn cũng dưới cội cây, chỉ đơn giản nằm nghiêng trên chiếc võng dây treo giữa hai cây Sala. Là người có đầy đủ phước báu, đầy đủ quyền uy nhưng Ngài đã từ bỏ tất cả để đi tìm con đường giác ngộ giải thoát. Đây được xem là một sự từ bỏ vĩ đại.

A. Toynbee khẳng định: “Nạn ô nhiễm là mối đe dọa nghiêm trọng đối với sự sống còn của cả loài người và không thể cứu chữa nếu con người không hạn chế lòng tham”.

Như vậy, nếp sống thiền môn không mang lại sự tàn hại chúng sanh, không mang lại tổn hại cho môi trường. Ăn chỉ để sống chứ không phải sống để ăn.

THỌ DỤNG THỨC ĂN

Kể đến, Đức Phật đã dạy về thọ dụng món ăn: “*Vị ấy như lý giác sát, thọ dụng món ăn khát thực không phải để vui đùa, không phải để đắm mê, không phải để trang sức, không phải để tự làm đẹp mình, mà chỉ để thân này được sống lâu và được bảo dưỡng, để khỏi bị thương hại, để hỗ trợ phạm hạnh*” [4]. Một vị Tỳ kheo khi thọ dụng thức ăn không phải vì đắm mê những món mình yêu thích, không phải thọ dụng thức ăn bởi trau diện tâm thân ngũ uẩn này ngày càng xinh đẹp, mà chỉ xem chúng như dược phẩm để nuôi dưỡng tâm thân này. Dầu biết thân tứ đại do duyên hợp thành mà có, nhưng không vì thế mà chúng ta bỏ bê hay mặc kệ nó. Bởi thân khoẻ tâm mới an, chúng ta hãy xem nó là phương tiện đưa người đến đạo quả, là chiếc bè đưa người qua sông. Nếu lỡ chiếc bè hư hỏng giữa dòng thì không qua được bờ, cũng thế, chúng ta thọ dụng thức ăn để giữ cho thân không bệnh tật, để tu tập tiến đến đạo quả giác ngộ

giải thoát. Chúng ta phải biết thọ dụng vừa đủ, theo tinh thần thiểu dục tri túc của Phật giáo.

“Nhứt bát thiên gia phạn,

Cô thân vạn lý du.

Kỳ vị sanh tử sự,

Thuyết pháp độ xuân thu” [5].

Tài sản của một vị Tỳ kheo gồm có ba y và một bình bát. Chỉ có thể, ngoài y bát, chư Tăng còn cần đến một bữa ăn trưa mỗi ngày mà không tích lũy, một chỗ nằm khiêm tốn gọi là sàng tọa, có thể chỉ một tấm ván hay một chiếc giường tre hay giường dây thấp và hẹp cùng một ít thuốc men tùy thân phòng chữa bệnh khi đau ốm. Tất cả các thứ cần thiết này đều nhờ các thí chủ cúng dường. Chư Tăng không cố động hay vận động cúng dường, cũng không cất chứa sẵn, hoàn toàn sống không có tài sản. Như vậy, nếp sống thiền môn không mang lại sự tàn hại chúng sanh, không mang lại tổn hại cho môi trường. Ăn chỉ để sống chứ không phải sống để ăn.

THỌ DỤNG SÀNG TOA

Trong 45 năm thuyết pháp độ sanh, Đức Phật để lại cho chúng ta hình ảnh một bậc đạo sư đi bộ từ làng này qua làng khác, từ đô thị này qua đô thị khác, sau khi khát thực trở về, thường ngồi trong một khu rừng gần đấy để an nghỉ hoặc thuyết pháp, ngồi thiền. Đời sống của chư Tăng cũng như thế, lấy gốc cây làm nhà, mỗi gốc chỉ ở đúng ba đêm để tránh sự tham đắm, chấp trước. Đức Phật luôn luôn tán thán núi rừng và xem núi rừng là nơi trú ẩn lý tưởng cho những vị xuất gia hành đạo. Đức Phật dạy các vị Tỳ kheo khi thọ dụng sàng tọa cần phải: “*Như lý giác sát, thọ dụng sàng tọa, chỉ để ngăn ngừa lạnh, ngăn ngừa nóng, ngăn ngừa sự xúc chạm của ruồi, muỗi, gió, sức nóng mặt trời, các loài bò sát, chỉ được giải trừ nguy hiểm của thời tiết, chỉ với mục đích sống độc cư an tịnh*” [6].

Đức Phật đã chủ động tìm cách xây dựng cho mình và hội chúng tăng già một nếp sống hài hòa với thiên nhiên, một đạo tràng tu tập thích hợp hướng tới giác ngộ và Niết bàn. Chỗ ở chỉ để ngăn ngừa những xúc chạm bên ngoài tác động và mục đích ở một mình để tu tập thân tâm. Không cần nhà cao cửa lớn, không cần phải giường cao tốt đẹp, không cần phải nội thất sang trọng, mà chỉ cần một gốc cây, một tấm phản nhỏ, một tấm cỏ để ngủ qua đêm. Chính lối sống thiểu dục tri túc đó đã không làm tổn hại đến môi



Đạo Phật tán dương nếp sống hài hòa với thiên nhiên, hài hòa với loài người, tán thán lòng từ bi, khích lệ thương người thương vật, đề cao hạnh thiếu dục tri túc, sống đời sống lành mạnh và giản dị, với mục đích xây dựng một môi trường tu học lý tưởng cho người xuất gia. (Ảnh: *suu tâm*)

trường xung quanh. “Ở đây này Nagita, ta thấy một Tỷ kheo sống ở trong rừng, ngôi chưa đạt được Thiên định ở trong rừng. Nay Nagita, đối với vị ấy, ta suy nghĩ: “Tôn giả này chưa đạt được Thiên định, nhưng sẽ thành tựu được Thiên định, và sẽ bảo vệ được tâm đã được Thiên định”. Do vậy này Nagita, ta hoan hỷ về trú xứ tại rừng của Tỷ kheo ấy” [7].

Chỉ với một nếp sống thiếu dục tri túc như vậy, hành giả mới sống một đời sống lành mạnh hướng thượng, đạt đến giác ngộ giải thoát. Như vậy, Đạo Phật tán dương nếp sống hài hòa với thiên nhiên, hài hòa với loài người, tán thán lòng từ bi, khích lệ thương người thương vật, đề cao hạnh thiếu dục tri túc, sống đời sống lành mạnh và giản dị, với mục

đích xây dựng một môi trường tu học lý tưởng cho người xuất gia.

“Làng mạc hay rừng núi,
Thung lũng hay đồi cao
La-hán trú chỗ nào
Đất ấy thật khả ái”.
“Khả ái thay núi rừng
Chỗ người phạm không ưa
Vị ly tham ưa thích
Vị không tìm dục lạc”.

(Kinh Pháp Cú, kệ số 98-99)

Ngược lại, con người hiện nay tham đắm nhà cao cửa rộng, nội thất phải xa hoa, sang trọng. Chính sự ham muốn vô cùng vô tận ấy đã dẫn tới những hành

PHẬT GIÁO VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

động làm tổn hại đến thiên nhiên. Những cây cổ thụ quý hiếm, những cánh rừng bạt ngàn xanh ngắt hầu như đã bị chặt phá, thay vào đó là những rừng hoang đồi trọc. Những rừng cây đều biến thành đô thị, chung cư, nhà máy, xí nghiệp, những ngôi nhà cao to. Sự tàn phá của con người đã khiến thiên nhiên nổi giận. Những trận bão lụt, lốc xoáy, hạn hán... biết bao nhiêu thiên tai đang đổ xuống. Không phải tự nhiên như vậy, tất cả đều có nguyên nhân. Không ai khác, chính lòng tham con người là nguyên nhân dẫn đến những hậu quả như thế. A. Toynbee khẳng định: *“Nạn ô nhiễm là mối đe dọa nghiêm trọng đối với sự sống còn của cả loài người và không thể cứu chữa nếu con người không hạn chế lòng tham”* [8].

Chính tâm tham cầu quá nhiều mới sanh ra khổ đau, hại mình hại người, hại những thứ xung quanh. Như vậy, thiếu dục tri tức là một pháp đối trị lại tâm tham cầu. Chính dục vọng của con người đã làm cho họ khổ đau triền miên, phải tự gánh những hậu quả do chính mình gây ra. *“Phật giáo dạy con người đi vào giải thoát, có nghĩa là đi ra khỏi mọi trói buộc mọi ách nô lệ. Nó lớn nhất của hiện tượng giới là nó lệ chính dục vọng của mình”* [9].

THỌ DỤNG DƯỢC PHẨM

Đối với vấn đề sử dụng dược phẩm để trị bệnh, Đức

Phật đã hướng dẫn vị Tỳ kheo khi sử dụng cần phải: *“Như lý giác sát thọ dụng dược phẩm trị bệnh, chỉ để ngăn chặn các cảm giác thống khổ đã sanh, để được ly khổ hoàn toàn. Nay các Tỳ kheo, nếu vị ấy không thọ dụng như vậy, các lậu hoặc tàn hại nhiệt não có thể khởi lên. Nếu vị ấy thọ dụng như vậy thì những lậu hoặc tàn hại và nhiệt não sẽ không còn”* [10].

Như vậy, chúng ta thấy ở đây một vị Tỳ kheo chỉ được sử dụng dược phẩm trị bệnh khi có bệnh, Đức Phật đã nói sử dụng dược phẩm chỉ để ngăn chặn các cảm giác thống khổ đã sanh. Nghĩa là những cơn đau nhức hoành hành khiến vị Tỳ kheo đó đau đớn, khổ sở. Lúc này mới sử dụng dược phẩm để ngăn chặn những nỗi thống khổ đó.

Đức Phật đã từ bi khai mở năm thứ dược phẩm cho một vị Tỳ kheo khi bị bệnh có thể sử dụng. Các vị Tỳ kheo bị nhiễm cơn bệnh thuộc về mùa thu khiến cháo đã húp vào bị ói ra, thức ăn đã ăn vào bị mưa ra. Vì thế, các vị trở nên ốm o, cần cỗi, xuống sắc, có vẻ xanh xao, thân hình nổi đầy gân. Khi ấy, Đức Thế Tôn đã khởi ý điều này: *“Năm loại dược phẩm này như là bơ lỏng, bơ đặc, dầu ăn, mật ong, đường mía là các loại dược phẩm tuy được quy định là dược phẩm ở thế gian, không được xem là loại thức ăn thông thường, có lẽ ta nên cho phép*

Rõ ràng, với các pháp môn tu tập hết sức giản dị và thực tế do bậc đạo sư giảng dạy, người Phật tử không cần phải tìm đâu xa cách thức để thực nghiệm an lạc, bởi an lạc nằm ngay trong đời sống hàng ngày, trong việc ăn - mặc - ở, có chánh niệm mà đáng giác ngộ đã ăn cần chỉ bảo cho mọi người.

các Tỳ kheo được thọ lãnh năm loại dược phẩm này đúng thời và thọ dụng đúng thời” [11].

Những thứ được xem quá bình thường so với người thế gian, nhưng năm thứ này đối với một vị Tỳ kheo khi bệnh mới được sử dụng, để ngăn ngừa tâm ưa thích, tham đắm vào những dược phẩm đó. Như vậy, dược phẩm chỉ giúp ngăn ngừa những bệnh tật, có một thân thể khỏe mạnh để tiếp tục chí nguyện xuất trần của bản thân, chứ không phải dùng những dược phẩm đó để bồi bổ cho thân thể giả huyền này. Không phải lạm dụng dược phẩm để bồi bổ hay làm đẹp, nếu không bệnh thì không được dùng thuốc. Nếu sử dụng đúng như vậy, những lậu hoặc tàn hại nhiệt não sẽ không khởi lên nơi vị ấy.

Ngày nay, con người không bệnh cũng uống thuốc, không đau đớn khó chịu cũng dùng thuốc. Họ không chỉ sử dụng thuốc để trị bệnh mà còn sử dụng vào nhiều mục đích khác. Những vitamin như: dầu cá, mỡ trăn, sừng hươu giúp làm đẹp, những mỹ phẩm đều chiết xuất từ sinh mạng chúng sanh. Chính vì những mục đích này đã gây tổn hại lớn đến môi sinh. Con người đã không ngừng sản xuất ra những thứ dược phẩm đó để cung cấp cho nhu cầu con người hiện nay. Họ sử dụng không dừng lại để trị bệnh, mà còn muốn nuôi dưỡng tâm thân này trẻ hoài không già, khỏe mãi không bệnh. Nhưng điều đó sẽ không thành hiện thực. Vì đó là quy luật không một ai có thể tránh. Do đó, chúng ta phải xác định sau khi mạng chung, những gì có thể đi theo chúng ta? Tiền tài, danh vọng, sắc đẹp? Tất cả đều không, chỉ có nghiệp sẽ đi theo chúng ta. Không ai khác cứu được mình, mà chính bản thân là chủ nhân quyết định mọi việc.

*“Nếu ác nghiệp bất thiện
Đã làm, nay đang làm
Thì trọn không thoát được
Và cũng không chỗ tránh” [12].*

KẾT LUẬN

Tóm lại, Đức Phật cho phép các học trò mình thọ nhận các nhu yếu tối thiểu do người khác hiến tặng gồm y áo, đồ ăn khát thực, chỗ cư trú, dược phẩm trị bệnh để hỗ trợ đời sống tu học nhưng nhấn mạnh đến việc thọ dụng đúng pháp, tức giữ tâm chánh niệm tỉnh giác trong lúc sử dụng các nhu yếu như là một phương pháp tu tập nhằm mục đích thăng tiến giới đức, tâm đức, tuệ đức, hướng đến

đoạn trừ các lậu hoặc, thành tựu lý tưởng xuất gia tu học đạo lý giác ngộ.

Ngày nay, nếp sống ấy còn được duy trì trong phạm ngôn của Phật giáo “*Tam thường bất túc*”. Nếp sống ấy, một mặt vừa để tiết chế dục vọng, biểu hiện bên ngoài cái vẻ kham khổ, nhưng một mặt nói lên một nghệ thuật sống cao. Đời sống vật chất của chư Tăng có vẻ thiếu thốn, nhưng chính vì thế mà nuôi sống tâm hồn rất sung mãn. Các vị trọn hưởng các hạnh phúc của cuộc sống và hạnh phúc của Thiên định một cách rất nhẹ nhàng và thanh thoát.

Rõ ràng, với các pháp môn tu tập hết sức giản dị và thực tế do bậc đạo sư giảng dạy, người Phật tử không cần phải tìm đâu xa cách thức để thực nghiệm an lạc, bởi an lạc nằm ngay trong đời sống hàng ngày, trong việc ăn - mặc - ở, có chánh niệm mà đáng giác ngộ đã ân cần chỉ bảo cho mọi người. Người xuất gia sống theo chánh hạnh, thọ dụng y áo, đồ ăn khát thực, chỗ cư trú và thuốc trị bệnh do người khác hiến cúng chỉ với mục đích ngăn chặn các lậu hoặc ngay trong hiện tại và diệt trừ các lậu hoặc ngay trong tương lai. Thế giới ngày nay, hầu như con người càng ngày càng trở nên vong thân, căng thẳng và mệt mỏi bởi các áp lực huyền ảo nhân tạo và sự hào nhoáng phù phiếm của chủ nghĩa thực dụng, người ta có thể trông chờ và tìm ở đâu khác một lẽ sống tỉnh táo, minh triết và an lạc như vậy.

Tài liệu tham khảo:

- [1] Kinh Trung Bộ 1, Thích Minh Châu dịch (2012), *Kinh Tắt cả lậu hoặc*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr.28.
- [2] Acharya Buddhārakkhita, *Đoạn trừ lậu hoặc*, Tỳ-khưu Pháp Thông dịch, tr.42-43.
- [3] Thích Chơn Thiện (2009), *Phật học khái luận*, Nxb. Phương Đông, TP. Hồ Chí Minh, tr.465.
- [4] Thích Minh Châu dịch (2012), Kinh Trung Bộ 1, *Kinh Tắt cả lậu hoặc*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr.28.
- [5] Thích Chơn Thiện (2009), *Phật học khái luận*, Nxb. Phương Đông, TP. Hồ Chí Minh, tr.466.
- [6] Thích Minh Châu dịch (2012), Kinh Trung Bộ 1, *Kinh Tắt cả lậu hoặc*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr.28.
- [7] Thích Minh Châu (2001), *Chánh pháp và hạnh phúc*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr.161.
- [8] A.J. Toynebee & D. Ikeda, *Man himself must choose*, tr.41.
- [9] Thích Chơn Thiện (2009), *Phật học khái luận*, Nxb. Phương Đông, TP. Hồ Chí Minh, tr.251.
- [10] Kinh Trung Bộ 1, Thích Minh Châu dịch (2012), *Kinh Tắt cả lậu hoặc*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr.28.
- [11] Tỳ khưu Indacanda (2014), *Đại phẩm tập 2*, VI, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr.2.
- [12] Thích Thiện Siêu dịch (1992), *Kinh Trung A-hàm tập I*, VNCPHVN, tr.130.

A photograph of a green plant stem with several buds and one open white flower, set against a blurred green background. The stem enters from the bottom left and extends towards the top center.

PHẬT GIÁO
BÀN VỀ QUAN NIỆM
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

ĐD. Thích Quảng Lâm*

Phật giáo không chỉ chủ trương từ bi đối với con người, tôn trọng đối với mọi sinh mệnh mà còn phải bảo vệ môi trường sống thiên nhiên, quý tiếc vật phẩm tiêu dùng hằng ngày. Những tư tưởng này của Phật giáo ngày càng được đề cao, nhất là với quan niệm bảo vệ môi trường sống trên toàn cầu hiện nay. Phật giáo khi bàn về bảo vệ môi trường thường chú trọng ba phương diện: quan niệm bảo vệ môi trường, trách nhiệm bảo vệ môi trường và phương hướng thực hành thực tiễn.

QUAN NIỆM BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Quan niệm về giới sát sinh: giữ giới bất sát để bảo vệ động vật, tôn trọng tất cả mạng sống từ con người cho đến những loài sinh linh bé nhỏ nhất. Đồng thời, đây cũng là cách tốt nhất để duy trì sự cân bằng môi trường sinh thái. Trong suốt lịch sử phát triển của loài người, nhân loại vẫn luôn giữ lấy quan điểm “mình là trung tâm của vũ trụ”, do đó tuy tiện tức đoạt mạng sống của các loài động vật khác để phục vụ cho mình.

Ngày nay, khả năng chinh phục thiên nhiên của nhân loại ngày càng tăng cao, lại thêm nhân khẩu thế giới ngày một bùng nổ. Điều này đã khiến số lượng lớn động vật mất đi chỗ trú thân. Nhất là nhân loại vì phát triển các ngành nghề công thương nghiệp và thỏa mãn ham muốn vị giác, dẫn đến mức độ gần như loài nào cũng bắt, loài nào cũng ăn, vơ vét cho bằng hết. Hơn thế nữa, nhu cầu may mặc phục trang của nhân loại cũng không còn đơn thuần với mục đích giữ ấm tránh lạnh nữa, mà ngày nay đang dần lưu hành các loại thời trang với nguyên liệu từ các loại da và lông của nhiều loài động vật khác nhau, trực tiếp đe dọa đến mạng sống của các loài động vật hoang dã thuộc dạng quý hiếm, khiến cho lượng lớn động vật vì phục vụ cho cái đẹp của con người mà bị săn bắt tàn khốc, ảnh hưởng nghiêm trọng đến sự cân bằng của môi trường sinh thái và sự hài hòa của giới tự nhiên.

Đây cũng là nguyên do chính đưa đến quả báo bất thiện với mình chúng là các căn bệnh kỳ lạ và khó

trị ngày một gia tăng. “*Mặc đơn giản và ăn thức chay*” suốt mấy nghìn năm qua vẫn luôn là truyền thống tốt đẹp của đệ tử Phật giáo Hán truyền. Bằng phương thức ăn chay lấy thực phẩm gieo trồng làm chính, là sự cam đoan chắc chắn và chân thực cho chủ trương không sát hại sinh mạng. *Kinh Lăng Già* dạy rằng: “*Phàm sát sinh đều vì phục vụ việc ăn*

uống cho con người, nếu con người không ăn sẽ không ai giết hại sinh vật. Do vật, người ăn và kẻ giết đồng tội như nhau”. Mục đích căn bản

Mục đích căn bản của việc ăn chay là vun trồng hạt giống Phật tính từ bi của con người trong đời sống. Việc ăn chay cũng mang lại tác dụng tích cực đối với môi trường sinh thái. Tinh thần từ bi của “giới sát hộ sinh” trong Phật giáo đã thành công trong công cuộc truyền dạy người đời tăng trưởng tình yêu thương và nhân ái, đến một con muỗi con kiến cũng không nỡ làm chúng tổn thương.

của việc ăn chay là vun trồng hạt giống Phật tính từ bi của con người trong đời sống. Việc ăn chay cũng mang lại tác dụng tích cực đối với môi trường sinh thái. Tinh thần từ bi của “giới sát hộ sinh” trong Phật giáo đã thành công trong công cuộc truyền dạy người đời tăng trưởng tình yêu thương và nhân ái, đến một con muỗi con kiến cũng không nỡ làm chúng tổn thương.

Như *Kinh Phạm Võng* có chép: “*Nếu có đệ tử Phật nào thực hành phóng sinh với tâm từ bi, hãy luôn nhớ xem tất cả người nam là cha mình, xem tất cả người nữ là mẹ mình. Chúng ta đời đời kiếp kiếp thọ sinh biết bao nhiêu lần, do đó chúng sinh trong lục đạo đều là cha là mẹ mình. Nếu giết hại, nếu ăn thịt khác nào đang giết hại cha mẹ mình, đang ăn thịt chính người thân thích của mình. Tất cả mọi loài trên trái đất đều là thân đời trước của mình, tất cả đất nước gió lửa đều là bản thể mình, vật nên phải thường thực hành hộ sinh*”.

Không ít những bậc cao Tăng cổ đức thời xưa đã thực hành được tinh thần: “*Nhập thú bất loạn quân, nhập điếu bất loạn hành*” (Vào giữa bầy thú không khiến chúng hỗn loạn bỏ chạy, đến gần đàn chim không làm chúng hoảng sợ bay đi), cùng với tiêu chí gọi chim hoang đã bay đến đậu vào lòng bàn tay để mở lấy thức ăn làm cảnh giới tu hành. Đây là tinh thần tôn trọng mạng sống, cũng chính là sự cống hiến vĩ đại nhất của Phật giáo đối với môi trường sinh thái. Trên nền tảng cơ bản của giới sát hộ sinh, Phật giáo tiến thêm một bước nâng cao tinh thần bảo vệ sinh mạng, hướng dẫn người đời tích cực thực hiện các hành động thực tiễn bảo vệ động vật, bảo vệ các loài có nguy cơ tuyệt chủng, quan tâm

Là một người con Phật, dưới thời buổi ô nhiễm môi trường và ô nhiễm tâm hồn hiện nay, càng là lúc cấp bách hơn để chúng ta phát tâm Bồ đề, hạnh nguyện Bồ tát. Chân lý cuộc đời không gì ngoài nhân quả, “Bồ tát sợ nhân, chúng sinh sợ quả”, phạm tất cả muôn sự vạn vật trên thế gian đều có nhân quả của nó. Điều chúng ta cần làm bây giờ chính là đốc sức trồng nhân lành nhiều hơn nữa, tránh gieo nhân xấu ác, khởi đầu từ chính bản thân mình, bắt tay ngay từ những việc nhỏ nhất trong đời sống của mình, không làm bất cứ việc xấu gì gây tổn hại đến môi trường và xã hội dù là nhỏ nhất, tất cả những hành động nào góp phần bảo vệ môi trường đều không bỏ qua.



đến các loài động vật bị ngược đãi, đề xướng quyền lợi và bình đẳng cho mọi loài chúng sinh, đề duy trì sự quân bình cho sinh thái.

Mỹ hóa môi trường sống, bảo vệ thiên nhiên, sáng tạo Tịnh độ nhân gian: Phật giáo là một tôn giáo đề cao ý thức bảo vệ môi trường, chủ trương không những dùng tâm từ để đối đãi giữa người với người, còn phải quý tiếc và bảo hộ sơn hà đại địa. Gọi đây là “*Đại địa chúng sinh giai hữu Phật tính*”, con người và giới tự nhiên từ muôn đời nay vẫn luôn luôn nương nhau để sinh tồn, chủ thể sinh mệnh và môi trường sống vẫn luôn là mối quan hệ “một thể không hai không khác”. Hơn thế nữa, Phật giáo vẫn luôn xem mỹ hóa môi trường sống và bảo vệ thiên nhiên chính là sứ mệnh nên có của một Phật tử. Bởi lẽ con người không thể sinh tồn nếu thiếu đi đại tự nhiên. Vậy nên cần không ngừng gắng sức để bảo hộ, duy trì và mỹ hóa, thay vì chỉ biết thụ hưởng và sử dụng những gì mẹ thiên nhiên ban tặng.

Phật giáo chú trọng bảo vệ môi trường thiên nhiên, đề xướng những hành vi văn minh, lành mạnh và hướng thượng. Trong việc hoằng dương giáo nghĩa, Phật giáo luôn đồng thời lan tỏa tư tưởng bảo hộ môi trường sống, hướng dẫn đại chúng cùng chung tay góp sức bảo vệ môi trường. Đề xuất các phương án thực tiễn như vun hoa dưỡng cỏ, trồng cây gây rừng, cúng hương văn minh, hoa tươi dâng Phật, tiết nước kiệm điện, trân quý tài nguyên, cho đến các khẩu hiệu tích phúc, biết đủ, thu hồi tài nguyên tái sử dụng, giữ gìn vệ sinh nơi công cộng,... Nhiều đệ tử Phật giáo không những tận tâm duy trì và bảo vệ môi trường tại tự viện và xung quanh, còn rộng rãi tham gia các hoạt động trồng cây gây rừng. Hầu hết các tự viện ngày nay đã và đang áp dụng cúng hương văn minh, không đồng tình với hành vi thắp quá nhiều hương hoặc thắp các loại hương độc hại gây ô nhiễm môi trường để tịnh hóa bầu không khí chung, giảm thiểu ô nhiễm. Khuyến khích nên dùng hoa tươi để cúng Phật, không sử dụng hoa giả hoa nhựa nhằm giải quyết vấn đề hoa giả khó thu hồi phế liệu tái sử dụng và khó phân hủy. Đặc biệt, quan niệm tích phúc đã từ lâu thấm nhuần vào tâm hồn mỗi người con Phật, không dùng quá nhiều thức ăn và quần áo, không để thừa thức ăn, lãng phí vật dụng, các băng hiệu “tiết nước kiệm điện” có mặt ở khắp nơi tại hầu hết các tự viện lớn nhỏ tại Việt Nam và các nước khác. Đề xướng thu hồi

Phật giáo chú trọng bảo vệ môi trường thiên nhiên, đề xướng những hành vi văn minh, lành mạnh và hướng thượng. Trong việc hoằng dương giáo nghĩa, Phật giáo luôn đồng thời lan tỏa tư tưởng bảo hộ môi trường sống, hướng dẫn đại chúng cùng chung tay góp sức bảo vệ môi trường.



tài nguyên, không riêng việc sử dụng các vật liệu phế thải tái sử dụng, còn giúp giảm bớt lượng lớn trong công tác xử lý rác thải. Tất cả những điều ấy đều là hành vi trên tinh thần tự giác của người con Phật đối với việc mỹ hóa môi trường sống và bảo vệ thiên nhiên, cũng chính là sự dốc sức trong công cuộc sáng tạo một Tịnh độ nhân gian ngay giữa cõi đời trần tục.

Tịnh hóa tâm hồn, lợi lạc hữu tình, xây dựng một thế giới hòa bình: Với tư tưởng “*y báo chính báo không hai không khác*” của Phật giáo, bảo vệ tâm hồn cũng chính là then chốt của việc bảo vệ môi trường và mạng sống. Chỉ khi tâm hồn thiện lương, mới có được môi trường sống tốt đẹp. Bởi tất cả môi trường sống xung quanh đều là y báo của chúng ta, chúng đều tùy theo chính báo của chúng ta mà vận hành chuyển hóa. Trong thời buổi toàn xã hội đều đang kêu gọi bảo vệ môi trường sinh thái ngày

nay, hi vọng nhiều người hơn nữa cùng bắt đầu gia nhập vào hàng ngũ bảo vệ tâm hồn. Tâm con người hướng thiện, hướng đến hòa bình, tôn trọng đạo đức, tuân thủ pháp luật, từ đó mới dẫn phát các hành vi hướng thiện, thế giới mới chuyển hóa thành một thế giới hòa mục, an vui và thanh tịnh. Do đó, năng lượng tâm của chúng ta không những có năng lực chuyển hóa thân, còn có thể chuyển hóa được vật ngoài thân, thậm chí có thể khiến cho cả thế giới hoàn toàn thay đổi.

Thời đại ngày nay dễ khiến nhân loại ngày một gia tăng tâm tự lợi và ích kỷ, chỉ khi nào giảm thiểu các nhu cầu ham muốn vật chất trong tâm, tịnh hóa tâm hồn mình, dẹp bỏ lòng tham luyến chấp trước vô hạn đối với người, việc và vật, cho đến lấy tư tưởng lợi lạc hữu tình, trang nghiêm quốc độ làm bản hoài, mới mong xây dựng được một xã hội hòa mục, một thế giới hòa bình.

Thời đại ngày nay dễ khiến nhân loại ngày một gia tăng tâm tự lợi và ích kỉ, chỉ khi nào giảm thiểu các nhu cầu ham muốn vật chất trong tâm, tịnh hóa tâm hồn mình, dẹp bỏ lòng tham luyến chấp trước vô hạn đối với người, việc và vật, cho đến lấy tư tưởng lợi lạc hữu tình, trang nghiêm quốc độ làm bản hoài, mới mong xây dựng được một xã hội hòa mục, một thế giới hòa bình.

TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI CON PHẬT

Trách nhiệm của một người con Phật không riêng ở việc xem trọng bảo vệ môi trường sinh thái, còn phải có nghĩa vụ tuyên truyền và lan tỏa quan niệm bảo vệ môi trường sống, động viên và khích lệ nhân dân trên toàn xã hội tham gia vào sự nghiệp chung tay bảo vệ môi trường. “*Phật pháp tại thế gian, bất ly thế gian giác*”, chúng ta cần phải hành động để Phật giáo hài hòa và dung nhập cùng với đời sống của đại chúng, mượn những phương tiện truyền thông mà xã hội hiện đại đang lưu hành đưa tinh thần Phật pháp cùng dung hòa và hướng dẫn xã hội thế tục. Phật pháp cần dần thân vào xã hội nhiều hơn để tuyên truyền và lan tỏa quan niệm bảo vệ môi trường. Chẳng hạn như in ấn sách báo phát cho các du khách, thêm vào phần phụ lục trên các kinh sách kết duyên ấn tặng, vận dụng các buổi thuyết giảng, khóa tu tại các tự viện để tuyên truyền, hướng dẫn người đời dù có là đệ tử Phật giáo hay không cũng nên cùng chung tay góp sức bảo vệ môi trường. Bởi vì đây là trách nhiệm chung, nghĩa vụ chung của toàn nhân loại, khích lệ đại chúng cùng sáng tạo một Tịnh độ nhân gian thanh tịnh và tốt đẹp.

Là một người con Phật, dưới thời buổi ô nhiễm môi trường và ô nhiễm tâm hồn hiện nay, càng là lúc cấp bách hơn để chúng ta phát tâm Bồ đề, hạnh nguyện Bồ tát. Chân lí cuộc đời không gì ngoài nhân quả, “*Bồ tát sợ nhân, chúng sinh sợ quả*”, phàm tất cả muôn sự vạn vật trên thế gian đều có nhân quả của nó. Điều chúng ta cần làm bây giờ chính là dốc sức trồng nhân lành nhiều hơn nữa, tránh gieo nhân xấu ác, khởi đầu từ chính bản thân mình, bắt tay ngay từ những việc nhỏ nhặt trong đời sống của mình, không làm bất cứ việc xấu gì gây tổn hại đến môi trường và xã hội dù là nhỏ nhặt, tất cả những hành động nào góp phần bảo vệ môi trường đều không bỏ qua. Số đông hãy cùng nhau chi rõ tác hại khôn lường của những hành vi phá hoại môi trường sống và môi trường sinh thái. Sau đó mới có thể lan truyền và khích lệ người thân trong gia đình, đoàn nhóm, tổ chức, nhà máy, trường học,... Chỉ có như vậy môi trường sống của chúng ta mới ngày càng tịnh hóa, xã hội ngày một tốt đẹp và thế giới ngày một an lành hơn, đời sống của chúng ta mới trở nên thanh bình và lạnh mạnh hơn, an lạc và hạnh phúc hơn.

Chú thích:

* ĐĐ. Thích Quảng Lâm, Trung tâm Biên phiên dịch Tư liệu Phật giáo quốc tế.



HOẢNG PHÁP
Online

Kênh Youtube chính thức của Hoằng Pháp Online
"Nơi chia sẻ những thông điệp, bài giảng, thuyết pháp
của ban Hoằng Pháp Trung Ương GHPGVN"



Mời quý vị Quét mã QR-CODE
Để xem tất cả các bài Giảng - Thuyết Pháp



GIÁ TRỊ LỜI PHẬT DẠY



*TRONG VIỆC BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG*

SC. Thích Nữ Tịnh Trí

Đức Phật đã hiện hữu trên cuộc đời này cách đây hơn 2.600 năm. Những lời dạy của Ngài về cách sống tốt đẹp dành cho người xuất gia cũng như cho toàn thể nhân loại thật vô cùng giá trị từ xưa cũng như nay. Vì vậy, có thể nói, khi triển khai tinh ba của lời Phật dạy ở lĩnh vực nào của xã hội, phải công nhận tất cả đều nằm trong Phật pháp. Vì vậy, đối với vấn đề bảo vệ môi trường, biến đổi khí hậu ngày nay loài người mới đặt ra, trong khi đó, Đức Phật đã quy định cách sống để bảo vệ môi trường từ hơn hai ngàn năm trước.

Trong bối cảnh chung của thế giới, các vấn đề môi trường đang ngày càng trở nên nghiêm trọng, đe dọa sức khỏe con người và ảnh hưởng đến mọi khía cạnh xã hội trong đời sống. Bởi vậy, công cuộc bảo vệ môi trường là vấn đề lớn mang tính chất toàn cầu được cả loài người trên thế giới quan tâm. Tại Việt Nam, cùng với sự phát triển kinh tế, quá trình đô thị hóa, công nghiệp hóa cũng diễn ra mạnh mẽ, nhưng cũng kéo theo những hệ lụy ngày càng báo động về môi trường. Là một tôn giáo lớn, Phật giáo cũng là một nguồn lực đóng góp không nhỏ trong việc tham gia bảo vệ môi trường, đưa ra những giải pháp tối ưu nhằm giảm thiểu rủi ro thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu tại Việt Nam và trên thế giới.

MỐI LIÊN HỆ SÂU SẮC GIỮA CON NGƯỜI VÀ THIÊN NHIÊN THEO GIÁO LÝ ĐẠO PHẬT

Thuyết Duyên khởi của Phật giáo khẳng định mối tương quan giữa các hiện tượng tự nhiên, nhân sinh và vũ trụ. Duyên khởi nói tới sự vận động của các yếu tố trong vũ trụ, nhân sinh, con người và cả tâm linh tôn giáo có liên quan với nhau. Giáo dục Phật giáo với bảo vệ môi trường nghĩa là đem tinh thần giáo dục Phật giáo áp dụng vào việc bảo vệ môi trường. Theo cách nghĩ thông thường, chúng ta xem yếu tố con người và môi trường tự nhiên trong mối quan hệ chủ thể và đối tượng; sự vật tự nhiên là khách thể phục vụ hữu dụng cho chủ thể con người.

Theo cách nghĩ như vậy, rõ ràng không thể tồn tại, con người sống nhờ vào môi trường tự nhiên, ngược lại, con người phải biết bảo vệ môi trường tự nhiên, có như thế mối quan hệ cộng sinh mới tồn tại lâu dài, con người và hệ thống sinh thái của tự nhiên mới bền vững.

Thuyết Duyên khởi là thế giới quan độc đáo của Phật giáo, là đặc trưng cơ bản khiến Phật giáo khác biệt với các tôn giáo, triết học khác. Nội dung chủ yếu của thuyết Duyên khởi cho rằng sự tồn tại và hủy diệt của thế giới phụ thuộc vào các nhân duyên. Mọi

thứ trong vũ trụ đều được kết nối bằng sợi dây

Duyên khởi: *“Có nhân có duyên thế gian tập thành; có nhân có duyên thế gian hủy diệt”*. Nói cách

khác, mọi hiện tượng trong

vũ trụ nương nhau mà thành

“từ vật lớn cho đến vật nhỏ,

từ vật hữu hình cho đến

vô hình, đều không ngoài

nhân duyên mà có”. Chính

vì mối tương quan cộng tồn

rất mật thiết giữa muôn sự

muôn vật, giữa con người

với con người, giữa con người

với xã hội, với thiên nhiên, mà

Đức Phật dạy rằng: *“Cái này có*

thì cái kia có, cái này sinh thì cái

kia sinh, cái này diệt thì cái kia diệt” [1],

cho nên một cái mất thăng bằng sẽ ảnh hưởng xấu đến những cái khác. Nhận thức như vậy, chúng ta phải bảo tồn các loài khác, bảo tồn xã hội, bảo tồn thiên nhiên thì đó là bảo tồn chính mình [2]. Nếu môi trường sống bị phá hoại thì ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống vật chất và tinh thần con người. Con người sống dựa vào tự nhiên, vì thế con người cần có thái độ ứng xử hài hòa với thiên nhiên theo tinh thần bảo vệ thiên nhiên là bảo vệ môi trường sống của muôn loài. Hơn bao giờ hết, nhân loại cần đón nhận năng lượng niềm tin trong kho tàng giáo lý vi diệu của Đức Phật. Chỉ khi đó, chúng ta mới vượt qua những thách thức khủng hoảng này. Dựa trên học thuyết về nguyên lý duyên sinh giúp mọi người nhận ra rằng tất cả chúng ta phải chịu trách nhiệm về nguyên nhân của khủng hoảng và tất cả chúng ta đều phụ thuộc vào nhau. Do đó, chúng ta phải chung tay làm việc cùng nhau trong việc giải quyết những thách thức khôn lường đang diễn ra hàng ngày.

Ngài M.Gandhi
của Ấn Độ cũng từng nói:
“Thế giới có đủ cho nhu cầu
của mọi người nhưng không
đủ ngay cho cả tham vọng
của một người”.

PHẬT GIÁO VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

ỨNG XỬ THÂN THIỆN VỚI MÔI TRƯỜNG TỰ NHIÊN

Tôn trọng sự sống là vấn đề rất được đề cao trong Phật giáo. Cầm sát sinh và làm hại thú vật là một trong những giới luật căn bản dành cho Phật tử. Giáo lý Phật giáo cho rằng tất cả chúng sinh đều bình đẳng. Như trong *Kinh Phạm Võng*, Đức Phật dạy: *“Tất cả nam tử là cha ta, tất cả nữ nhân là mẹ ta. Từ nhiều đời, ta đều thác sinh nơi đó. Vì lẽ ấy nên chúng sanh trong lục đạo đều là cha mẹ ta. Nếu giết chúng để ăn thịt, thời chính là giết cha mẹ ta, mà cũng là giết thân cũ của ta [3].* Trong *Kinh Đại Bát Niết Bàn*, Đức Phật dạy: *“Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, nhưng vì bị vô lượng phiền não che phủ nên chúng sanh chẳng nhận thấy được” [4].* Như vậy, chúng sinh bao gồm tất cả mọi loài động vật trong đó có cả loài người, có cảm giác, có tình cảm, biết đau đớn và sung sướng. Họ có mối quan hệ ràng buộc thân thiết, họ cần được ứng xử bình đẳng như nhau, được tôn trọng quyền sống như nhau. Việc tôn trọng sự sống không chỉ vì từ bi, vì niềm tin vào luân hồi và nghiệp báo, mà còn vì ý thức rằng mọi loài sinh vật đều có quyền sống bình đẳng và môi trường sống là dành cho tất cả mọi loài trên trái đất này chứ không phải dành riêng cho con người, giáo lý Phật giáo cũng nhấn mạnh đến quan điểm từ bi. *“Tâm Từ phải được rải khắp đồng đều cho mọi chúng sanh, phải bao trùm vạn vật, phải sâu rộng và đậm đà như tình thương của bà từ mẫu đối với người con duy nhất, săn sóc, bảo bọc con, dầu nguy hiểm đến tánh mạng cũng vui lòng” [5].*

Chính từ những quan điểm trên, Phật giáo đề cao lối sống hài hòa, thân thiện với tự nhiên, muôn loài yêu thương nhau, để cùng được sống trong an lành và hạnh phúc. Đây chính là giải pháp căn bản để dần khôi phục môi trường thiên nhiên. Khi môi trường thiên nhiên được khôi phục cũng đồng nghĩa với việc giảm thiểu rủi ro thiên tai và ảnh hưởng do biến đổi khí hậu mang lại.

PHƯƠNG PHÁP THIẾT THỰC NHẤT LÀ QUAY VỀ CHUYỂN HÓA NGUỒN TÂM CON NGƯỜI

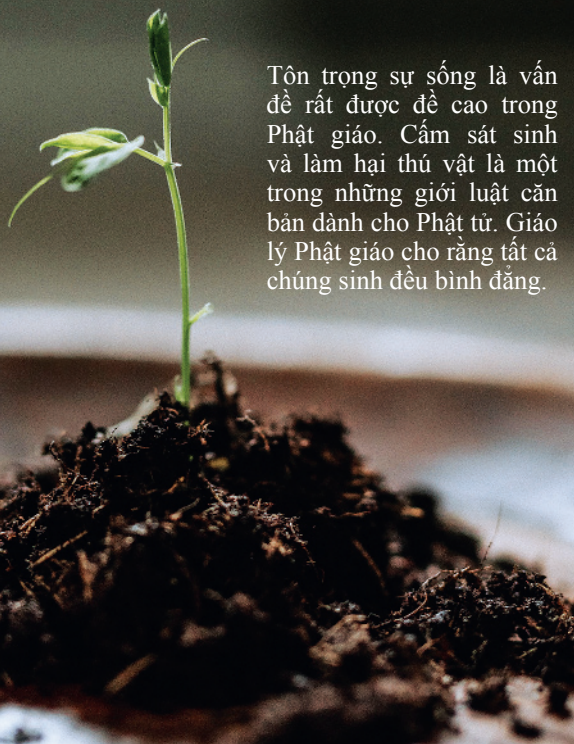
Từ thuyết Duyên khởi, chúng ta nhận ra rằng, không có sự vật nào tồn tại và vận hành một cách độc lập, mỗi một thực thể tồn tại nhờ sự tương quan mà có với những thực thể khác trong môi trường. Do đó, con người không thể sống tách mình ra khỏi vạn



Giáo dục Phật giáo với bảo vệ môi trường nghĩa là đem tinh thần giáo dục Phật giáo áp dụng vào việc bảo vệ môi trường.

vật và thiên nhiên. Chẳng may một bên bị tiêu vong thì bên kia cũng không thể tồn tại. Điều đó đã trở thành quy luật chung. Xuất phát từ quan niệm này của Phật giáo, mỗi người cần có ý thức bảo vệ thiên nhiên như bảo vệ sự sống chính mình. Con người cần loại bỏ đi “tam độc” (tham, sân, si) khai thác vô độ, tàn phá thiên nhiên, bắt thiên nhiên phải phục tùng mình bởi một khi thiên nhiên bị suy thoái, bị hủy hoại thì con người cũng không thể tồn tại dài lâu. Theo Phật giáo, *“dùng tâm sân hận để hành động trả thù không thể giải quyết vấn đề khủng hoảng, mà còn làm tăng thêm tình trạng bất an, lo sợ và gây thêm nhiều thảm họa nữa. Tình trạng khủng bố đang diễn ra kéo theo những cuộc chiến sa lầy, gây chết chóc, sợ hãi, khổ đau cho nhiều người hiện nay” [6].*

Giáo lý Phật giáo dạy con người phải biết sống theo Tứ vô lượng tâm, biết giữ “ngũ giới” bởi vì: *“Năm giới này không những đưa người mạnh tiến trên đường giải thoát, mà còn đem lại trật tự, an vui, hòa bình cho gia đình, quốc gia, xã hội nữa. Ngũ giới chính là giềng mối chắc thật tạo hạnh phúc cho cá nhân và đoàn thể, chính là ông thầy ngăn ngừa chúng ta làm điều xằng bậy trong thời mạt pháp” [7]* và biết làm “thập thiện”. Lối sống nhân văn, nhân đạo trong Phật giáo có ý nghĩa răn dạy con người phải ứng xử hài hòa với thiên nhiên,



Tôn trọng sự sống là vấn đề rất được đề cao trong Phật giáo. Cấm sát sinh và làm hại thú vật là một trong những giới luật căn bản dành cho Phật tử. Giáo lý Phật giáo cho rằng tất cả chúng sinh đều bình đẳng.

biết tôn trọng sinh mệnh của vạn vật, từ những loài nhỏ nhất như cây cỏ, côn trùng nhằm giữ gìn sự đa dạng sinh học. Về điều này, Hòa thượng Thích Minh Châu đã từng giải thích: *“Hại người/vật vô tội cũng giống như ném bụi ngược gió với kết quả là ta phải chịu hậu quả của hành động mình”* [8]. Ngoài ra, theo luật “nhân quả” của nhà Phật, con người nếu biết tu dưỡng nghiệp thiện, gây nhân tốt thì sẽ gặt hái được quả ngọt. Lối sống “thiếu đức, tri túc” mà Phật giáo đề cao cũng có ý nghĩa răn dạy con người phải biết trân trọng những gì mình có, tiết kiệm tài nguyên và năng lượng, không ham hưởng thụ, tiêu dùng quá mức, tham gia bảo vệ hệ sinh thái tự nhiên, không được vì lòng tham mà làm tổn hại đến vạn vật và môi trường. Theo ý nghĩa này, nhà Phật quan niệm sống giản dị không có nghĩa là sống không có chất lượng. Chất lượng của Đạo Phật là sự “an vui”, thay vì tham lam, “bận rộn”; là cố gắng bảo vệ muôn loài, thay vì thờ ơ giết hại sinh mạng và hủy diệt điều kiện sinh tồn của chúng sinh; là hợp tác vì lợi ích chung thay vì cạnh tranh giành giật cho quyền lợi riêng; là vượt qua chính mình để thể nhập cuộc sống thực tại, thay vì tách rời và đối nghịch lại thiên nhiên [9].

Quan niệm sống của Phật giáo rõ ràng đã giúp con người nhận thức sâu sắc và thấu đáo hơn về trách nhiệm của mình đối với môi trường sống. Một lối

sống giản dị, tiết kiệm, giảm sức ép đối với môi trường sống, hài hòa giữa danh lợi với bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và các loài động, thực vật sẽ góp phần làm giảm ô nhiễm, tránh được tình trạng rừng bị tàn phá, tài nguyên bị suy kiệt, động vật bị săn bắn dẫn tới tuyệt chủng nhờ đó tránh được sự “trả thù” của thiên nhiên, khí hậu như bão lũ, hạn hán, sa mạc hóa, động đất, nước biển dâng,... đang đe dọa cuộc sống của chúng ta.

Có thể thấy, trong giáo lý của Phật giáo luôn tiềm ẩn những tư tưởng, những bài học sâu sắc về ý thức bảo vệ môi trường sống. Để cụ thể hóa những tư tưởng ấy thành hành động cụ thể của mỗi người, hàng năm, trong các ngôi chùa Phật giáo thường có ba tháng “an cư kiết hạ” để hành trì lời Phật dạy. An cư kiết hạ là ba tháng trùng vào mùa mưa của Ấn Độ xưa kia nên việc hạn chế đi lại trong ba tháng đó sẽ tránh được sự sát hại vô tình đối với côn trùng, sâu bọ, cây cỏ. Điều này vốn xuất phát từ truyền thống tốt đẹp của Phật giáo là từ bi, hỷ xả, không sát sinh muôn loài. Nó đã góp phần nêu cao tinh thần, trách nhiệm tự giác của con người đối với sứ mệnh bảo vệ, gìn giữ thiên nhiên tươi đẹp và môi trường sinh thái.

GIÁ TRỊ LỜI PHẬT DẠY ĐỐI VỚI ĐỜI SỐNG CON NGƯỜI

Cuộc sống hiện đại có nhiều tiến bộ đáng mừng nhưng cũng báo hiệu những triệu chứng đầy lo ngại. Sự giàu có về vật chất đi đôi với tình trạng sụt giảm đạo đức và bạo động gia tăng. Sự tiến bộ kỹ thuật hiện đại gắn liền với tình trạng chiến tranh và khủng bố lan rộng. Sự hưởng thụ xa hoa của con người đi đôi với tình trạng thế giới thiên nhiên thay đổi nhanh chóng dẫn đến các hiểm họa thiên tai xảy ra liên tục ở nhiều nơi. Tất cả đều là hậu quả của sự tăng trưởng các độc tố tham sân si ở trong mỗi con người mà nền văn minh hiện đại chưa có giải pháp khắc phục. Đã có nhiều cảnh báo về nguy cơ lòng tham không đáy của con người đang đưa thế giới loài người đến các hiểm họa khó lường. Tuy nhiên, người ta vẫn chưa tìm thấy giải pháp nào khả dĩ để chế ngự và khắc phục. Giữa lúc con người đang vui mừng về thành quả văn minh vượt trội của mình nhưng cũng đang bối rối lo lắng về hậu quả không sáng sủa của nền văn minh ấy và cố tìm cách khắc phục thì những lời dạy của Đức Phật hiện rõ như kim chỉ nam cho con người và cuộc đời để vượt qua mọi khổ đau khủng hoảng.

PHẬT GIÁO VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Chính vì mối tương quan cộng tồn rất mật thiết giữa muôn sự muôn vật, giữa con người với con người, giữa con người với xã hội, với thiên nhiên, mà Phật dạy rằng: “Cái này có thì cái kia có, cái này sinh thì cái kia sinh, cái này diệt thì cái kia diệt”, cho nên một cái mất thăng bằng sẽ ảnh hưởng xấu đến những cái khác. Nhận thức như vậy, chúng ta phải bảo tồn các loài khác, bảo tồn xã hội, bảo tồn thiên nhiên thì đó là bảo tồn chính mình.



Chúng ta thấy rằng cuộc sống của con người là vô thường và có mối tương quan mật thiết với nhau, bởi thế sự xung đột giữa người với người, giữa người với thiên nhiên và xung đột với chính mình sẽ mang đến khổ đau. Sự xung đột giữa người với người gây ra biết bao tang tóc, chiến tranh gieo rắc sự chết chóc và sự hủy diệt. Tất cả những điều này đều phát xuất từ lòng tham lam và sân hận. Ngài M.Gandhi của Ấn Độ cũng từng nói: “*Thế giới có đủ cho nhu cầu của mọi người nhưng không đủ ngay cho cả tham vọng của một người*”. Do vậy, tham lam vô độ trở thành cội gốc của sự xung đột. Đức Phật dạy chúng ta trong quan hệ giữa người với người phải biết tôn trọng yêu thương lẫn nhau, chúng ta phải biết mang sự an lạc đến với tất cả mọi người bằng những hành động yêu thương, chia sẻ, thương người để xứng đáng sống ở đời. Đề diệt bớt lòng hận thù, Đức Phật dạy “*lòng hận thù không diệt được hận thù chỉ có lòng yêu thương mới không thù hận*” [10], đây là một lời dạy cao quý của Đức Phật và chính là phương pháp giáo dục của bậc vĩ nhân.

Không tổn hại kẻ khác mới đích thực là bảo vệ chính hạnh phúc của mình, Đức Phật dạy trong *Kinh Tiểu Bộ*: “*Chúng hữu tình đều ao ước có hạnh phúc, người nào mà dùng vũ khí, bạo lực làm tổn hại kẻ khác để tìm kiếm hạnh phúc riêng cho họ, sẽ không bao giờ kiếm được hạnh phúc*” [11]. Trong đời sống thường ngày, Đức Phật luôn tôn trọng sự sống thậm chí cho đến sinh vật nhỏ nhoi như côn trùng, Ngài khuyên các đệ tử không nên giết hại: “*Trên từ Thánh nhơn, Tăng nhơn, cha mẹ, dưới cho đến loại con trùng vi tế đều không được giết nếu cố tâm giết hại hoặc bảo người khác giết... đều bị phạm giới sát sanh*” [12]. Ngài khuyên chư đệ tử không nên đốn phá cây cối, cho dù là chặt cành hay bẻ lá. Điều này được chứng minh rất rõ ràng trong một đoạn kinh sau: “*Cây xanh cho chúng ta bóng mát trong lành, giúp chúng ta có nơi ngủ nghỉ qua đêm hay ngồi thiền định. Chặt cành hay bẻ lá của cây đều là hành vi phi đạo đức*”. Đức Phật lấy ví dụ cụ thể trên chính bản thân là sau khi thọ thực xong không được ném thức ăn còn dư lại trên cỏ hay trong nước, nơi đó có côn trùng nhỏ đang sinh

sống. Đức Phật khuyên các Phật tử không nên giết hại sinh vật để cúng dường thức ăn đến ngài và chư Tăng bởi vì làm như vậy sẽ giảm tổn phước đức... Đức Phật khuyến khích một cuộc sống hòa bình và bất hại. Ngài chê trách tất cả những hành động dẫn đến bất hòa, mâu thuẫn, xung đột bạo lực và chiến tranh “*khắc phục chế ngự tiêu diệt lòng sân hận, mang đến sự khổ đau và sân hận sẽ không bao giờ dập tắt bởi sân hận mà bởi lòng yêu thương*”. Tôn trọng và bảo vệ đời sống của con người, của mọi loài là động lực hay nhất và thiết thực nhất để bảo vệ, tôn trọng đời sống chính bản thân.

Khi đã ý thức rõ tham sân si chính là gốc rễ của mọi khủng hoảng khổ đau, chúng ta phải cố gắng hành theo nếp sống thoát ly tam độc ấy để vừa xây dựng hạnh phúc cho chính mình, vừa góp phần tạo hạnh phúc an lạc cho cuộc đời. Đây chính là con đường mà bậc đạo sư đã thực chứng và thông qua nếp sống ấy chúng ta hưởng được hạnh phúc an lạc, bởi: “*Bớt tham một chút bớt khổ cho đời; bớt sân một chút bớt khổ cho đời; bớt si một chút bớt khổ cho đời*”. Phương pháp giáo dục của Đức Phật không những cải cách thế giới trên một phạm vi rộng rãi mà còn nằm trong sự cải cách tự thân của chúng ta thực hành lời dạy của Đức Phật sẽ đặt chúng ta ở trong mối quan hệ tốt đẹp trong sáng hòa bình giữa người với người, và giúp cho họ thấy được con đường đưa đến thoát khỏi khổ đau bằng sự phấn đấu tu dưỡng bản thân hoàn thiện tinh thần của mình [13].

KẾT LUẬN

Ngày nay, đời sống vật chất rất đầy đủ nhưng con người chưa bao giờ thấy thỏa mãn. Nhằm đáp ứng nhu cầu tham dục, con người không ngừng khai thác và tàn phá thiên nhiên. Khi tiêu thụ nhiều đồng nghĩa xả thải cũng nhiều. Môi trường chịu đựng cách đối xử ngược đãi hai chiều lâu ngày thành ra bất kham. Hậu quả là sự báo động về ô nhiễm môi trường khắp nơi trên thế giới. Giáo lý “*do cái này sanh, cái kia sanh*” đã hiện hữu trước mắt mọi người nhưng không phải ai cũng ý thức để hiểu và thực hành. Một khi lòng tham vẫn hiện hữu, lối sống tiêu thụ xa hoa phung phí vẫn không giảm và hạt giống tử bi thương đồng loạt rộng ra cho đến mọi loài chưa được nảy mầm phát triển trong mỗi con người thì những lời kêu gọi của một số cá nhân hay tổ chức vẫn còn là tiếng kêu lạc lõng. Những lời dạy của Đức Phật về bảo vệ môi trường vẫn còn nguyên giá trị nhưng sự thực hành

giáo lý ấy vẫn còn xa vời với thế giới hưởng thụ ngày nay. Mong rằng lời dạy của Đức Thế Tôn được nhiều người biết đến và cùng thực hành để môi trường được cải thiện tốt hơn.

Chú thích:

- * SC. Thích Nữ Tịnh Trí, Học viên Cao học khóa V, Học viện Phật giáo Việt Nam tại TP. Hồ Chí Minh.
- [1] Thích Minh Châu (dịch, 1991), ĐTKVN, Kinh Trường Bộ 1, VNCPHVN, TP. Hồ Chí Minh, tr.532.
- [2] HT Thích Trí Quảng (2011), Khai thị 2009, Phật giáo và bảo vệ môi trường, Nxb. Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh, tr.122.
- [3] Thích Trí Tịnh (dịch, 2008), Kinh Phạm Võng Bồ Tát Giới, Nxb. Tôn giáo, tr.34.
- [4] Thích Minh Châu (dịch, 1990), ĐTKVN, Kinh Trường Bộ, Đại Bát Niết Bàn, VNCPHVN, TP. Hồ Chí Minh, tr.267.
- [5] Thích Minh Châu (dịch, 1999), ĐTKVN, Kinh Tiểu Bộ, VNCPHVN, TP. Hồ Chí Minh, tr.506.
- [6] HT Thích Trí Quảng (2008), Phật giáo nhập thế và phát triển, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr.281.
- [7] HT Thích Thiện Hoa (2012), Phật học phổ thông 1, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr.71.
- [8] Trần Phương Lan dịch, Phật giáo, sinh thái học và đạo đức toàn cầu, <http://www.thuvienhoasen.org> (truy cập ngày 17/3/2023).
- [9] Lê Văn Tâm, Đạo Phật với vấn đề phát triển lâu bền và bảo vệ môi trường, <http://www.daitangkinhvietnam.org>. (truy cập ngày 17/3/2023).
- [10] Thích Minh Châu (dịch, 1999), ĐTKVN, Kinh Tiểu Bộ 1, Pháp Cú 5, VNCPHVN, TP. Hồ Chí Minh, tr.14.
- [11] Thích Minh Châu (dịch, 1999), ĐTKVN, Kinh Tiểu Bộ 1, Pháp Cú 131, VNCPHVN, TP. Hồ Chí Minh, tr.62.
- [12] Thích Trí Tịnh (dịch, 2008), Kinh Phạm Võng Bồ Tát Giới, Nxb. Tôn giáo, tr.34.
- [13] Ban Giáo dục Tăng Ni TW (2012), Hội thảo khoa học: Giáo dục Phật giáo - Định hướng & Phát triển, Đức Phật với môi trường sống, Lưu hành nội bộ, tr.415.

Tài liệu tham khảo:

1. Thích Minh Châu (dịch, 1991), ĐTKVN, Kinh Trường Bộ, VNCPHVN, TP. Hồ Chí Minh.
2. Thích Minh Châu (dịch, 1999), ĐTKVN, Kinh Tiểu Bộ, VNCPHVN, TP. Hồ Chí Minh.
3. Thích Trí Tịnh (dịch, 2008), Kinh Phạm Võng Bồ Tát Giới, Nxb. Tôn giáo.
4. HT Thích Thiện Hoa (2012), Phật học phổ thông, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
5. HT Thích Trí Quảng (2011), Khai Thị-2009, Phật giáo và bảo vệ môi trường, Nxb. Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh.
6. HT Thích Trí Quảng (2008), Phật giáo nhập thế và phát triển, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
7. Trần Phương Lan dịch, Phật giáo, sinh thái học và đạo đức toàn cầu, <http://www.thuvienhoasen.org>, truy cập ngày 17/3/2023.
8. Lê Văn Tâm, Đạo Phật với vấn đề phát triển lâu bền và bảo vệ môi trường, <http://www.daitangkinhvietnam.org>, truy cập ngày 17/3/2023.
9. Ban Giáo dục Tăng Ni TW (2012), Hội thảo khoa học: Giáo dục Phật giáo - Định hướng & Phát triển, Đức Phật với môi trường sống, lưu hành nội bộ.

PHẬT GIÁO
VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG



DIU DÀNG NHƯ CÂY

SC. Thích Nữ Tuệ Anh

Cây cho chúng ta sự sống. Với chim muông, cây là mái nhà. Với sâu bọ, cây là thức ăn. Với đất, cây là vị cứu tinh ngăn nó không bị xói mòn. Với nước, cây giúp điều hòa dòng chảy. Với con người, cây là ân nhân. Nhờ cây, chúng ta có lương thực, hoa trái, bóng mát, nhà cửa, đồ dùng, không khí trong lành và các phương tiện vật chất khác. Chúng ta không thể sống thiếu cây.

Đạo Phật được biết đến như một tôn giáo hiền hòa nhất và điều đặc biệt là cuộc đời vị lãnh đạo tinh thần tối cao của đạo Phật gắn liền với những cái cây. Đức Phật đản sinh dưới cây vô ưu, thành đạo dưới cội cây bồ đề và nhập diệt dưới tán cây Sala song thọ. Khi Đức Thế Tôn vừa đắc đạo, Ngài dành một tuần nhìn cây bồ đề để gửi niềm biết ơn đến cội cây đã che chở cho Ngài trong quá trình tu tập. Có thể thấy, biết ơn là một trong những bài học lớn đầu tiên mà Đức Thế Tôn đã dạy chúng ta. Trong

Kinh Tăng Chi Bộ, không dưới năm

lần Đức Phật dạy về lòng biết

ơn: “*Người biết ơn và nhớ ơn khó tìm được ở đời*” (Kinh

Tăng Chi Bộ, chương Năm

pháp, phẩm “Tikandaki”

và “Bà La Môn”). Nếu

gọi cây là vật vô tri, Đức

Phật đã cảm ơn ngay cả

đến vật vô tri. Nếu gọi

cây là vật vô tri, ngay cả

đến vật vô tri cũng xúc

động mãnh liệt trong giờ

Đức Phật nhập Niết bàn, vì

hai cây sa la đã nở hoa trái

mùa rải lên kim thân Đức Phật

cúng dường lần chót. Cuộc sống

của Tăng đoàn Đức Phật những năm

đầu đều trải qua một cách hiền hòa dưới các

cội cây và lùm rừng. Các ngài ban ngày đi khát thực,

buổi chiều về tĩnh tọa và ngủ đêm dưới gốc cây.

Nhưng cây không phải vật vô tri. Các nhà khoa học

đã làm thí nghiệm, khi cho cây nghe nhạc cổ điển

êm dịu thì cây phát triển xanh tươi, còn khi mở nhạc

thác loạn thì cây tiêu điều, còi cọc.

Nguyễn Công Trứ thì cho rằng cuộc đời của cây là

một cuộc đời hồn nhiên vô sự nên ông đã ước:

Kiếp sau xin chớ làm người

Làm cây thông đứng giữa trời mà reo.

Nếu gọi cây là vật vô tri,
Đức Phật đã cảm ơn ngay cả đến
vật vô tri. Nếu gọi cây là vật vô tri, ngay cả
đến vật vô tri cũng xúc động mãnh liệt trong giờ
Đức Phật nhập Niết bàn, vì hai cây Sa la đã nở hoa
trái mùa rải lên kim thân Đức Phật cúng dường lần
chót. Cuộc sống của Tăng đoàn Đức Phật những
năm đầu đều trải qua một cách hiền hòa dưới
các cội cây và lùm rừng. Các ngài ban ngày
đi khát thực, buổi chiều về tĩnh tọa và
ngủ đêm dưới gốc cây.

Cái cây, trong mắt nhà thơ là đối tượng để tưởng tượng. Trong mắt người đốn củi, đó là mớ củi. Trong mắt lâm tặc, lại là tiền. Người làm giấy xem cây là những tờ giấy. Nhà hoạt động bảo vệ môi trường xem cây là nhân tố chính để có một môi trường trong lành. Với người yêu thiên nhiên, cây là bạn, là người thương, là mẹ. Dành cho bệnh nhân, cây là thầy thuốc. Cây vỗ về, an ủi và chữa lành vết thương tâm hồn cho ai đó:

Có nhiều khi tôi quá buồn

Tôi ước mong về ngồi dưới cội cây xưa

Em có nhớ điều gì theo lá rụng

...

Có nhiều khi tôi quá buồn

Tôi ước mong xung quanh chỗ tôi ngồi

Mọc lên thật nhiều cây cỏ.

(*Cỏ, chim sẻ và châu chấu*

- Hoàng Phủ Ngọc Tường)

Khi còn là một cô học trò thế hệ 8x,

chúng tôi từng xem qua bộ phim

Trái tim mùa thu. Cô gái trong

phim nói với anh trai nuôi

của mình rằng cô muốn

làm một cái cây vì một

cái cây sẽ được ở một

chỗ, không bao giờ phải

rời xa những người thân

yêu của mình. Ước mơ

đó phản ánh khát vọng

được sống an và lạc. Có

an mới có lạc. Trong nhà

thiền cũng có câu chuyện,

một thiền sinh trải qua thời

gian dài thực tập mà không

được thầy dạy cái gì cao siêu như

Niết bàn, Phật tánh hay giác ngộ, mà

thầy chỉ dạy đi, đứng, nằm, ngồi... Nản quá,

chú mới cầu thầy khai thị. Vị thầy nhìn người học

trò đầy thương xót và nói: “*Con hãy nhìn cây từng*

trước sân kia kia”. Cây từng trước sân, đó là biểu

tượng tuyệt đẹp của nội tâm tĩnh lặng.

Như vậy, thiên nhiên chính là một bậc thầy tâm linh

vĩ đại. Tiểu thuyết *Tiếng chim hót trong bụi mận gai*

của Collen M. Cullough nổi tiếng với lời dẫn: “*Có*

truyện thuyết về một con chim chỉ hót một lần trong

đời, nhưng nó hót hay nhất thế gian. Có lần nó rời

tổ bay đi tìm bụi mận gai và tìm ra bằng được mới



Thiên nhiên chính là một bậc thầy tâm linh vĩ đại.

thời. Giữa đám cành gai góc, nó cất tiếng hát bài ca của mình và lao ngực vào chiếc gai dài nhất, nhọn nhất. Vượt lên trên nỗi đau khôn tả, nó vừa hát vừa lịm dần đi và tiếng ca hân hoan ấy đáng cho cả sơn ca và họa mi phải ghen tị. Bài ca duy nhất có một không hai, bài ca phải đổi bằng tính mạng mới có được. Nhưng cả thế gian lặng đi khi lắng nghe, và chính Thượng Đế trên thiên đình cũng mỉm cười. Bởi vì tất cả những gì tốt đẹp nhất chỉ có thể có được khi ta chịu trả giá bằng nỗi đau khổ vĩ đại nhất". Chúng tôi thích cách nói ngắn gọn của thiên sư Hoàng Bá Hi Vận hơn, cũng cùng một ý: "Chẳng phải một phen xương lạnh buốt, Hoa mai đâu dễ ngát mùi hương". (Bất thị nhất phiến hàn triệt cốt, Tranh đắc mai hoa phúc tử hương).

Con người gây đau khổ cho nhau và thường gây đau khổ cho thiên nhiên. Nhưng thiên nhiên chưa bao giờ chủ động gây đau khổ cho con người. Thiên nhiên cũng là một bà mẹ vĩ đại. Ai đó từng nói rằng: "Thời điểm tốt nhất để trồng cây là hai mươi năm trước. Thời điểm tốt thứ hai là ngay bây giờ". Trái Đất đang nóng dần lên và chúng ta cần bóng mát của cây. Cây sống đời an yên, tĩnh lặng, đẹp đẽ và hữu ích. Cây cho hoa, hoa cho quả, quả cho hạt, và từ hạt, những chồi non lại nảy mầm. Im lặng trong dòng sinh tử, cây vẫn làm xanh tươi tâm hồn ai đó. Có phải vì vậy mà Hoàng tử bé trong tác phẩm cùng tên của Saint - Exupéry đã chết cho đóa hồng của chàng. Con cừu luôn có thể ăn mất đóa hồng mà không biết nó vừa thực hiện một tội ác ghê tởm. Loài người đôi khi còn hành động đáng

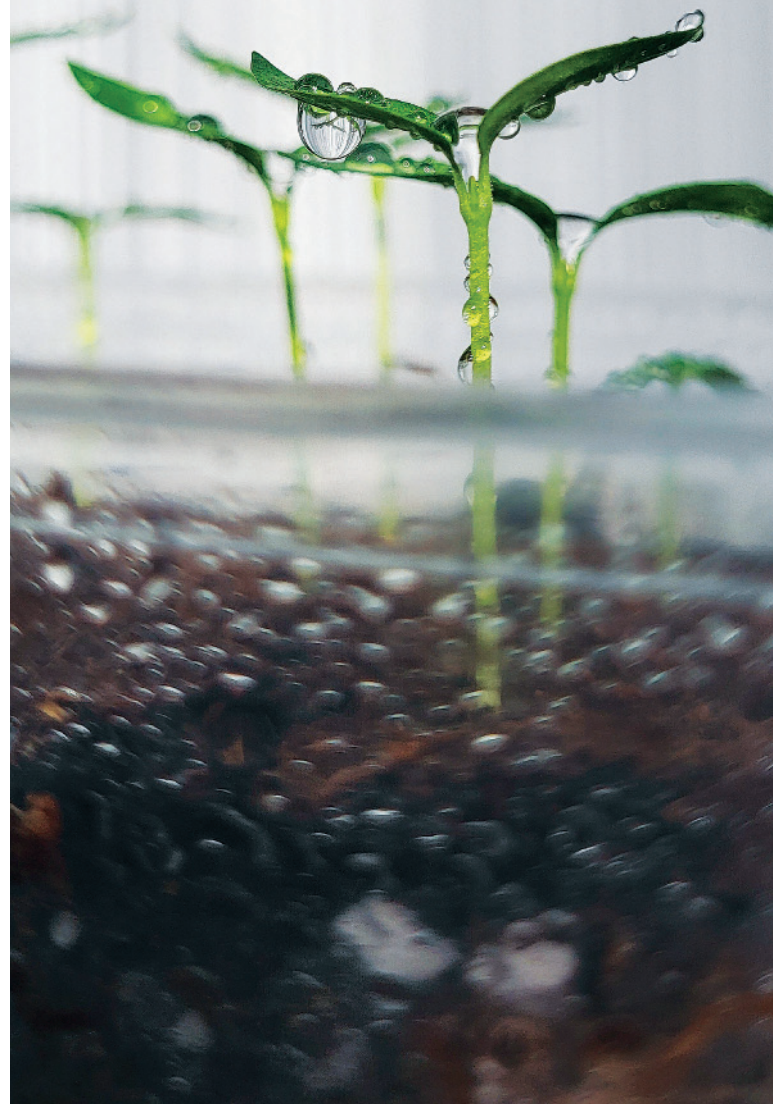


Cây là ân nhân, là thầy, là bạn, là mẹ, là tính mạng của con người. Chúng ta đang gặp phải hiện tượng hiệu ứng nhà kính, bao con bão lũ, hạn hán, dịch bệnh... Vạn pháp đang bốc cháy bởi lửa tham, lửa sân, lửa si của con người.

ghê tởm và đáng thương hơn cả loài cừu. Cừu chỉ ăn hoa thôi, còn con người thì khai thác tất cả. Hoàng tử bé đã nhờ nọc rắn độc để trở về lại hành tinh nơi có đóa hồng cần chàng bảo vệ. Nhà văn mô tả, khi rắn cắn, chàng té xuống, *“dịu dàng như một cái cây”*.

Cây là ân nhân, là thầy, là bạn, là mẹ, là tính mạng của con người. Chúng ta đang gặp phải hiện tượng hiệu ứng nhà kính, bao con bão lũ, hạn hán, dịch bệnh... Vạn pháp đang bốc cháy bởi lửa tham, lửa sân, lửa si của con người. Vì lẽ đó, thiên nhiên đang bị tàn phá và đang nổi giận. Vì lẽ đó, chúng ta cần chăm sóc và bảo vệ thiên nhiên để tâm hồn xanh tươi hoa lá. Và chúng ta cần có tâm hồn dịu dàng, cho hoa lá xanh tươi.

Ai đó từng nói rằng:
“Thời điểm tốt nhất để
trồng cây là hai mươi
năm trước. Thời điểm tốt
thứ hai là ngay bây giờ”.





CƠN ỐC NHỎ

Nguyễn Thành Ngã

Tôi là cơn ốc nhỏ
Cứ mỗi ngày bò đi
Dù chậm chân một chút
Nhưng mỗi bước từ bi

Cứ mỗi ngày thức dậy
Nhìn thấy chiếc lá xanh
Trong lòng tôi thường nghĩ
Hãy giữ lá an lành

Đôi khi lá úa rụng
Là để lá non ra
Đôi khi gián dỗi mắt
Là để lòng thật thà

Và cuộc đời cũng vậy
Có hào nhoáng, đau thương,
Mới nhận ra hạnh phúc
Là những điều bình thường

Dù tôi - cơn ốc nhỏ
Cũng không quá cô đơn
Vì yêu thương mỗi lúc
Lại đầy vun tâm hồn!

HÃY GIỮ LẤY MÀU XANH

Lê Lam Hồng

Nếu không còn màu xanh
Đất khô cạn sỏi đá.
Tiếng chim sẽ tắt dần
Lưu lo trong vòm lá...

Nếu không còn màu xanh
Trái đất thanh sa mạc.
Khô khát cả mây trời
Cánh đồng người xơ xác...

Hãy giữ lấy màu xanh
Bằng những điều thiết thực
Trồng thêm một cây xanh
Tạo màu xanh rạo rức...

Hãy giữ lấy màu xanh
Chắt chiu từng giọt nước!
Vun bồi những hạt mầm
Vun bồi bao mơ ước...

Hãy giữ lấy màu xanh
Giữ bao niềm hy vọng.
Giữ trùng điệp núi rừng
Giữ dập dờn con sóng...

Khi sống giữa màu xanh
Người bên người hòa điệu.
Trái đất thêm nụ cười
Ánh mắt ngời trong trẻo...

A vibrant, high-angle photograph of a mountain valley. The hillsides are covered in dense, lush green vegetation, with terraced agricultural fields visible on the slopes. In the lower part of the image, a small village with several traditional houses is nestled among the trees. The overall scene is one of natural beauty and rural life.

PHẬT GIÁO & THỜI ĐẠI

Sự phát



LTS: Ban Hoằng pháp Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam là một trong sáu Ban ngành được thành lập đầu tiên, thể hiện rằng công tác hoằng dương Phật pháp là một việc rất đổi quan trọng. Bài viết giới thiệu quá trình hình thành và phát triển của Ban Hoằng pháp Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam từ năm 1981 đến nay, điểm lại một số thành tựu tiêu biểu và vận hội mới. Bên cạnh đó, bài viết cũng báo cáo đến quý độc giả thông tin về Lễ Tốt nghiệp Cao – Trung cấp Giảng sư khóa X (2019-2022) do Ban Hoằng pháp Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam tổ chức vào ngày 07/4/2023 tại Văn phòng 2, Thiền viện Quảng Đức, số 294 Nam Kỳ Khởi nghĩa, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh. Nhân sự kiện này Ban biên tập xin trân trọng với thiệu bài viết về những thành tựu của ngành hoằng pháp đến quý độc giả.

Trong thời đại toàn cầu hóa, trước sự du nhập của làn sóng văn hóa nước ngoài, vàng thau lẫn lộn, Phật giáo luôn được xem là yếu tố quan trọng cấu thành bản sắc văn hóa dân tộc ta. Công tác Hoằng pháp của Giáo hội đứng trước những thời cơ và thách thức nhất định.

triển

trong công tác Hoằng pháp của Ban Hoằng pháp Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam

TT. Thích Minh Nhân*

Sau khi đất nước hoàn toàn độc lập, thống nhất, Phật giáo Việt Nam với mong muốn của toàn thể Tăng, Ni Phật giáo đồ trong cả nước vào ngày 4 - 7/11/1981 tại chùa Quán Sứ, Thủ đô Hà Nội đã diễn ra Hội nghị thống nhất Đại biểu Phật giáo Việt Nam, thành lập nên một Giáo hội Phật giáo Việt Nam ngày nay, Hiến chương Giáo hội Phật giáo Việt Nam cũng đã hình thành từ đó, các Ban trực thuộc GHPGVN cũng được thành lập. Ban Hoằng pháp Trung ương là một trong 6 Ban ngành được thành lập đầu tiên. Ban Hoằng pháp Trung ương là ngành mũi nhọn của Giáo hội thời bấy giờ, là ngành đi đầu trong việc truyền bá chánh pháp đến đồng bào Phật tử trong cả nước.

Khi Giáo hội mới vừa thành lập, lúc bấy giờ Trưởng lão HT. Thích Trí Quảng (đương vi Đề tứ Pháp chủ Hội đồng Chứng minh GHPGVN) còn là TT. Thích Trí Quảng được suy cử đảm nhiệm cương vị Trưởng ban Hoằng pháp Trung ương. Ngài là vị Thượng tọa trẻ tuổi nhất đảm trách vai trò Trưởng một đầu ngành quan trọng của Giáo hội Phật giáo Việt Nam lúc bấy giờ.

Sau Đại hội, Thượng tọa Thích Trí Quảng - Trưởng ban Hoằng pháp Trung ương đã mời thêm quý vị cộng tác để thành lập Ban Hoằng pháp lúc bấy giờ. Có thể nói, từ Ban Hoằng pháp đầu tiên này, đã tạo nên nền tảng cho các Ban Hoằng pháp Trung ương cũng như Ban Hoằng pháp các tỉnh, thành trong cả nước hoạt động thành tựu, ổn định và phát triển suốt hơn 40 năm qua.

SỰ PHÁT TRIỂN CỦA BAN HOẰNG PHÁP TRUNG ƯƠNG

Sau khi đảm trách vai trò Trưởng ban Ban Hoằng pháp Trung ương GHPGVN, lúc bấy giờ Ban Hoằng pháp còn non trẻ, Hòa thượng đã thành lập các đạo tràng Pháp Hoa Ban Hoằng pháp Trung ương. Đặc biệt là tổ chức thuyết giảng tại các giảng đường tại TP. HCM như Xá Lợi, Ấn Quang...

Thứ đến, Ban Hoằng pháp Trung ương được Ban Thường trực Hội đồng Trị sự GHPGVN phân công diễn giảng tại các Hạ trường trong cả nước. Qua thực tế thuyết giảng, Ban Hoằng pháp Trung ương đã kết



Từ Đại hội Đại biểu Phật giáo toàn quốc lần thứ VII, VIII và IX, HT. Thích Bảo Nghiêm – Phó Chủ tịch Hội đồng Trị sự, được suy cử chức vụ Trưởng ban Hoằng pháp Trung ương nhiệm kỳ VI (2007-2012), nhiệm kỳ VII (2012-2017), nhiệm kỳ VIII (2017-2022) và nhiệm kỳ IX (2022-2027).

hợp với Văn phòng 2 Trung ương GHPGVN, mỗi năm trước mùa An cư Kiết hạ đều tổ chức khóa bồi dưỡng Giảng sư Trung ương và các tỉnh, thành. Đề ra chương trình thực tập diễn giảng tại các Hạ trường để phát hiện các nhân tố Tăng, Ni trẻ tích cực.

Qua 2 nhiệm kỳ, tổ chức và thực tập diễn giảng. Đến năm 1994, Ban Hoằng pháp Trung ương kết hợp với Văn phòng 2 Trung ương GHPGVN mở ra các khóa đào tạo giảng sư “khóa Thiện Hoa và Trí Thủ” để đào tạo Tăng, Ni giảng sư của Giáo hội. Mỗi khóa học được diễn ra trong thời gian 3 năm, đến năm 2001 chính thức mở khóa Cao - Trung cấp Giảng sư trực thuộc Ban Hoằng pháp Trung ương. Cho đến nay, tại khu vực phía Nam đã tổ chức được 12 khóa, khu vực phía Bắc tổ chức 2 khóa, tổng số Tăng, Ni tốt nghiệp khóa Thiện Hoa, Trí Thủ và Cao - Trung cấp giảng sư theo số liệu thống kê gần đây là hơn 1.000 vị Giảng sư.

Trong suốt 20 năm từ nhiệm kỳ I đến nhiệm kỳ V, HT. Thích Trí Quảng với vai trò là Trưởng ban Hoằng pháp Trung ương đã đem hết tâm lực và trí lực phát triển ngành Hoằng pháp được Trung ương Giáo hội đánh giá là một trong những ngành nổi bật nhất, đã đẩy lên được phong trào học Phật, tạo nên một sinh khí mới cho Tăng, Ni và Phật tử Việt Nam lúc bấy giờ, đóng góp rất nhiều công sức trong công cuộc hoằng pháp lợi sanh cho Giáo hội phát triển như ngày nay.

Đến nhiệm kỳ VI, do nhu cầu của Trung ương Giáo hội, nên HT. Thích Trí Quảng đã chuyển sang đảm trách vai trò khác trong Giáo hội, chuyển giao nhiệm vụ Trưởng ban Hoằng pháp Trung ương cho HT. Thích Bảo Nghiêm đảm trách.

TẬP TRUNG ĐẨY MẠNH CÔNG TÁC HOẰNG PHÁP TRONG THỜI KỲ HỘI NHẬP VÀ PHÁT TRIỂN

Từ Đại hội Đại biểu Phật giáo toàn quốc lần thứ VII, VIII và IX, HT. Thích Bảo Nghiêm - Phó Chủ tịch Hội đồng Trị sự, được suy cử chức vụ Trưởng ban Hoằng pháp Trung ương nhiệm kỳ VI (2007-2012), nhiệm kỳ VII (2012 - 2017), nhiệm kỳ VIII (2017 - 2022) và nhiệm kỳ IX (2022 - 2027).

Với vai trò và nhiệm vụ mới, HT. Thích Bảo Nghiêm cùng chư Tôn thiện đức trong Ban Hoằng pháp Trung ương thừa hưởng nền tảng hoằng pháp của HT. Thích Trí Quảng đã đưa Ban Hoằng pháp Trung ương đến giai đoạn mới đó là giai đoạn hội nhập và phát triển.

Mỗi năm 2012, 2013, 2014, 2020 vào mùa An cư Kiết hạ, Ban Hoằng pháp Trung ương đã tổ chức các phái đoàn cùng nam nữ Phật tử đến cúng dường và thuyết giảng các trường Hạ tại các tỉnh, thành trong cả nước. Tổ chức các khóa tu mùa hè và hội trại hè cho thanh thiếu niên Phật tử. Tham gia chương trình

KÊNH TRUYỀN HÌNH TRỰC TUYẾN



Kênh Phật Sự Online đã kết hợp cùng Ban Hoằng pháp Trung ương tổ chức nhiều buổi tập huấn về Nghiệp vụ Hoằng pháp thời đại 4.0, tổ chức 6 khóa Hội nghị triển khai đề án “Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác Hoằng pháp thời đại mới” cho chư Tăng, Ni Ban Hoằng pháp của 63 tỉnh, thành trong cả nước.

tiếp sức mùa thi, tổ chức lễ Vu lan, tết Trung thu...

Để hội nhập với thế giới, Ban Hoằng pháp Trung ương đã mở ra nhiều cuộc hội thảo toàn quốc và khu vực, cũng như bồi dưỡng Hoằng pháp viên Phật tử như: Tổ chức các khóa bồi dưỡng, hội thảo Hoằng pháp, tập huấn Hoằng pháp viên cho các giảng sư. Ngoài ra, Phân ban Hoằng pháp Hải ngoại còn tổ chức các chuyến hoằng pháp ở các nước Đông Bắc Á, Đông Nam Á, Nam Á, châu Đại Dương, Bắc Mỹ và châu Âu.

Phân ban Thông tin Truyền thông của Ban Hoằng pháp Trung ương phối hợp cùng Tô Thông tin tuyên truyền Văn phòng Trung ương Giáo hội xây dựng kênh Phật Sự Online vào ngày 10/5/2019, Bộ Thông tin và Truyền thông đã cấp giấy phép số 84/GP-TTĐT cho phép thành lập trang thông tin điện tử Phật Sự Online trực thuộc Ban Thông tin - Truyền thông Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Phật Sự Online có nhiệm vụ thông tin về hoạt động của Giáo hội và tổng hợp những thông tin liên quan đến Phật giáo trên cả nước và nước ngoài. Kênh đã hoạt động xuyên suốt từ ngày 28 tháng 03 năm 2018 đến nay. Đặc biệt, trong giai đoạn cả nước phòng chống dịch bệnh Covid-19, kênh đã nỗ lực hết mình để đưa tin tức Phật sự, các khuyến cáo phòng chống dịch bệnh và các sự kiện truyền hình trực tiếp thuyết giảng, video thuyết giảng của chư Tôn đức Giảng sư đến cộng đồng. Kênh

Phật Sự Online đã kết hợp cùng Ban Hoằng pháp Trung ương tổ chức nhiều khóa tập huấn về nghiệp vụ Hoằng pháp thời đại 4.0, tổ chức 6 khóa hội nghị triển khai đề án “Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác Hoằng pháp thời đại mới” cho chư Tăng, Ni thuộc Ban Hoằng pháp của 63 tỉnh, thành trong cả nước. Các chương trình đã hướng dẫn cho chư Tôn đức Tăng, Ni các tỉnh, thành ứng dụng hệ thống tạo phòng họp trực tuyến nội bộ, thiết lập hệ thống dạy học trực tuyến trên website, sử dụng thuần thục công nghệ tổ chức mở các buổi họp, phòng học trực tuyến nội bộ giữa các thành viên ngay trên điện thoại, máy tính bảng, máy tính và các thiết bị nghe nhìn thông minh. Đồng thời, truyền phát các buổi dạy học, pháp thoại, pháp đàm online lên không gian mạng, với hình thức thiết kế theo sở thích riêng và có thể kiểm soát được người tiếp cận, xây dựng thành công trang hoangphaponline.com và hocphatonline.com.

Đào tạo nhân lực hoằng pháp là nội dung cực kỳ quan trọng, vì vậy, Ban Hoằng pháp Trung ương đã tổ chức các khóa bồi dưỡng, hội thảo khu vực và toàn quốc để bồi dưỡng cho chư Tăng, Ni giảng sư trong việc truyền trao kiến thức Phật học, tập huấn Hoằng pháp viên Phật tử. Có thể kể đến như:

- Năm 2009: Tổ chức khóa Bồi dưỡng, Hội thảo Hoằng pháp toàn quốc và Tập huấn hoằng pháp viên tại TP. Đà Nẵng.

- Năm 2010: Hội thảo toàn quốc tại tỉnh Kiên Giang.
- Năm 2011: Hội thảo toàn quốc tại tỉnh Bình Dương.
- Năm 2015: Hội thảo toàn quốc tại tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.
- Tổ chức Hội thảo Hoằng pháp khu vực miền Trung và Tây Nguyên tại tỉnh Khánh Hòa từ 28 - 30/9/2018 với chủ đề “*Hoằng pháp trong thời đại mới*”. Có trên dưới 400 đại biểu tham dự là đại diện của Ban Hoằng pháp 15 tỉnh, thành miền Trung và Tây Nguyên.
- Khóa bồi dưỡng Hoằng pháp và tuyên truyền Đại lễ Vesak Liên Hiệp Quốc năm 2019 tại tỉnh Hà Nam.
- Hội thảo Hoằng pháp và tập huấn Hoằng pháp viên Phật tử khu vực miền Nam và 6 tỉnh, thành phía Bắc, tổ chức tại tỉnh Lâm Đồng với chủ đề: “*Sứ mệnh Hoằng pháp thời công nghệ số và trọng trách xây dựng niềm tin vững chắc cho cư sĩ Phật tử*” ngày 01/4/2019. Hội thảo khai mạc tại giảng đường trường Trung cấp Phật học tỉnh Lâm Đồng; Hội thảo chuyên đề tại 3 hội trường của 3 khách sạn (Mường Thanh, Sài Gòn và Bavico Plaza), Hoằng pháp viên Phật tử tại giảng đường trường Trung cấp Phật học tỉnh Lâm Đồng, Hội thảo đã được thành tựu viên mãn.
- Chương trình tọa đàm với chủ đề “*Sứ mệnh Hoằng pháp thời đại mới*” vào ngày 26/12/2020 tại Trung tâm Văn hóa - Hội nghị Phật giáo của Ban Trị sự GHPGVN tỉnh Bình Dương, nhằm tạo kỹ năng khi sử dụng mạng xã hội và truyền thông mạng trong công tác Hoằng pháp của thời đại kỹ nguyên số.

Ở phía Bắc, trong nhiệm kỳ VIII, Ban Hoằng pháp Trung ương đã mở thêm một cơ sở đào tạo giảng sư đặt tại chùa Vạn Phúc (Sóc Sơn, TP. Hà Nội) dành cho khu vực phía Bắc. Cơ sở khai giảng vào ngày 16/10/2018, niên khóa (2018-2021) với số lượng Tăng, Ni tham dự là 150 vị tham gia khóa học. Đến ngày 21/4/2022, Ban Hoằng pháp Trung ương đã tổ chức lễ trao bằng tốt nghiệp khóa I cho 76 vị và khai giảng khóa II lớp đào tạo Cao cấp Giảng sư cho 99 vị tại khu vực phía Bắc.

Ở phía Nam, cơ sở đào tạo Giảng sư đặt tại chùa Hòa Khánh (Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh). Trong nhiệm kỳ VIII, Phân ban đào tạo giảng sư phía Nam đã tổ chức tốt nghiệp cho 2 khóa, với 169 Tăng, Ni tốt nghiệp. Phân ban đào tạo Giảng sư phía Nam tiếp tục chương trình đào tạo Giảng sư các khóa XI, khóa XII, số lượng Tăng, Ni đang theo học là 184 vị, tiếp tục thông báo chiêu sinh khóa XIII (2023-2026).



Công tác Hoằng pháp tiến hành tốt sẽ hướng dẫn Tăng Ni, Phật tử tu tập đúng với Chánh pháp của Đức Phật, phù hợp với đường lối, chủ trương của Giáo hội Phật giáo Việt Nam trong thời kỳ hội nhập và phát triển.

Ngày 06-07/4/2023, Ban Hoằng pháp Trung ương GHPGVN tổ chức lễ Tốt nghiệp Cao - Trung cấp Giảng sư khóa X (2019-2022) tại Văn phòng 2, Thiền viện Quảng Đức, số 294 Nam Kỳ Khởi nghĩa, quận 3, TP. Hồ Chí Minh. Chư Tôn giáo phẩm lãnh đạo Giáo hội và 300 - 400 đại biểu tham dự buổi lễ.

Trong nhiệm kỳ VIII, thống kê cả nước có 1.075 giảng sư, 2.724 đạo tràng, 150.878 buổi giảng, 12.133.903 vị tham gia sinh hoạt tu tập.

Ban Hoằng pháp Trung ương GHPGVN, đã đóng góp rất nhiều Phật sự góp phần cho sự trang nghiêm Giáo hội Phật giáo Việt Nam, đã được Thủ tướng tặng Bằng khen và Chủ tịch nước tặng Huân chương như:

- Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ năm 2011;
- Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ năm 2017;
- Huân chương Lao động hạng ba năm 2021.

- Nhiều bằng Tuyên dương công đức của Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

Để thành tựu được những Phật sự to lớn của Ban Hoằng pháp Trung ương từ những nhiệm kỳ đầu là nhờ sự dẫn thân hoằng dương chánh pháp của HT. Thích Trí Quảng, Trưởng ban Hoằng pháp Trung ương và sự chỉ đạo của Trung ương Giáo hội. Hòa thượng là người đặt nền tảng cho Ban Hoằng pháp Trung ương phát triển như ngày hôm nay.

Tiếp theo là thời kỳ hội nhập và phát triển, để có được sự thành tựu như ngày nay là nhờ sự chỉ đạo của HT. Thích Thiện Nhơn - Chủ tịch HĐTS GHPGVN và sự lãnh đạo khéo léo của HT. Thích Bảo Nghiêm - Trưởng ban Hoằng pháp Trung ương. Đồng thời là sự đóng góp vô cùng to lớn của chư Tôn đức trong Ban đã giúp cho Ban Hoằng pháp Trung ương phát triển đến tầm cao mới.

THỜI CƠ VÀ THÁCH THỨC

Trong thời đại toàn cầu hóa, trước sự du nhập của làn sóng văn hóa nước ngoài, vàng thau lẫn lộn, Phật giáo luôn được xem là yếu tố quan trọng cấu thành bản sắc văn hóa dân tộc ta. Công tác Hoằng pháp của Giáo hội đứng trước những thời cơ và thách thức nhất định.

Đất nước Việt Nam được ổn định, hòa bình và phát triển như ngày hôm nay là công sức của hàng triệu người suốt nhiều thế hệ. Phật giáo Việt Nam đóng góp phần sức lực mình vào công cuộc bảo vệ và xây dựng Tổ quốc Việt Nam tươi đẹp. Thật vậy, nhờ điều kiện đất nước được giữ ổn định, đời sống của Tăng Ni, Phật tử ngày một nâng cao. Phương tiện tu học được dồi dào với sách vở, mạng xã hội giúp mọi người dễ tiếp cận tài liệu học tập. Cơ sở tu học được duy trì và phát triển. Như vậy là thuận duyên rất lớn cho chư Tăng, Ni và Phật tử.

Có thể nói, sự phát triển như vũ bão của khoa học kỹ thuật đã làm thay đổi cuộc sống, tầm nhìn và sinh hoạt của xã hội, kể cả đối với chư Tôn đức Tăng Ni, cư sĩ. Việc sử dụng thành tựu khoa học kỹ thuật hiện đại như smartphone, mạng xã hội, E-mail, website, hệ thống lưu trữ dữ liệu đám mây... hứa hẹn khả năng tiếp cận thông tin và con người một cách nhanh chóng, tiết kiệm. Biên giới về địa lý gần như bị xóa nhòa để chúng ta có thể thực hiện công tác hoằng pháp với mọi người ở bất kỳ nơi đâu. Nhưng cũng

cần cẩn trọng bởi khi chúng ta tiếp xúc với những căn tính văn hóa đặc thù, cần am hiểu họ và văn hóa, đặc điểm vùng miền để nâng cao hiệu quả hoằng pháp.

Bên cạnh đó, cần thấy công tác hoằng pháp phải phát triển hơn về chiều sâu, bởi vì trình độ kiến thức của người dân đã nâng cao hơn nhiều so với trước đây. Nhu cầu tinh pháp của Phật tử vừa dồi dào về lượng, vừa yêu cầu cao về chất. Họ đến không chỉ để nghe những kiến thức Phật pháp phổ biến, đã biết, mà còn cần được chia sẻ, hướng dẫn kinh nghiệm hành trì cũng như những pháp ngữ đậm tính khai mở nguồn tuệ giác. Họ rất cần những nhà hoằng pháp thực tu, mỗi lời giảng đều là pháp ngữ, chứ không chỉ quan tâm đến kỹ năng, nghệ thuật diễn giảng, kiến thức thế gian. Đội ngũ Giảng sư hiện nay vẫn còn mỏng, còn cần được đào tạo thêm, nâng cao chất lượng và số lượng để có thể công tác tốt và thâm nhiếp được mọi tầng lớp.

Đối với người tu sĩ, sự dồi dào về đời sống vật chất, tinh thần vừa là thuận duyên vừa là nghịch duyên, thách thức trong đời sống tu tập. Mỗi người có khả năng đối trị tham ái khác nhau tùy theo công hạnh tu tập mà thành. Do đó, chư Tăng Ni phải hết sức giữ gìn giới luật để bản thể Tăng đoàn được thanh tịnh, hỗ trợ đắc lực cho công tác hoằng pháp. Chính nhờ đối trị được tham ái trong hoàn cảnh dồi dào vật chất mà chư Tăng, Ni có đủ kinh nghiệm để chia sẻ phương pháp đối trị tham ái cho Phật tử.

Thiết nghĩ, để nhiệm vụ hoằng pháp vươn lên tầm cao mới, ngoài duy trì thế mạnh hiện có, cần chú trọng đào tạo về kiến thức, phẩm chất và số lượng Giảng sư hoằng pháp học và tu song hành, có khả năng thuyết giảng tốt và có năng lực thực hành giáo pháp của Đức Phật. Cần có chủ trương chỉ đạo, vận động, quan tâm hơn nữa về cơ sở mặt bằng, về công tác đào tạo, về tiêu chí hoằng pháp để hoạt động được nhiều thuận duyên hơn nữa, **từng bước tiến đến thành lập một học viện chuyên ngành Hoằng pháp**. Công tác Hoằng pháp tiến hành tốt sẽ hướng dẫn Tăng Ni, Phật tử tu tập đúng với chánh pháp của Đức Phật, phù hợp với đường lối, chủ trương của Giáo hội Phật giáo Việt Nam trong thời kỳ hội nhập và phát triển.

* Thượng tọa Tiến sĩ Thích Minh Nhẫn - Ủy viên Thư ký HĐTS, Phó ban kiêm Chánh Thư ký Ban Hoằng pháp Trung ương GHPGVN.

Hoạt



ĐẶT VẤN ĐỀ

Ngày nay, Phật giáo đã phát triển ở nhiều quốc gia trên thế giới. Và trong ứng xử với môi trường, tín đồ Phật giáo đều dựa trên nền tảng giáo lý và tư tưởng sống hài hòa với thiên nhiên, tôn trọng và bảo vệ thiên nhiên. Từ lâu, ô nhiễm môi trường đã được các tổ chức, các nhà khoa học cảnh báo và là vấn đề nhức nhối mang tính toàn cầu. Bởi bất cứ quốc gia nào, dù ít hay nhiều đều phải đối mặt với vấn đề này. Hậu quả của ô nhiễm môi trường ở nhiều nơi rất nghiêm trọng, làm biến đổi môi trường sinh thái,

Ở Sri Lanka, hoạt động bảo vệ môi trường của Phật giáo chủ yếu là trồng rừng và đề cao việc sử dụng các nguồn tài nguyên thiên nhiên hợp lý trong việc phục vụ tăng trưởng kinh tế.

động

bảo vệ môi trường của Phật giáo

Nguyễn Văn Quý*

đất, nước và không khí bị ô nhiễm gây ảnh hưởng lớn đến sự sống của muôn loài.

Nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường đã được chỉ ra là do những hoạt động của con người và một số yếu tố khách quan như: động đất, sóng thần,... Đặc biệt, trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay, con người sống trong xã hội hiện đại ít chú trọng bảo vệ thiên nhiên mà ngược lại, luôn tìm kiếm từ thiên nhiên mọi nguồn “dinh dưỡng” nhằm thỏa mãn nhu cầu sống của mình. Thông qua nhiều cách, con người khai thác tài nguyên, kích thích sự tăng trưởng của cây cối bằng những chất làm từ hóa học, nhằm đem lại năng suất, hiệu quả kinh tế cao nhất,...

Trên phương diện tôn giáo, Phật giáo luôn đề cao lối sống đạo đức với hệ thống giáo lý nhằm giảm thiểu ham muốn của con người. Hay nói một cách khác, giáo lý Phật giáo hướng đời sống con người có một đời sống thanh tịnh. Khi đó, hành động của con người được xem là hành vi đạo đức tôn giáo và con người

sống trong môi trường xã hội và môi trường thiên nhiên hài hòa. Do đó, sự lạm dụng quá mức, hay vấn đề coi trọng cuộc sống vật chất của con người đương đại dường như đi ngược với những gì mà giáo lý Phật giáo đã dạy. Hệ quả, con người đã và đang đối mặt với ô nhiễm môi trường.

Nhiều giải pháp về xử lý ô nhiễm môi trường được đặt ra, trong đó có nhiều hoạt động cụ thể để bảo vệ môi trường theo hướng tôn trọng môi trường hoặc khai thác tài nguyên thiên nhiên nhưng giảm thiểu tổn hại thiên nhiên nói chung và môi trường nói riêng.

HOẠT ĐỘNG BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA PHẬT GIÁO TRÊN THẾ GIỚI

Đối với Phật giáo, hoạt động bảo vệ môi trường đã được đặt ra, trong đó xu hướng chủ yếu vẫn là hướng con người hành động theo giáo lý và tư tưởng Phật giáo. Nghĩa là, con người ngày nay cần phải điều tiết những ham muốn của mình và tôn trọng môi trường, hay nói đúng hơn là con người cần phải thay đổi lối

sống theo quan niệm “Phật pháp là đời sống, đời sống là Phật pháp” [1]. Đời sống của con người chính là thực hiện những lời Đức Phật dạy: *“Không làm mọi điều ác. Thành tựu các hạnh lành. Giữ tâm ý trong sạch. Chính lời chư Phật dạy”* [2].

Tiến sĩ Anand Singh [3] đã có những khảo cứu về hoạt động bảo vệ môi trường của Phật giáo ở châu Á và phương Tây. Những hoạt động nổi bật của Phật giáo có tên như *“Phá hủy rừng là phá hủy quốc gia”* hay *“Chúng sinh đang gặp nạn diệt vong, ta phải làm hết sức để cứu lấy chúng sinh”*,... Ông nhận thấy nội hàm của: *“Những phong trào môi trường này cho rằng thế giới công nghiệp hiện đại cùng với nền công nghệ phức tạp của nó đã tạo ra những tổ chức kinh tế - xã hội đặc biệt làm phân hóa con người với thiên nhiên một cách sâu sắc. Sự phân hóa như vậy phản ánh một thế giới quan bị chia rẽ và điều này vô cùng tai hại”* [4].

Sau những hội nghị của Liên Hợp Quốc về môi trường, chẳng hạn từ năm 1992, *Hội nghị của Liên Hợp Quốc về Môi trường và phát triển* diễn ra tại Rio De Janeiro đã thông qua UNFCCC (chương trình khung của Liên Hợp Quốc về biến đổi khí hậu) khuyến nghị những mục tiêu cụ thể về giảm lượng khí thải. Năm 2009, ở Copenhagen, 140 quốc gia đã ký hiệp ước giảm lượng khí thải carbon. Năm 2010, hiệp ước này tiếp tục được điều chỉnh tại Cancun. Hoạt động bảo vệ môi trường của Phật giáo ngày càng cụ thể và mang tính toàn cầu:

Ở Thái Lan, sự phát triển kinh tế của ngành lâm nghiệp nước này chủ yếu dựa vào khai thác gỗ. Do đó, nhiều diện tích rừng bị phá hủy và gây ra nhiều trận lũ lụt, hạn hán, nạn đói. Theo ước tính, vào năm 1938, diện tích rừng của Thái Lan chiếm 72% diện tích, nhưng đến năm 1968 chỉ còn 29% và năm 2003 là 15%. Các nghiên cứu đã chỉ ra những nguyên nhân lũ lụt, hạn hán là khai thác rừng bừa bãi của nhiều tổ chức kinh tế.

Năm 1961, Ủy ban Phát triển xã hội và Kinh tế quốc gia (Sa-pa-pat) của Thái Lan ngăn cản các tu sĩ Phật giáo tuyên truyền về những giá trị của cuộc sống. Vì họ cho rằng, sự tuyên truyền về những giá trị này sẽ làm tổn hại đến nhu cầu của một thị trường đang lên, ảnh hưởng đến chủ nghĩa tiêu dùng và công nghiệp hóa. Đã có nhiều tu sĩ Phật giáo đấu tranh vì họ cho rằng những lời dạy của Đức Phật có thể đóng góp cho sự tiến bộ thực sự

của con người dựa trên Bát nhã (Prajna) hơn là sự tích lũy về vật chất [5]. Những hoạt động của Phật giáo tại Thái Lan đã dẫn đến phong trào bảo vệ môi trường vào thập niên 70 thế kỷ XX với tên gọi “Những nhà sư cấp tiến” (Phranakphatthana); đến thập niên 80 là phong trào “Những nhà sư vì sinh thái” (Phranakanuraksa),... Vào năm 1991, sự kiện tu sĩ Phrakhrupitak Nanthakhun tổ chức lễ hội sắp đặt cây ở tỉnh Nan. Bằng nghi thức tụng kinh, buộc “civara” quanh những thân cây lớn trong rừng. Tất cả mọi người tham dự lễ hội, bao gồm các chức sắc ở các làng xung quanh đã cùng nhau tuyên thệ bảo vệ khu rừng, đồng thời kêu gọi quyên góp tiền bạc trồng rừng. Năm 1993, khi sông Nan [6] bị ô nhiễm nặng, cộng đồng Phật giáo nơi đây đã tổ chức nhiều buổi lễ nhân mạnh nguyên nhân ô nhiễm môi trường, đồng thời khởi động dự án “Tình yêu cho sông Nan”. Đến năm 1999, một khu bảo tồn cá và nhiều khu bảo tồn rừng được thành lập bởi tổ chức phi chính phủ có tên gọi là “quỹ tương ái tỉnh Nan”,... Như thế, các vị tu sĩ Phật giáo ở Thái Lan với nhân quan Phật giáo đã thấy sự lệ thuộc ngày càng cao của con người vào vật chất và hệ quả không tốt đẹp từ chủ nghĩa tiêu dùng. Có thể nói, hoạt động bảo vệ môi trường của các tu sĩ Phật giáo Thái Lan đã khởi xướng thành phong trào bảo vệ môi trường thiên nhiên, mà trong đó, nổi bật nhất là những hoạt động bảo vệ rừng và nguồn nước. Ngày nay, những hoạt động bảo vệ môi trường đã nhận được sự đồng thuận của chính phủ.

Ở Sri Lanka, hoạt động bảo vệ môi trường của Phật giáo chủ yếu là trồng rừng và đề cao việc sử dụng các nguồn tài nguyên thiên nhiên hợp lý trong việc phục vụ tăng trưởng kinh tế. Có thể thấy, ở quốc gia này, phát triển kinh tế dựa trên tinh thần Phật giáo bằng lối sống đơn giản, tiết kiệm. A.T. Ariyaratne [7] “khuyến khích các giá trị trí tuệ, xã hội, tinh thần và tâm linh trong quá trình phát triển, bằng cách tổ chức những cuộc diễu hành hòa bình hoặc đi bộ trên mô hình của Gandhi” [8].

Ở Ấn Độ, các tu sĩ Phật giáo cũng có những cách khác nhau trong việc bảo vệ môi trường. Trong đó, nổi bật nhất là trong những năm của thập niên 70 thế kỷ XX, phong trào Chipko hướng đến bảo vệ môi trường bằng cách ôm chặt cây để chúng khỏi bị chặt phá. Và ngày nay, nhiều phong trào bảo vệ môi trường của tu sĩ Phật giáo đã được chính phủ Ấn Độ tài trợ kinh phí nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường, trồng cây, làm sạch nguồn nước,...



Ở Ấn Độ, các tu sĩ Phật giáo cũng có những cách khác nhau trong việc bảo vệ môi trường. Trong đó, nổi bật nhất là trong những năm của thập niên 70 thế kỷ XX, phong trào Chipko hướng đến bảo vệ môi trường bằng cách ôm chặt cây để chúng khỏi bị chặt phá.

Ở phương Tây, những người nhập cư từ những quốc gia có truyền thống Phật giáo như: Trung Quốc, vùng lãnh thổ Đài Loan, Việt Nam, Nhật Bản,... đã chuyển tải nhiều nội dung Phật giáo vào trong cuộc sống. Đó là niềm cảm hứng cho nhiều nhà hoạt động môi trường như John Daido Looi [9], Joanna Macy, John Seed,... Chẳng hạn, nhà hoạt động môi trường Looi có quan điểm về môi trường từ chỗ “lấy con người làm trung tâm đến chỗ quan tâm đến mọi sinh vật sống”. Xác định nguồn gốc của các vấn đề ô nhiễm môi trường hiện đại nằm ở khoa học và công nghệ hiện đại. Ông cho rằng: “Sự phát triển mạnh mẽ cả công nghệ và sự tìm tòi khoa học đã nuôi dưỡng các hoạt động phục vụ lợi ích con người nhưng lại hại đến thiên nhiên” [10]. Một tu sĩ rất nổi tiếng, đó là Thiền sư Thích Nhất Hạnh [11] đến Mỹ năm 1960 học tập và nghiên cứu. Trong vấn đề môi trường, ông thành lập Dòng tu Tiếp Hiện năm 1966 với mục đích bảo vệ môi trường và xã hội theo quan điểm lòng từ bi cho trái đất và mọi sinh vật sống. Ông cho rằng, chất thải hạt nhân là độc hại nhất, vì nó cần 2,5 triệu năm để phân hủy. Do đó, nếu nó còn tồn tại thì còn đe dọa đến cuộc sống của muôn loài. Đây cũng là quan điểm của Đức Đạt Lai Lạt Ma đề nghị loại bỏ Tây Tạng khỏi danh sách nơi thử nghiệm và sản xuất vũ khí hạt nhân. Nhìn chung, qua các bài giảng của Thiền sư Thích

Nhất Hạnh, nhiều thông điệp về môi trường với tinh thần khoan dung, tôn trọng môi trường đã được thế giới biết đến,... Đặc biệt, các học giả và tu sĩ Phật giáo đã có điểm nhìn chung về môi trường, chẳng hạn như Joanna Macy [12] đã xuyên suốt giáo lý Phật giáo liên quan đến vấn đề môi trường và cùng với John Seed thành lập “Hội đồng vì muôn loài sinh vật”,...

Nhìn chung, nổi bật nhất trong các hoạt động bảo vệ môi trường của Phật giáo ở các quốc gia trên thế giới là các phong trào bảo vệ rừng, chống ô nhiễm nước. Ngoài ra, xu hướng ứng dụng giáo lý Phật giáo qua các buổi thuyết giảng của các nhà tu hành Phật giáo về môi trường, khiến cho các giá trị Phật giáo lan tỏa sâu rộng hơn đến tư tưởng, con người phương Tây, làm giảm bớt sự đối lập giữa con người với thiên nhiên và thay vào đó sự tôn trọng thiên nhiên.

HOẠT ĐỘNG BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA PHẬT GIÁO Ở VIỆT NAM

Trong một bài nghiên cứu của TS. Peter Daniels đã chỉ ra rằng: “Việt Nam đang đối mặt với tình huống khó khăn tương tự như nhiều quốc gia khác - có một nhu cầu to lớn trong việc phát triển kinh tế nhanh chóng nhằm đem lại điều kiện vật chất và chất lượng cuộc sống cho mọi người, song cũng có một ý thức



Trên phương diện tôn giáo, Phật giáo luôn đề cao lối sống đạo đức với hệ thống giáo lý nhằm giảm thiểu ham muốn của con người, hay nói một cách khác. Giáo lý Phật giáo hướng đời sống con người có một đời sống thanh tịnh. Khi đó, hành động của con người được xem là hành vi đạo đức tôn giáo và con người sống trong môi trường xã hội và môi trường thiên nhiên hài hòa.

mãnh liệt về trí tuệ để theo đuổi con đường phát triển nền kinh tế ít khí thải carbon. Do đó, những chiến lược quốc gia cần phải xem xét là rất quan trọng và đó là những quyết định hết sức cấp thiết, không chỉ về hiệu quả sử dụng năng lượng, mà còn về sự phác họa, sáng tạo của hệ thống sản xuất và cơ sở hạ tầng công nghiệp đô thị với những ứng dụng lâu dài sâu rộng cho sự phát triển bền vững trong tương lai” [13].

Trong quá trình hiện đại hóa, công nghiệp hóa đất nước dẫn đến xu hướng toàn cầu hóa của Việt Nam là tất yếu. Giao lưu kinh tế, văn hóa giữa Việt Nam và các quốc gia ngày càng sâu rộng đã đem lại nhiều lợi ích và cơ hội để nước ta phát triển vững mạnh. Song trong quá trình hội nhập, phát triển kinh tế đã xuất hiện nhiều thách thức, trong đó có vấn đề ô nhiễm môi trường.

Ô nhiễm môi trường ở Việt Nam hiện nay không chỉ là vấn đề mà các cơ quan chức năng quan tâm, mà còn cần sự chung tay của cả xã hội để giải quyết. Song cũng có một số ít người có lối sống vị kỷ, thực dụng, vì lợi nhuận mà “bất chấp cả đạo lý, tình nghĩa, sự lấn át của đồng tiền có sức vùi dập, bóp chết cả những gì thuộc về tinh thần, giá trị tinh thần” [14] gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.

Theo đánh giá, ô nhiễm môi trường ở Việt Nam hiện nay chủ yếu là ô nhiễm nguồn nước, ô nhiễm đất đai, ô nhiễm không khí và thiên tai, lũ lụt đến từ thiên nhiên. Do đó, nếu chúng ta không có những hành động cụ thể, ô nhiễm môi trường sẽ dẫn đến mất cân bằng sinh thái. Bởi ô nhiễm môi trường có nguyên nhân sâu xa từ chính hành động của con người thông qua các hoạt động khai thác tài nguyên do nhu cầu nguyên nhiên liệu ngày càng lớn. Một nghiên cứu chỉ ra rằng: “Việt Nam, hằng năm rừng bị mất khoảng 200.000 ha, trong đó khoảng 50.000 ha do khai hoang để trồng trọt” [15]; phát triển kinh tế, quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa tăng tốc nhanh đã thải ra môi trường nhiều hóa chất độc hại làm ô nhiễm nguồn nước, đất, không khí,... Nhiều tỉnh thành trên cả nước tồn tại nhiều bãi rác công nghiệp hoặc tiếp nhận các loại chất thải độc hại, thậm chí nhiều doanh nghiệp xả thải chưa qua xử lý, làm ô nhiễm nghiêm trọng môi trường nước, đất, không khí,... đe dọa sự sống của động thực vật, ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe của con người.

Phật giáo với giáo lý từ bi hỷ xả, ứng xử với môi trường thiên nhiên trên tinh thần hài hòa và tôn trọng thiên nhiên. Trước các vấn đề ô nhiễm môi trường hiện nay, Phật giáo Việt Nam hiện nay có những hành động cụ thể, “phù hợp với những chính sách của Đảng

và Nhà nước về bảo vệ môi trường vì phát triển bền vững, lối sống thân thiện với môi trường của Phật giáo đã góp phần tạo ra những nhận thức mới nơi cộng đồng về quan niệm sống có trách nhiệm bảo vệ môi trường, bảo vệ sinh thái một cách tự giác. Phật giáo chỉ rõ, sự khủng hoảng sinh thái, ô nhiễm môi trường là hệ quả của việc con người làm giàu bằng mọi giá, phi đạo đức, và điều đó sẽ đưa xã hội con người đến chỗ suy thoái toàn diện” [16].

Theo kết quả nghiên cứu của Ngô Văn Trân, những hoạt động chủ yếu của Phật giáo Việt Nam trong việc bảo vệ môi trường là: Thứ nhất là lối sống giản dị, tiết kiệm, cân bằng, “thiểu dục tri túc” của tín đồ Phật tử cũng góp phần làm giảm sức ép vào môi trường và hệ sinh thái tự nhiên; thứ hai là công tác tuyên truyền của Giáo hội Phật giáo Việt Nam (GHPGVN) đề tín đồ Phật tử hiểu rõ mối quan hệ giữa con người với thiên nhiên thông qua giáo lý duyên khởi. Và thứ ba, Phật giáo có truyền thống quan tâm bảo vệ môi trường: “Những ngôi chùa với khu “rừng thiền” cây cối xanh tươi, ao hồ sạch đẹp, không khí trong lành và nếp sống an bình là cảnh quan có thể kết hợp với du lịch “xanh” với du lịch tâm linh, tạo môi trường cho khách thập phương tìm đến thanh thân tâm hồn và hòa mình trong sự trong lành của thiên nhiên. Có thể nói, “rừng thiền” của chùa Phật giáo là một mô hình bảo vệ môi trường trong sạch cho cuộc sống khá hấp dẫn trong thời đại nhiều ô nhiễm hiện nay” [17].

Ngoài ra, những hoạt động cụ thể của tín đồ Phật tử Phật giáo Việt Nam như trong các ngày lễ hội Phật giáo hay các ngày lễ tết, GHPGVN thường đưa ra thông điệp bảo vệ môi trường. Chẳng hạn như phong trào “trồng cây gây phúc”, “trồng cây trí đức”, hay tuyên truyền về việc bê cảnh hái lộc là làm tổn hại đến môi trường hoặc thông qua các buổi phóng sinh, nhiều hoạt động vì môi trường được phát động,... Nhất là GHPGVN luôn khuyến cáo trong các lễ hội Phật giáo hoặc các lễ hội có liên quan đến Phật giáo như lễ cầu an, lễ cầu siêu,... không đốt vàng mã, vừa tránh mê tín dị đoan và vừa giữ gìn bảo vệ môi trường. Đặc biệt, trong những ngày chuẩn bị đón tết Nguyên đán, HT. Thích Thiện Nhơn – Chủ tịch HĐTS GHPGVN ký và ban hành Công văn gửi Ban Trị sự GHPGVN các tỉnh, thành phố hướng dẫn việc tổ chức nghi lễ nguyện cầu bình an phục vụ nhu cầu xã hội trong dịp Tết cổ truyền. Điểm nổi bật của công văn này, trên phương diện môi trường đã nhấn mạnh việc không

đốt vàng mã, đảm bảo trang nghiêm tiết kiệm nơi cơ sở thờ tự của Phật giáo. Do đó, các điểm nóng về vàng mã ở Hà Nội và nhiều nơi trên cả nước không còn sôi động như các năm trước vào mỗi dịp lễ tết như ngày rằm, mừng một, nhất là ngày rằm tháng 7 – liên quan đến lễ Vu lan báo hiếu của Phật giáo. Cụ thể, Hà Nội, Huế và TP. Hồ Chí Minh là ba trung tâm Phật giáo lớn của cả nước. Nhiều Tăng Ni đã vận động Phật tử khi đến chùa không đốt vàng mã bảo vệ môi trường và loại dần mê tín dị đoan. Điển hình như ở chùa Huy Văn (Hà Nội), sư trụ trì kết hợp giáo lý Nhân quả của Phật giáo nhằm giảng dạy cho tín đồ Phật tử làm việc thiện, tích phúc là cách báo hiếu chứ không phải là đốt vàng mã, điều này đã làm thay đổi nhận thức của nhiều tín đồ Phật tử. Hiện nay ở chùa không có hiện tượng đốt vàng mã. Chùa Từ Đàm, chùa Báo Quốc,... ở Huế hầu như không có hiện tượng đốt vàng mã. Tại TP Hồ Chí Minh, hơn 20 năm nay ở chùa Liên Hoa (phường 8, quận 11) đã thực hiện bảo vệ môi trường bằng cách không đốt vàng mã và bằng thông báo trên bảng. Việc không đốt vàng mã trong các cơ sở tín ngưỡng tôn giáo nói chung, đặc biệt là cơ sở Phật giáo đã có những chuyển biến rõ rệt từ năm 2020. Điều này góp phần lớn vào việc bảo vệ môi trường. Bởi theo ước tính, vào mỗi dịp lễ tết tín ngưỡng tôn giáo, nhân dân đã đốt hàng nghìn tấn vàng mã, hương các loại, tiêu tốn nhiều tỉ đồng và gây ô nhiễm môi trường nặng nề, đặc biệt là trong các cơ sở thờ tự.

Tiếp nối tinh thần Phật dạy, GHPGVN đã có những hành động cụ thể trong việc bảo vệ môi trường. GHPGVN thông qua các chương trình tu học, hoằng pháp và hướng dẫn Phật tử đề cao việc ăn chay, không sát sinh không chỉ nhằm tạo sức khỏe và thiện tâm cho con người mà còn tạo sự cân bằng sinh thái. Khi tu bổ hay xây dựng các ngôi chùa đều chú trọng tạo môi trường thiên nhiên trong lành. Việc an cư kết hạ hàng năm trong ba tháng hạ của GHPGVN được tuân thủ, đây không chỉ là vấn đề tu học mà còn là sự thể hiện hành động rõ nét truyền thống bảo vệ môi trường, tình yêu thiên nhiên của Phật giáo và Phật giáo Việt Nam. Nói chung, Phật giáo và Phật giáo Việt Nam đề cao lối sống giản dị, sống ít làm tổn hại đến môi trường thiên nhiên.

Trong bối cảnh hiện nay, ngoài vai trò chính của một tôn giáo, Phật giáo Việt Nam còn tham gia nhiều các lĩnh vực như từ thiện, an sinh xã hội, xóa đói giảm nghèo. Trong từng bối cảnh xã hội mà và mỗi thời điểm xã



Tiếp nối tinh thần Phật dạy, GHPGVN đã có những hành động cụ thể trong việc bảo vệ môi trường. GHPGVN thông qua các chương trình tu học, hoằng pháp và hướng dẫn Phật tử đề cao việc ăn chay, không sát sinh không chỉ nhằm tạo sức khỏe và thiện tâm cho con người mà còn tạo sự cân bằng sinh thái.

hội khác nhau, Phật giáo Việt Nam đều có sự nhập thể và tham gia tích cực vào các hoạt động xã hội và được cộng đồng đón nhận một cách tích cực. Đó là cách “đạo Phật đi vào cuộc đời có nghĩa là thể hiện những nguyên lý của đạo Phật sự sống, thể hiện bằng những phương thức phù hợp với thực trạng của cuộc đời để cải biến cuộc đời theo chiều hướng thiện mỹ. Chừng nào sinh lực của đạo Phật được trông thấy dào dạt trong mọi hình thức của sự sống chừng đó ta mới có thể nói được rằng đạo Phật đang thật sự hiện hữu trong cuộc đời” [18]. GHPGVN đã có những hành động cụ thể trong việc ứng phó với biến đổi khí hậu và thông qua các Đại lễ Vesak, GHPGVN ngày càng chú trọng vấn đề:

Thứ nhất là: Triển khai nhiều hoạt động giữ gìn môi trường như: trồng cây, hạn chế thắp hương, đốt vàng mã trong cơ sở thờ tự. Một môi trường xanh sạch cần phải bắt nguồn từ một lối sống mà trong đó vai trò của đạo đức, tâm linh cao hơn vai trò của vật chất. Phật giáo đã chỉ ra, khi tâm con người bị chi phối bởi tham – sân – si thì khổ đau ập đến. Việc đề cao lối sống giản dị, cân bằng là sự giảm thiểu những ham muốn, đồng thời tiết kiệm tài nguyên;

Thứ hai: Việc tổ chức các khóa tu, chương trình hoằng pháp, ... kết hợp với phổ biến kiến thức về bảo vệ môi trường cũng được GHPGVN quan tâm. Trong bối cảnh xã hội hiện đại, những thành tựu khoa học công nghệ đã đem đến cho con người nhiều tiện ích. Song, với nền kinh tế thị trường, nhu cầu vật chất đã thôi thúc ham muốn của con người làm sao ngày càng đầy đủ hơn. Thậm chí, vì nhu cầu vật chất ngày càng cao của con người đã kích thích con người khai thác cạn kiệt

nguồn tài nguyên thiên nhiên, đặc biệt là tài nguyên rừng, tài nguyên biển và các nguồn năng lượng như than đá, khí đốt, dầu mỏ, ... hệ quả là sự nóng lên toàn cầu, nước biển dâng, hạn hán, lũ lụt, ... Vì thế, với việc phổ biến kiến thức về môi trường của Phật giáo Việt Nam góp phần làm thay đổi nhận thức của tín đồ Phật tử trong việc ứng xử với môi trường;

Thứ ba: Bảo vệ môi trường cần thể hiện đồng thời cả nội dung thích ứng và giảm nhẹ, chủ động phòng, tránh thiên tai là trọng tâm. Trong đó, ngoài việc tuyên truyền kiến thức, đề cao lối sống giản dị, tiết kiệm thì bảo vệ môi trường qua việc trồng cây gây rừng nhằm mục tiêu cân bằng sinh thái, giảm thiểu ô nhiễm môi trường, đồng thời hạn chế thiên tai được GHPGVN chú trọng.

Thứ tư: Ngày càng tăng cường giao lưu, hợp tác với các tổ chức Phật giáo quốc tế triển khai triển khai các chương trình, dự án mà Phật giáo quốc tế đang tham gia, phát huy tinh thần Phật giáo trong việc bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu. Đặc biệt, hưởng ứng lời kêu gọi của Liên Hợp Quốc về thực hiện mục tiêu (số 7) phát triển thiên niên kỷ “Đảm bảo bền vững về môi trường”; đồng thời thực thi cam kết tại Hội nghị Thượng đỉnh thế giới về môi trường ở Paris (Pháp), cộng đồng Phật giáo thế giới đã cùng chung tay hành động để giải quyết vấn đề biến đổi khí hậu. Tại Việt Nam, Thông điệp Phật dẫn của Đức Đệ tam Pháp chủ Thích Phổ Tuệ - GHPGVN đã đề cập đến vấn đề cần thiết chung tay bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu là sự cụ thể hóa mục tiêu phát triển của Liên Hợp Quốc và cam

kết chung tay với cộng đồng Phật giáo thế giới. Ở Việt Nam, “Chương trình phối hợp hành động về bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2015-2020 giữa Ủy ban Trung ương Mặt trận tổ quốc Việt Nam, Bộ Tài nguyên và Môi trường cùng lãnh đạo 14 tổ chức tôn giáo trong nước, trong đó có Giáo hội Phật giáo Việt nam cùng ký kết thỏa thuận” [19].

KẾT LUẬN

Nhìn chung, hoạt động bảo vệ môi trường của Phật giáo quốc tế và Phật giáo Việt Nam mà đại diện là GHPGVN đều dựa trên nền tảng giáo lý mà Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã thuyết giảng. Hoạt động bảo vệ môi trường chủ yếu của Phật giáo vẫn là đề cao ăn chay, cấm sát sinh, hạn chế việc tiêu dùng vật chất quá mức làm ảnh hưởng đến môi trường. Nói cách khác, Phật giáo khởi xướng/đề xuất một lối sống giản dị, ứng xử hài hòa với môi trường thiên nhiên. Do đó, trên bình diện quốc tế, Phật giáo đã có nhiều phong trào khác nhau bảo vệ môi trường, đặc biệt là bảo vệ rừng và môi trường nước. Đối với Phật giáo Việt Nam, nhiều hoạt động bảo vệ môi trường được triển khai. Đáng chú ý là công tác tuyên truyền của GHPGVN ngày càng đi vào thực chất, sát với thực tiễn ở Việt Nam hiện nay. Nổi bật là các phong trào trồng cây, trồng rừng, tuyên truyền không đốt vàng mã,... đến nay những phong trào này góp phần nâng cao ý thức của tín đồ Phật tử, đồng thời góp phần không nhỏ trong công tác bảo vệ môi trường của Đảng và Nhà nước ta hiện nay.

Những hoạt động của Phật giáo quốc tế và Phật giáo Việt Nam không chỉ là hướng ứng mục tiêu vì môi trường bền vững do Liên Hợp Quốc phát động mà còn là sự kết hợp hiệu quả với các tổ chức, chính quyền trong suốt những năm qua.

Chú thích:

* Nguyễn Văn Quý, Phó trưởng phòng Nghiên cứu Phật giáo, Viện Nghiên cứu Tôn giáo.

[1] *Tôn giáo và đời sống hiện đại*, tập 2, Chuyên đề Thông tin khoa học Xã hội, Hà Nội, 1998, tr.106.

[2] Thích Thiện Siêu dịch (1993), *Kinh Pháp cú*, 183, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam ấn hành,

[3] Hiệu trưởng trường Nghiên cứu và văn minh Phật giáo, Đại học Cồ Đàm (Gautam), Ấn Độ

[4] TT.TS. Thích Nhật Từ - TT.TS. Thích Đức Thiện đồng chủ biên (2014), *Phật giáo góp phần bảo vệ môi trường*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr.1-2.

[5] Dẫn theo: TT.TS. Thích Nhật Từ - TT.TS. Thích Đức Thiện đồng chủ biên (2014), *Phật giáo góp phần bảo vệ môi trường*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr.4.

[6] Sông Nan (แม่น้ำน่าน, *Maenam Nam*) là một trong những sông nhánh quan trọng nhất của sông Chao Phraya, Thái Lan. Sông Nan bắt nguồn

từ tỉnh Nan chảy qua các tỉnh như Uttaradit, Phitsanulok và Phichit. Sông Yom nhập vào sông Nan tại huyện Chum Saeng, tỉnh Nakhon Sawan mang tên là sông Chao Phraya.

[7] Ông là người sáng lập và chủ tịch của Phong trào Sarvodaya Shrāmdana ở Sri Lanka. Ông được đề cử vào Hội đồng hiến pháp với tư cách là đại diện dân sự vào ngày 10 tháng 9 năm 2015. Ariyaratne, một người tín tưởng mạnh mẽ vào các nguyên tắc bất bạo động, phát triển nông thôn và tự hy sinh của Gandhian. Ông cùng với hàng triệu người trên khắp Sri Lanka và các nơi khác trên thế giới thực hành Thiên định và tổ chức phong trào Sarvodaya nhằm mục đích phúc lợi cho mọi người, thúc đẩy một xã hội không nghèo đói và tôn trọng môi trường.

[8] Dẫn theo: TT.TS. Thích Nhật Từ - TT.TS. Thích Đức Thiện đồng chủ biên (2014), *Phật giáo góp phần bảo vệ môi trường*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr.8-9.

[9] John Daido Looi (1931 - 2009). Ông là một Thiền sư và là Giám đốc điều hành của Pháp Truyền thông. Ngoài ra, ông còn là một nhiếp ảnh gia và là tác giả của hơn 20 cuốn sách về Phật giáo, môi trường,... Ông viên tịch tại Tu viện núi Zen ở Mount Tremper, New York, Mỹ.

[10] J. Baird Calicoot, (2008), “The new new (Buddhist) ecology”, *Journal for the Study of Religion, Nature and Culture*, Vol.2, No.2., p1-3.

[11] Thiền sư Thích Nhất Hạnh (1926 -) là một nhà sư, nhà văn, nhà thơ, nhà hoạt động xã hội và vận động hòa bình người Việt Nam có tầm ảnh hưởng lớn trên thế giới. Ông là người khởi xướng phong trào “Phật giáo dân thân”. Do đó, Thiền sư còn được biết đến là người khởi xướng phong trào Phật giáo hiện đại, đưa Phật giáo gần với cuộc đời mỗi con người. Ảnh hưởng của ông ví như Đức Dalai Lama 14, Hòa thượng Tinh Vân, Sulak Sivaraksa, Robert Aitken Roshi,...

[12] Joanna Rogers Macy (1929-). Bà đến với Phật giáo năm 1965 ở Tây Tạng và thực hành theo truyền thống Theravada. Sau này, bà là một nhà hoạt động môi trường, tác giả của nhiều bài viết về Phật giáo, về hệ sinh thái,...

[13] Tiến sĩ Peter Daniels, Thích Vạn Năng dịch, “Phật giáo, biến đổi khí hậu, và những tiếp cận mới về năng lượng cho xã hội bền vững”, TT.TS. Thích Nhật Từ & TT.TS. Thích Đức Thiện chủ biên (2014), *Phật giáo góp phần bảo vệ môi trường*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr.21-22.

[14] Xin xem thêm trong: Nguyễn Duy Quý (2006), *Đạo đức xã hội ở nước ta hiện nay: vấn đề và giải pháp*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

[15] Nhiều tác giả (2005), *Phật giáo trong thời đại chúng ta*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr.154.

[16] Ngô Văn Trần (2013), “Phật giáo với bảo vệ môi trường ở Việt Nam”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 9(123), tr.16.

[17] Dẫn từ: Ngô Văn Trần (2013), “Phật giáo với bảo vệ môi trường ở Việt Nam”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 9(123), tr.17.

[18] Thích Nhất Hạnh (1964), *Đạo Phật đi vào cuộc đời*, Nxb. Lá Bối, Sài Gòn: 4.

[19] Dẫn lại từ: Thích Nhật Từ biên tập (2019), *Quan điểm Phật giáo về cách mạng công nghiệp 4.0 & môi trường bền vững*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr.236.

Tài liệu tham khảo chính:

1. Bộ Tài nguyên và môi trường (2008), *Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu*, Hà Nội

2. Hoàng Văn Chung, Đỗ Lan Hiền (2017), “Giới thiệu về tôn giáo và sinh thái”, *Nghiên cứu tôn giáo*, số 11 (167).

3. Chuyên đề Thông tin khoa học Xã hội, Tôn giáo và đời sống hiện đại, tập 2, Hà Nội, 1998.

4. Nhiều tác giả (2005), *Phật giáo trong thời đại chúng ta*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.

5. Nguyễn Duy Quý (2006), *Đạo đức xã hội ở nước ta hiện nay: vấn đề và giải pháp*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

6. Thích Thiện Siêu dịch (1993), *Kinh Pháp cú*, 183, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam ấn hành.

7. Ngô Văn Trần (2013), “Phật giáo với bảo vệ môi trường ở Việt Nam”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 9 (123).

8. Thích Phổ Tuệ (2011), *Thông điệp Phật dân 2011*.

9. TT.TS. Thích Nhật Từ - TT.TS. Thích Đức Thiện đồng chủ biên (2014), *Phật giáo góp phần bảo vệ môi trường*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.

10. Thích Nhật Từ biên tập (2019), *Quan điểm Phật giáo về cách mạng công nghiệp 4.0 & môi trường bền vững*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.



Ông không những là một vị vua anh minh, lo cho dân cho nước, mà còn là vị hộ pháp đặc lực đúng nghĩa khi làm tròn bổn phận của người Phật tử tại gia, vua tuyên bố lấy Phật giáo làm quốc giáo vào năm 779. Từ đây, Phật giáo chính thức trở thành tôn giáo chính cho đất nước này, để người dân có được đời sống tâm linh thiết thực trong niềm tin chánh pháp. (Ảnh: internet)

Đóng góp của vua
Cật-Phiêu-Song-Đề-Tán
và các vị Tăng sĩ ngoại quốc
đối với

Phật giáo Tây Tạng

(thế kỷ VIII)

Tỳ kheo Ni An Hưng

Tóm tắt: Phật giáo du nhập vào Tây Tạng từ thế kỷ VII dưới thời vua Tùng-Cán-Can-Bồ (Songtsen Gampo), sau đó trải qua pháp nạn lớn, mãi đến thời vua Cật-Phiêu-Song-Đề-Tán mới được phục hồi và phát triển vững mạnh, tạo thành nền tảng vững chắc cho quá trình Phật giáo trung đại ở Tây Tạng. Bài viết khảo cứu những đóng góp của vua Cật-Phiêu-Song-Đề-Tán và các ngài đại sư Tịch Hộ, Liên Hoa Sanh để phục hồi và xiển dương Phật giáo trên các mặt chính sách hộ pháp, xây dựng Tăng đoàn, phiên dịch kinh điển và tranh biện Phật học.

Từ khóa: Tây Tạng, Tịch Hộ, Liên Hoa Sanh.

DẪN NHẬP

Ấn Độ là chiếc nôi của Phật giáo, nhờ được truyền bá cũng như sự giao thoa mà Phật giáo truyền đi các nước trên thế giới, trong đó Tây Tạng cũng có duyên tiếp nhận Phật giáo vào khoảng thế kỷ VII. Ở đất nước này, nếu vua Tùng-Tán-Can-Bồ là người đầu tiên tiếp nhận và giúp Phật giáo có mặt tại Tây Tạng, thì người đã có công trong việc làm cho phát triển trong giai đoạn đầu này không ai khác chính là vua Cật-Phiêu-Song-Đề-Tán cùng các vị Tăng sĩ người Ấn Độ. Có thể nói, thời gian giữa thế kỷ VII đến cuối thế kỷ VIII là giai đoạn nền tảng Phật giáo thời trung đại của Tây Tạng.

BỐI CẢNH LỊCH SỬ

Vua Tùng-Tán-Can-Bồ (Songtsen Gampo) là vị vua đầu tiên lập nên một đế chế hùng mạnh của xứ Tây Tạng. *Tân Đường Thư* (Thổ Phồn Truyện) đánh giá: “*Từ Hán, Ngụy đến nay đây là thời Tây Nhung thịnh chưa từng thấy*” [1]. Ông cũng là người khơi nguồn cho sự bén rễ của Phật giáo ở Tây Tạng nhờ hai vị hoàng hậu mền chuộng Đạo Phật trong hoàng cung. Sau khi vua Tùng-Tán-Can-Bồ qua đời, Phật giáo ở Tây Tạng bước vào thời gian bị suy vi vì chính sách bức hại của triều đình. Nhiều Tăng sĩ bị trục xuất, các tượng Phật ở Tây Tạng phải di dời đến Nepal. Tình hình bi đát đến nỗi “*Các tu viện biến thành lò mổ gia súc và quán bán thịt*” [2], triều đình cấm mọi hoạt động sinh hoạt đại thể liên quan đến đạo Phật. Đây là pháp nạn đầu tiên của Phật giáo kể từ lúc du nhập và truyền bá vào Tây Tạng. Đến thời vua Cật-Phiêu-Song-Đề-Tán (Khri Srong Ide Btsan) trị vì giai đoạn năm 755-794, Phật giáo mới

khởi sắc trở lại. Vua lên ngôi từ nhỏ nên chưa nắm được quyền lực, Phật giáo rơi vào thế suy vi, vua rất đau lòng bởi ông sinh ra trong gia đình Phật tử. Đến khi trưởng thành, vua vận dụng trí tuệ để nắm lấy thực quyền. Vua bắt đầu có những đóng góp to lớn và giúp Phật giáo phục hồi và



tiến đến giai đoạn phát triển cực thịnh. Có thể nói, đây là một sự thay đổi ngoạn mục của vị vua trẻ tuổi hết lòng vì đạo pháp.

THỈNH CÁC CAO TĂNG NGOẠI QUỐC ĐẾN TÂY TẠNG

Vì chưa có người xuất gia, việc khôi phục Phật giáo phải nhờ vào các bậc danh Tăng ngoại quốc nên trước hết, vua mời các Tăng sĩ ngoại quốc đến Tây Tạng. Vua thỉnh ngài Tịch Hộ, ngài Liên Hoa Sanh cùng các vị cao Tăng khác đến Tây Tạng để hoàng pháp. Kể từ khi đạo Phật du nhập giữa thế kỷ thứ VII, mặc dù Phật giáo đã được truyền bá rộng rãi đến mọi tầng lớp xã hội và hình bóng Tăng sĩ cũng có mặt tại Tây Tạng, nhưng để hình thành một cộng đồng Tăng sĩ có đời sống sinh hoạt, tu học đúng với

Phật giáo Tây Tạng tuy du nhập trễ so với các nước trên thế giới, nhưng người Tây Tạng đã sớm nhận ra giá trị đích thực và tầm quan trọng của Phật giáo đối với đạo đức con người cũng như phát triển đất nước.

truyền thống Phật giáo như Ấn Độ thì Phật giáo Tây Tạng chưa thực hiện được. Nên nhà vua đã bắt tay vào việc xây dựng việc sinh hoạt của Tăng sĩ có hệ thống rõ ràng cho đúng với thiết chế Phật giáo. Giai đoạn này có những thuận lợi nhất định, bởi văn hóa Tây Tạng đã có chữ viết, kinh sách dịch ra được dân chúng tiếp cận. Tư tưởng Phật học được các Tăng sĩ ngoại quốc truyền bá, nâng cao hiểu biết Phật giáo trong nhân dân.

Ông không những là một vị vua anh minh, lo cho dân cho nước, mà còn là vị hộ pháp đắc lực đúng nghĩa khi làm tròn bổn phận của người Phật tử tại gia, vua tuyên bố lấy Phật giáo làm quốc giáo vào năm 779. Từ đây, Phật giáo chính thức trở thành tôn giáo chính cho đất nước này, để người dân có được đời sống tâm linh thiết thực trong niềm tin chánh pháp.

ĐẠI SƯ TỊCH HỘ

Ngài Tịch Hộ (Śāntarakṣita) (725-788) sinh tại Ấn Độ, lớn lên xuất gia tu học và đã trở thành một vị cao tăng của Phật giáo Ấn Độ. “Ngài là một nhà thông thái Phật học Đại thừa” [3] rất giỏi về Trung Quán và Duy Thức, đã thành lập phái Du già Trung quán và từng là giảng sư tại Viện Đại học Na-lan-đa ở Magadha thuộc Ấn Độ. Có thể nói, ngài Tịch Hộ không chỉ đóng góp cho nền Phật học Ấn Độ ở thế kỷ VIII mà còn đóng góp rất lớn cho sự phát triển nền tư tưởng Phật học và đường hướng tu học cho Phật giáo Tây Tạng. Đến năm 763, nhận lời thỉnh cầu của vua Tây Tạng qua vị quan là Pah-sa, Ngài cùng với các vị tăng sĩ Ấn Độ đến xứ sở này. Sau khi đến Tây Tạng, phái Bồng giáo bày ra những trò siêu nhiên ma quái nhưng vẫn không thể làm hại ngài Tịch Hộ. Trước sự ấy, ngài Tịch Hộ ẩn trong cung suốt 4 tháng để giảng kinh cho vua và quần thần.

Đức Phật dạy bảy phương pháp đoạn diệt phiền não, trong đó có phương pháp tránh né: “*Có những lậu hoặc phải do tránh né được đoạn trừ*” [4]. Là một bậc đại sư tinh thông Trung Quán và Duy Thức, vì nhận thấy tình hình thực tế của Phật giáo Tây Tạng đương thời đã mất đi nền tảng căn bản nhất trong Phật giáo, mà những vấn đề căn bản đó lại là sự cần thiết nhất đối với nền tảng cho sự giải thoát, nên Ngài quyết định chủ trương chỉ xiển dương tư tưởng Phật học này, với ý định để Phật giáo Tây Tạng dần phục hưng và chuyển mình theo chiều hướng tốt đẹp nhất. Có thể nói, sự xuất hiện của ngài Tịch Hộ là biểu tượng quan trọng cho sự giao thời bởi phái



Trước thời ngài Tịch Hộ và Liên Hoa Sanh, Phật giáo Tây Tạng chịu ảnh hưởng của Phật giáo Trung Hoa. Sau khi hai ngài đến Tây Tạng và phục hoạt Phật giáo, ảnh hưởng của Phật giáo Ấn Độ đến Tây Tạng rất lớn.

thủ cựu trong triều đình, không muốn nhà vua tiếp xúc với người ngoại quốc và họ mang tâm tưởng bài xích đạo Phật. Sau khi quán xét cơ duyên, ngài Tịch Hộ nhận thấy chưa đến thời cơ để phục hưng Phật giáo, nên đã trở về Ấn Độ. Trước khi về, Ngài tâu vua thỉnh ngài Liên Hoa Sanh đến Tây Tạng để cứu dân, độ thế.

Ngài Tịch Hộ được mời sang Tây Tạng lần thứ hai (khoảng sau năm 769), cùng với Ngài có ngài Liên Hoa Sanh. Ngài Tịch Hộ chuyên tâm khai triển giáo lý, tư tưởng triết học và Phật học để giúp cho người học Phật phát huy được kiến thức về Phật học, phát huy được nhận thức và nâng cao đời sống ý thức của bản thân. Ngài còn tự mình biên soạn cuốn “*Nhị Đế Phân Biệt Kinh Thích, tuyên dương giáo lý của phái Trung Quán*” [5], được đánh giá rất cao. Các nhà nghiên cứu khi nhìn nhận hành trạng đã nhận định, “*khảo sát về mặt lịch sử cho thấy Tịch Hộ là một học giả đúng hơn là một nhà tôn giáo*” [6]. Thật vậy, Ngài truyền bá tư tưởng triết lý của Phật giáo hơn là thể hiện tư tưởng của một nhà truyền đạo. Bản thân Ngài là một học giả nghiên cứu và giữ vai trò giảng sư của Viện Đại học Na-lan-đa.

Ngài Liên Hoa Sanh

Bây giờ, theo lời yêu cầu của ngài Tịch Hộ, vua đã trực tiếp thỉnh ngài Liên Hoa Sanh (Padmasambhava)

đến Tây Tạng giúp trừ khử các phù phép ma quái do phái Bồng giáo tạo ra. Đồng thời, Ngài cùng vua và các tăng sĩ ngoại quốc phục hồi, làm cho Phật giáo ở Tây Tạng có vị trí vững chắc. Tiểu sử Ngài không được ghi lại rõ ràng. “*Tương truyền rằng Liên Hoa Sanh sinh ra trong một hoa sen tại miền linh địa Ô-trương-na, một vùng tây bắc Kashmir (nay thuộc Pakistan)*” [7]. Trong Kinh Trung Bộ, Đức Phật dạy có 4 loại sanh là “*Noãn sanh, thai sanh, thấp sanh, hóa sanh*” [8]. Trong đó, hóa sanh là cao quý nhất, dành cho những bậc đạt tới cấp độ tu tập vô nhiễm mới hóa sanh được. Mà sanh ra từ hoa sen là sự thanh khiết cho nên ngay cả tên gọi cũng nói lên Ngài là bậc xuất chúng. “*Đại sư Liên Hoa Sanh lại là người đại thành tựu về Mật giáo, ông mang đến Tây Tạng những Đà La Ni và Nghi Quý Chơn Ngôn. Ông dùng thần chú để hàng phục ác ma, yêu mị..., khiến ai gặp cũng sinh lòng kính phục*” [9]. Chính vì Ngài đặc được pháp thân thông, nên khi qua Tây Tạng, Ngài đối trị các thể lực siêu ma quái của Bồng giáo.

Lúc đầu, ngài Liên Hoa Sanh đem Mật giáo từ Ấn Độ truyền vào Tây Tạng, hệ thống Mật giáo này thuộc phái Kim Cương thừa Thời Luân Tôn của Mật giáo Ấn Độ. Ngài lần lượt thâm phục các đạo sĩ Bồng giáo và chiến thắng. “*Ngài Liên Hoa Sanh có 25 vị đệ tử chuyên phiên dịch kinh điển từ Phạn ngữ sang Tạng ngữ và biên tập thành Đại Tạng Kinh Cam-châu nhĩ của Tây Tạng*” [10]. Sau đó, cùng ngài Tịch Hộ bắt đầu truyền bá Phật giáo. Khi hàng phục quý thần ở Tây Tạng xong, đại sĩ Liên Hoa Sanh liền truyền ba bộ thể gian pháp như: “*Sai Khiến Phi Nhân, Mãnh Chủ Trớ, Thế Gian Cung Tán để bảo hộ chánh pháp. Vì vậy, có những học giả cho rằng ba bộ này là Mật pháp của Tây Tạng*” [11]. Cũng từ đó, mật pháp này được hành trì ở Tây Tạng, nhờ Ngài đã hướng dẫn, nên người dân họ luôn có cảm giác được bình yên trong cuộc sống.

Như vậy, ngài Tịch Hộ và Liên Hoa Sanh đều là những hành giả của Du già và có sở đắc về Mật giáo. Các Ngài bổ túc nhau, làm cho Phật giáo phát triển ở Tây Tạng. Sự có mặt của hai vị đã hàm chứa hai khả năng khác nhau, phản ánh tinh thần hoàng pháp được thực hiện trên hai phương diện giáo lý và hành trì. Sự việc này giúp chúng ta liên tưởng, một con chim muốn bay cao cần có đủ hai cánh, người học Phật muốn thông hiểu phải vừa học pháp vừa hành pháp. Bởi, “*những thuyết hành động chủ trương giáo*

dục con người bằng lý thuyết và thực hành” [12]. Điều đó, thể hiện tính thực dụng thông qua năng lực huyền bí để đối trị thực tế của cuộc sống. Đại sư Padmasambhava đối với dân Tây Tạng đã trở thành một thiên thần, một vị Phật. Họ gọi Ngài là “*Guru Rimpoche*” [13], nghĩa là vị thầy tôn quý.

SINH HOẠT PHẬT GIÁO

Trong cuộc sống, muốn tồn tại một đoàn thể cần phải có tổ chức sinh hoạt để giữ gìn và truyền trao ngọn lửa nhiệt huyết cho nhau. Phật giáo cũng vậy, cần có những sinh hoạt cụ thể, khuôn khổ, phép tắc, thành lập hệ thống Tăng già, dịch thuật kinh điển,... thì mới ổn định và tồn tại lâu dài.

Thành lập hệ thống Tăng già tại Tây Tạng

Sau khi Phật giáo đã có nền tảng, vua cho xây dựng chùa Tang Duyên, thỉnh ngài Tịch Hộ làm phương trượng, “*lập chùa Bsam-yas cũng gọi là chùa Tang-da hay Tang-duyên, ở phía nam thủ phủ Lhasa để hoằng truyền chánh pháp*” [14]. Sự có mặt của chùa Tang Duyên với ba lối kiến trúc khác nhau biểu trưng cho mối giao lưu văn hóa, phương diện kiến trúc mỹ thuật của văn minh Ấn Độ, Trung Hoa và Tây Tạng. Ngài Tịch Hộ nhận thấy Tây Tạng chưa có người xuất gia để duy trì Phật giáo, nên đã gợi ý vua mở Giới đàn thọ giới để đào tạo nhân lực. Giới trường được kiến tạo, thỉnh các vị Tăng Ấn Độ sang truyền giới.

Lúc bấy giờ, Tây Tạng chưa có người xuất gia, nên vua đã tuyển chọn được bảy vị là con nhà quý tộc xuất gia dưới sự chứng minh của ngài Tịch Hộ. Những vị tăng sĩ Ấn Độ được ngài Tịch Hộ mời qua Tây Tạng truyền giáo giới. Ngài Tịch Hộ xuống tóc và Giới được truyền cho các vị dựa theo *Thập Tụng Luật* của *Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ*. Cho nên, về đại thể ngày nay, Phật giáo Tây Tạng hành trì theo *Thập Tụng Luật*. Như vậy, Tăng già Tây Tạng lần đầu tiên được thành lập và các vị Tỳ kheo này hoàn toàn là người bản xứ. Nhờ sự cố vấn của ngài Tịch Hộ và sự phát tâm của nhà vua, nền tảng Phật giáo Tây Tạng đã hình thành vững chắc.

Sinh hoạt tư tưởng

Trước thời ngài Tịch Hộ và Liên Hoa Sanh, Phật giáo Tây Tạng chịu ảnh hưởng của Phật giáo Trung Hoa. Sau khi hai Ngài đến Tây Tạng và phục hoạt Phật giáo, ảnh hưởng của Phật giáo Ấn Độ đến Tây

Tạng rất lớn. Nhà vua cho chuẩn mực hóa công việc phiên dịch và biên soạn, ra sắc lệnh mở dịch trường, thỉnh Tăng sĩ ngoại quốc cùng dịch thuật. “*Những di cảo tìm thấy tại Đôn Hoàng, hiện nay được bảo quản tại cố viện Luân Đôn và Paris cho ta thấy trong giai đoạn đầu khi Phật giáo truyền vào Tây Tạng, các bậc cao Tăng dùng nhiều thì giờ phiên dịch kinh điển*” [15]. Ngoài ra, vua cho thành lập Hội đồng Tôn giáo là tổ chức quản lý sinh hoạt Tăng đoàn đầu tiên của Tây Tạng, đồng thời có chức năng giám sát hoạt động truyền giáo ở Tây Tạng. Vua ban hành chế độ ưu đãi Tăng già. Bối Thế Tôn từng dạy: “...*Các Tỳ kheo cần phải thường xuyên tụ họp và tụ họp trong đông đảo để giảng luận Chánh pháp, khiến cho có sự hòa hợp trên dưới của các Tỳ kheo...*” [16]. Tất cả những việc vua làm đều phát xuất từ niềm tin và sự thành kính của nhà vua đối với Tam bảo. Đây là thời kỳ Phật giáo hưng thịnh, các hoạt động phiên dịch kinh sách và giao lưu Tăng sĩ được coi trọng.

Sau khi ngài Tịch Hộ qua đời, vua thỉnh hai vị cao Tăng Trung Hoa là Ma Ha Diễn và Đàm Khoang về Tây Tạng truyền bá Phật giáo. Thiền tông Trung Quốc được truyền bá rộng ở đây. Cho nên, thời điểm này sinh hoạt Phật pháp ở Tây Tạng xuất hiện tình trạng thú vị là sự tồn tại xen kẽ giữa “Phạn tạng” và “Hán tạng” với tư tưởng có những đặc thù riêng. Để giải quyết tình trạng này, nhà vua tổ chức cuộc tranh biện Phật học mang tên “*Lạp Tát*” [17], nhằm tìm giải pháp thích hợp để ứng dụng cho sự tu học của Phật tử Tây Tạng, chọn ra một khuynh hướng chủ đạo để tình trạng sinh hoạt Phật giáo đi vào ổn định, chứ không phải phê phán, so bì giáo lý cao thấp, hay dở.

Cuộc tranh biện Lạp Tát

Cuộc tranh biện Lạp Tát được tổ chức ở chùa Tang Duyên, một ngôi chùa là trung tâm sinh hoạt Tăng già, dưới sự chủ trì của vua Cật-Phiêu-Song-Đề-Tán. Những người tham gia phải có trình độ kiến thức về Phật học, mỗi bên chọn ra một số vị đại diện để tranh biện.

Về phía Ấn Độ, người đứng đầu là ngài Liên Hoa Giới – Kamalasīla (Ka-ma-la-thập-la), học trò của ngài Tịch Hộ, là giảng sư Đại học Siêu Nham (Vikramasila) ở Ấn Độ. Vikramasila là trung tâm phát triển về Mật Tông dưới sự bảo trợ của vương



Vua thỉnh ngài Tịch Hộ, ngài Liên Hoa Sanh cùng các vị cao Tăng khác đến Tây Tạng để hoằng pháp. (Ảnh: tranh vẽ ngài Liên Hoa Sanh - sưu tầm)

triều Pala và Gutta. Đây là trung tâm học thuật nổi tiếng mà Liên Hoa Giới lại là giảng sư của trường đại học này nên Ngài rất giỏi về Luận lý học, tư tưởng Trung Quán và gắn gũi với triết học.

Về phía Trung Hoa, Hòa thượng Ma Ha Diễn (Đại sư Ma Ha Diễn) là người đại diện. Ngài là một vị Thiền sư đến từ Đại Đường. Thiền tông Trung Hoa ở giai đoạn đầu, dựa vào Kinh Lăng Già làm cơ sở để hành trì và phát huy nội dung tư tưởng “*Bất lập văn tự, giáo ngoại biệt truyền, trực chỉ nhân tâm, kiến tánh thành Phật*” [18]. Các vị thiền sư đưa ra công án, thoại đầu, dạy hành giả luôn quán tâm từ thô đến tế, hoát nhiên đại ngộ, nên chủ trương bất lập văn tự. Đến thời ngài Lục Tổ Huệ Năng trở về sau, y cứ trên nội dung của *Kinh Kim Cương* với ý chỉ *Ứng vô sở trụ, nhi sanh kỳ tâm* [19] không nương vào bên trái - bên phải - bên ngoài - bên trong...

chỉ tại trong tâm thì chơn tánh mới hiển bày. Đây là khuynh hướng đòi hỏi người tu học phải có căn cơ rất cao. Phải làm như thế nào để tâm mình vô tướng - vô sự. Lúc bấy giờ, Thiền tông Trung Hoa có sức ảnh hưởng rất lớn trong nước.

Qua hai năm (792-794), các cuộc tranh biện Phật học đã xoay quanh nhiều vấn đề hệ trọng. Đứng về phương diện học thuật, ở Ấn Độ, “ngài Liên Hoa Giới rất tinh thông phép biện luận của Nhân Minh Học, vì vậy Ngài đã vận dụng phép biện luận, phân tích đúng sai, giỏi đánh giỏi đỡ, lập luận chặt chẽ, không có khe hở” [20]. Còn ở Trung Hoa, thời kỳ này thiền học rất phát triển, nội dung của thiền học Trung Hoa là Tổ Sư Thiền, dành cho người có căn cơ trình độ cao mới tiếp thu được.

Từ hai phương diện học thuật khác nhau, phía đoàn Ấn Độ lại giỏi phép biện luận nên kết quả là nhà vua công nhận ngài Liên Hoa Giới thắng. Nghĩa là, Phật giáo Ấn Độ trở thành dòng chủ lưu cho sự tu học của người Phật tử Tây Tạng, nên ngài Ma Ha Diên và các đệ tử đều về nước, mặc dù giáo lý của thiền sư rất hay, nhưng lại quá cao siêu không phù hợp với người Tây Tạng trong giai đoạn này. Nhà vua chọn Phật giáo Ấn Độ làm nền tảng cho Tăng sĩ và Phật tử tu tập, lấy luật của Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ hành trì. Trong đó, ngài Liên Hoa Giới đại diện cho cả ba giai đoạn Phật học Đại thừa: Trung Quán, Duy Thức và Nhân Minh Học.

KẾT LUẬN

Phật giáo Tây Tạng tuy du nhập trễ so với các nước trên thế giới, nhưng người Tây Tạng đã sớm nhận ra giá trị đích thực và tầm quan trọng của Phật giáo đối với đạo đức con người cũng như phát triển đất nước. Phật giáo dưới thời vua Cát-Phiêu-Song-Đề-Tán đã phục hồi và phát triển lên tầm mức mới. Ông như một vị vua chánh pháp, đã có những công trạng đưa Phật giáo phát triển sau khi đạo Phật truyền bá. Sự phát triển này đặt nền tảng lâu dài cho dòng chảy tư tưởng Phật giáo Tây Tạng. Với những công trạng dành cho Phật giáo, Ngài được tôn xưng là hóa thân của Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát, là vị vua chánh pháp của Phật giáo Tây Tạng.

Chú thích:

[1] Pháp sư Thánh Nghiêm, Thích Tâm Trí (dịch, 2013), *Lịch sử Phật giáo Tây Tạng*, Nxb. Phương Đông, tr.30.

[2] *Sđđ*, tr 64.

[3] Thích Thái Hòa (2015), *Giác mơ Tây Tạng*, Nxb. Phương Đông, tr.195.

[4] HT. Thích Minh Châu (dịch, 2018), *Kinh Trung Bộ, Kinh Tắt Cả Lộ Hoặc*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.

[5] Pháp Sư Thánh Nghiêm, Pháp sư Tịnh Hải (2008), *Lịch sử Phật giáo thế giới*, Nxb. Khoa học Xã hội, tr.283.

[6] Pháp sư Thánh Nghiêm, Thích Tâm Trí dịch, (2013), *Lịch sử Phật giáo Tây Tạng*, Nxb. Phương Đông, tr.65.

[7] Nguyễn Tường Bách (2016), *Mùi hương trầm*, Nxb. Phương Đông, tr.330.

[8] HT. Thích Minh Châu (dịch), *Kinh Trung Bộ 1, Kinh Đại Sư Tử Hống*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr.106.

[9] *Sđđ*, tr 66.

[10] Thích Thái Hòa (2015), *Giác mơ Tây Tạng*, Nxb. Phương Đông, tr.35.

[11] *Sđđ*, tr 77.

[12] Thư viện Đại học Vạn Hạnh (1969), *Tư Tưởng số 4*, Nxb. Thư viện Đại học Vạn Hạnh, tr.41.

[13] Trần Quang Thuận (2015), *Phật giáo trong dòng lịch sử văn hóa Tây Tạng*, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội, tr.159.

[14] Thích Thái Hòa (2015), *Giác mơ Tây Tạng*, Nxb. Phương Đông, tr.195.

[15] Trần Quang Thuận (2015), *Phật giáo trong dòng lịch sử văn hóa Tây Tạng*, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội, tr.156.

[16] HT. Thích Minh Châu (dịch, 2017), *Kinh Trường Bộ, Kinh Đại Bát Niết Bàn*, Nxb. Tôn giáo, TP HCM, tr.278.

[17] HT. Thánh Nghiêm, Thích Tâm Trí (dịch, 2013), *Lịch sử Phật giáo Tây Tạng*, Nxb. Phương Đông, tr.65.

[18] Tuệ Sỹ (2007), *Huyền thoại Duy-Ma-Cật, Mục: Thiên Nữ Tán Hoa*, Nxb. Phương Đông, TP HCM, tr.222.

[19] HT. Thích Thiện Hoa (2012), *Phật học phổ thông 3, Khóa XII. Kinh Kim Cang*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr.508.

[20] Pháp Sư Thánh Nghiêm, Pháp sư Tịnh Hải (2008), *Lịch sử Phật giáo thế giới*, Nxb. Khoa học Xã hội, tr.288.

Thư mục tham khảo:

1. HT. Thích Minh Châu (dịch, 2017), *Kinh Trường Bộ*, Nxb. Tôn giáo, TP HCM.

2. HT. Thích Minh Châu (dịch, 2018), *Kinh Trung Bộ*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.

3. HT. Thích Minh Châu (dịch, 2013), *Kinh Tương Ưng Bộ 1*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.

4. HT. Thích Thiện Hoa (2012), *Phật học phổ thông 3, Kinh Kim Cang*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.

5. Thích Thái Hòa (2015), *Giác mơ Tây Tạng*, Nxb. Phương Đông.

6. Nguyễn Tường Bách (2016), *Mùi hương trầm*, Nxb. Phương Đông.

7. Pháp Sư Thánh Nghiêm, Pháp sư Tịnh Hải (2008), *Lịch sử Phật giáo thế giới*, Nxb. Khoa học Xã hội.

8. Pháp sư Thánh Nghiêm, Thích Tâm Trí (dịch, 2013), *Lịch sử Phật giáo Tây Tạng*, Nxb. Phương Đông.

9. Trần Quang Thuận (2015), *Phật giáo trong dòng lịch sử văn hóa Tây Tạng*, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội.

10. Thư viện Đại học Vạn Hạnh (1969), *Tư Tưởng số 4*, Nxb. Thư viện Đại học Vạn Hạnh.

11. Tuệ Sỹ (2007), *Huyền Thoại Duy-Ma-Cật, Mục: Thiên Nữ Tán Hoa*, Nxb. Phương Đông, TP HCM.

Tác động của Tăng đoàn Phật giáo đến



thời Đức Phật



Vĩnh Thông

Tăng đoàn Phật giáo đã làm nên cuộc cách mạng đẳng cấp chấn động thời bấy giờ. Mọi người dù thuộc thành phần nào trong xã hội, nếu đủ duyên đều được đón nhận trong ngôi nhà thanh tịnh của Như Lai.

(Ảnh: sưu tầm)

An Độ là mảnh đất có sự phát triển phong phú của các truyền thống tư tưởng. Trước khi Tăng đoàn Phật giáo ra đời, nơi đây đã tồn tại nhiều đoàn thể tôn giáo cạnh tranh sức ảnh hưởng lẫn nhau. Tuy nhiên, sau đó, Tăng đoàn Phật giáo đã tạo nên những tác động mạnh mẽ đến đời sống xã hội và triết lý tôn giáo đương thời. Sự tác động ấy không chỉ kéo dài gần hai thiên niên kỷ tại Ấn Độ, mà còn để lại nhiều bài học cho con người ngày nay.

KHÁI QUÁT VỀ TĂNG ĐOÀN PHẬT GIÁO

Sau khi giác ngộ, Đức Phật Thích Ca từ Uruvelā đến Isipatana độ cho năm huynh đệ Koṇḍañña (Kiều-trần-như). Bài kinh đầu tiên là *Kinh Chuyển pháp luân* dạy về bốn Thánh đế, đánh dấu bánh xe pháp chính thức được vận hành. Khi ấy, năm bạn cùng tu xin xuất gia, trở thành những vị Tỳ kheo đầu tiên. Thời điểm này, Tăng đoàn được hình thành. Từ đó, Đức Phật và Tăng đoàn hoằng pháp không ngừng nghỉ suốt 45 năm. Nhờ vậy, không chỉ chánh pháp được lan truyền rộng rãi khắp các xứ sở, mà hội chúng cũng ngày càng lớn mạnh. Đoàn thể ấy đã đón nhận những thành phần đa dạng trong xã hội đương thời, không phân biệt xuất thân, địa vị, trình độ, tuổi tác, giới tính... Dẫu thế, không vì sự đa dạng đó mà Tăng-già mất đi bản chất vốn có của mình, đó là thanh tịnh và hòa hợp. Hai yếu tố này không thể chỉ có một, mà phải đầy đủ cả hai. Bản chất thanh tịnh và hòa hợp được thể hiện qua tính thân lục hòa (sáu quy tắc hòa hợp) và các hình thức sinh hoạt như bố tát, an cư, tụng niệm... Quan trọng hơn hết là sống chế ngự với giới bổn Pāṭimokkha.

Khi Bà-la-môn Vassakāra - đại thần nước Magadha đặt câu hỏi rằng: Tăng-già nương tựa vào đâu để hòa hợp sau khi Thế Tôn diệt độ, Tôn giả Ānanda trả lời: “*Này Bà-la-môn, chúng tôi có chỗ nương tựa, và Pháp là chỗ nương tựa của chúng tôi. [...] Thật vậy, không phải các Tôn giả xử sự chúng tôi, chính Pháp xử sự chúng tôi*” (Kinh Gopaka Moggallāna, Kinh Trung bộ) [1].

Với bản chất hòa hợp và thanh tịnh, Tăng-già được vua Pasenadi (Ba-tư-nặc) tán thán trong *Kinh Pháp trang nghiêm* (Kinh Trung bộ): “*Lại nữa bạch Thế Tôn, vua chúa cãi lộn với vua chúa, Sát-đế-ly cãi lộn với Sát-đế-ly, Bà-la-môn cãi lộn với Bà-la-môn, gia chủ cãi lộn với gia chủ, mẹ cãi lộn với con, con cãi lộn với mẹ, cha cãi lộn với con, con cãi lộn với cha, anh em cãi lộn với anh em, anh em cãi lộn với chị em, chị em cãi lộn với anh em, bạn bè cãi lộn với bạn bè. Còn ở đây, bạch Thế Tôn, con thấy các Tỳ kheo sống với nhau thuận hòa, thân hữu, không cãi lộn nhau, hòa hợp như nước với sữa, nhìn nhau với cặp mắt ái kính. Bạch Thế Tôn, con không thấy ngoài đây ra, có một phạm hạnh nào khác viên mãn, thanh tịnh như vậy*” [2].

TÁC ĐỘNG CỦA TĂNG ĐOÀN ĐẾN ĐỜI SỐNG XÃ HỘI TẠI ẤN ĐỘ THỜI ĐỨC PHẬT

Ấn Độ là xã hội phân biệt đẳng cấp nặng nề. Bốn đẳng cấp chính từ cao xuống thấp là giáo sĩ (brāhmaṇa), quý tộc (khattiya), bình dân (vessa), nô lệ (sudda), ngoài ra còn có những người thấp kém cùng cực đến độ không được xếp vào các đẳng cấp trên. Trong xã hội này, người thuộc đẳng cấp cao hơn thì có nhiều quyền lợi so với người thuộc đẳng cấp thấp hơn. Đẳng cấp là chế độ cha truyền con nối, người sinh ra trong đẳng cấp nào thì trọn đời thuộc về đẳng cấp ấy, không thể thay đổi.

Tăng đoàn Phật giáo đã làm nên cuộc cách mạng đẳng cấp chấn động thời bấy giờ. Tất cả mọi người



Khi Bà-la-môn Vassakāra - đại thần nước Magadha đặt câu hỏi rằng: Tăng-già nương tựa vào đâu để hòa hợp sau khi Thế Tôn diệt độ, Tôn giả Ānanda trả lời: “Này Bà-la-môn, chúng tôi có chỗ nương tựa, và Pháp là chỗ nương tựa của chúng tôi. [...] Thật vậy, không phải các Tôn giả xư sự chúng tôi, chính Pháp xư sự chúng tôi!” (Kinh Gopaka Moggallāna, Kinh Trung bộ).

dù thuộc thành phần nào trong xã hội, nếu đủ duyên thì đều được đón nhận trong ngôi nhà thanh tịnh của Như Lai. Khi đã gia nhập Tăng đoàn, mọi đẳng cấp bị triệt tiêu. Trong *Kinh A-tu-la Pahārāda* (*Kinh Tăng chi bộ*), Đức Thế Tôn tuyên bố: “*Ví như, này Pahārāda, phàm có các con sông lớn nào, ví như sông Hằng, sông Yamunā, sông Aciravatī, sông Sarabhū, sông Mahī, các con sông ấy khi chảy đến biển, liền bỏ tên họ cũ trở thành biển lớn. Cũng vậy, này Pahārāda, có bốn giai cấp: Sát-đế-ly, Bà-la-môn, Phệ-xá, Thủ-đà, sau khi từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia trong Pháp và Luật được Như Lai tuyên bố, họ từ bỏ tên và họ của họ từ trước, và họ trở thành những Sa-môn Thích tử*” [3].

Quả thật, Upālī từ người thợ hót tóc trở thành đại Luật sư trong Tăng đoàn, Āṅgulimāla từ tên cướp khét tiếng được chứng quả A-la-hán, Sāti là con của người đánh cá, Nanda là người chăn bò, Channa là người chăn ngựa, Sunita là người hót rác... đều được đứng vào hàng ngũ Tăng-già.

Sự đón nhận rộng mở của Tăng đoàn dành cho mọi tầng lớp đã vấp phải những phản ứng mạnh mẽ của xã hội, đặc biệt là đẳng cấp giáo sĩ và quý tộc. Bởi, hành động đó bị cho là đi ngược lại truyền thống văn hóa Ấn Độ, đồng thời ảnh hưởng đến quyền lợi của những đẳng cấp trên. Do vậy, Tăng đoàn đã không ít lần bị họ gây khó dễ, nhưng tư tưởng bình đẳng của đạo Phật không vì thế mà lung lay. Bên cạnh đó, Tăng đoàn Phật giáo còn đi tiên phong trong cách mạng bình đẳng giới tính. Trong xã hội Ấn Độ, địa vị của nữ giới rất thấp kém. Họ phải phục tùng nam giới, gần như không có quyền lực, không được tự do phát triển bản thân, gặp nhiều khó khăn trong đời sống hằng ngày... Trong bối cảnh đó, Đức Phật cho phép nữ giới xuất gia là một việc làm táo bạo.

Vào năm thứ năm sau khi Đức Phật thành đạo, vua Suddhōdana (Tịnh Phạn) lâm bệnh nặng rồi băng hà. Sau tang lễ, di mẫu Mahāpajāpati Gotamī xin Đức Phật cho bà được xuất gia. Đức Thế Tôn nhận

thấy người nữ gặp nhiều khó khăn khi bước chân vào con đường tu tập, nhưng sau ba lần từ chối, cuối cùng, Ngài cũng đồng ý cho nữ giới xuất gia. Không chỉ được xuất gia, nữ giới còn được xóa bỏ đẳng cấp khi bước chân vào nhà Như Lai, tương tự nam giới. Āmrpālī là kỹ nữ, Vimalā là con gái của kỹ nữ, Punnā là con gái người tỳ nữ của ông Cấp Cô Độc, Cāpā là con gái người thợ săn... Tất cả đều được đón nhận bình đẳng trong giáo pháp Thế Tôn.

Cuối cùng, nếu con người đã bình đẳng bước vào hàng ngũ Tăng-già, thì cũng bình đẳng chứng đạt quả vị giải thoát. Đạo Phật đề cao khả năng giác ngộ của tất cả mọi người. Trường hợp điển hình là Aṅgulimāla từ tướng cướp trở thành A-la-hán đã khẳng định với nhân loại rằng ai cũng thể “*quay đầu là bờ*”. Mặc dù nữ giới có nhiều trở ngại hơn nam giới khi thực hành đời sống tu tập, nhưng hội chúng Tỳ kheo Ni vẫn có nhiều vị đắc quả từ Tu-đà-hoàn đến A-la-hán.

TÁC ĐỘNG CỦA TĂNG ĐOÀN ĐẾN TRIẾT LÝ TÔN GIÁO TẠI ẤN ĐỘ THỜI ĐỨC PHẬT
Bà-la-môn là tôn giáo truyền thống của cư dân Ấn Độ và cũng là tư tưởng chủ lưu trong nền văn hóa này. Tuy nhiên trong xã hội đương thời, nếu đạo Bà-la-môn được xem là dòng triết học chánh thống, thì đối lập với nó là các dòng triết học phi chánh thống như Jain (Kỳ Na giáo), Lokāyata (Duy vật), trong đó có Phật giáo.

Đức Thế Tôn khẳng định sự cao quý hay thấp hèn của một người hoàn toàn phụ thuộc vào những hành động của người ấy. “*Chúng sanh người hạ liệt, kẻ cao sang; người đẹp đẽ, kẻ thô xấu; người may mắn, kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của họ*” (Kinh Sơ hãi và khiếp đảm, Kinh Trung bộ).

Đạo Bà-la-môn và một số truyền thống tôn giáo khác quan niệm rằng có một đẳng tối cao sáng tạo nên vũ trụ. Trong tu tập, họ cố xúi tín đồ nương tựa vào thần linh và thực hiện nhiều nghi lễ. Các hình thức thực hành tôn giáo phổ biến thời bấy giờ như thờ lửa, lễ tế, khổ hạnh, hiến tế động vật, tắm sông giải nghiệp... Thậm chí có cả hành động bạo lực phục vụ đức tin tôn giáo, như trường hợp Aṅgulimāla trước khi trở thành đệ tử Như Lai.

Trong khi đó, Phật giáo thừa nhận có sự tồn tại của các cõi thần linh, nhưng không đóng vai trò quan trọng trong đời sống con người. Đức Thế Tôn khẳng định sự cao quý hay thấp hèn của một người hoàn toàn phụ thuộc vào những hành động của người ấy. “*Chúng sanh người hạ liệt, kẻ cao sang; người đẹp đẽ, kẻ thô xấu; người may mắn, kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của họ*” (Kinh Sơ hãi và khiếp đảm, Kinh Trung bộ) [4]. Trí tuệ và đạo đức mới là những điều được Đức Phật đề cao, chứ không phải thẩm quyền của thần thánh.

Do đó, con người không thể nương tựa thần thánh để thay đổi cuộc sống của mình. Trong *Kinh Ví dụ tắm rửa* (Kinh Trung bộ), Đức Phật đã phá quan niệm tắm rửa tại các dòng sông thiêng sẽ tẩy uế được ác nghiệp. Ngài nhận xét, đó là việc làm của kẻ ngu si, vì các con sông ấy không thể



thay đổi được những ác nghiệp mà con người đã gây ra. Ngài tiếp tục nói thêm: “*Đối kẻ sống thanh tịnh / Ngày nào cũng ngày tốt / Với kẻ sống thanh tịnh / Ngày nào cũng ngày lành*” [5].

Tăng đoàn chính là minh chứng cho những quan điểm mới mẻ đó của Đức Phật. Hình ảnh Tăng đoàn đã “*định nghĩa lại*” về hình mẫu con người lý tưởng, xứng đáng được xã hội kính trọng: “*Phạm chí thật đầu do huyết thống / Giai cấp cao, nguồn gốc thọ sanh / Ai không phiền não, tịnh thanh / Phạm chí không chấp, cõi tâm an lành*” [6]. Có thể nói, Đạo Phật đã đưa ra những tiêu chí mới để đánh giá con người, đập đổ những quan niệm cổ hủ liên quan đến thần linh trong tư tưởng Ấn Độ cổ đại.

Ở một góc nhìn khác, chúng ta thấy Tăng đoàn Phật giáo là hình mẫu tiêu biểu cho lối tu trung đạo, giữa bối cảnh lối tu khổ hạnh đang thịnh hành thời bấy giờ. Đức Phật xác nhận rằng, khổ hạnh không phải con đường đưa đến giải thoát. Đây không phải lời nhận định suông, bởi chính Ngài là người đã từng trải nghiệm lối tu khổ hạnh, thậm chí thực hành đến độ tột cùng của sự khổ hạnh.

Sự phát triển mạnh mẽ của Tăng-già, cùng với sự truyền bá những quan điểm mới mẻ của đạo Phật, đã thu hút đông đảo các tầng lớp trong xã hội tìm đến. Điều đó đồng nghĩa thế lực của đạo Bà-la-môn và các tôn giáo khác bị suy giảm. Ngoại đạo đã nhiều lần phá rối Tăng chúng bằng nhiều cách từ luận chiến, chửi bới, đến vu oan, hành hung... Điều đó đủ nói lên sức tác động của Tăng đoàn Phật giáo đến hệ thống tư tưởng, triết học, tôn giáo ở Ấn Độ thời đó không hề nhỏ. Mãi đến cuối thế kỷ XIX, khi phong trào tìm hiểu về Phật giáo ở phương Tây phát triển, Auguste Barth (1834 - 1916) nhận định về sự tác động này trong tác phẩm *Les Religions de l'Inde (Tôn giáo của Ấn Độ, 1879)* như sau: “*Khái niệm về thần linh đã lùi dần từng bước, hình ảnh các thần linh cũ bị xóa nhạt dần, đấng Brahma ngự trên tịch mịch vĩnh cửu, rất cao trên thế giới mặt đất, và chỉ còn có một nhân vật tham gia tích cực vào sự nghiệp giải thoát lớn lao: đó là con người*” [7].

THÔNG ĐIỆP CỦA TĂNG ĐOÀN PHẬT GIÁO TRONG XÃ HỘI NGÀY NAY

Không chỉ có thời Đức Phật tại thế, Tăng đoàn mới tạo nên những tác động lớn đến văn hóa Ấn Độ. Sau

đó, suốt hàng nghìn năm Phật giáo tồn tại trên bán đảo này, những tác động ấy vẫn tiếp tục lan rộng. Đến nay, khi nhìn về quá khứ, chúng ta nhận thấy Tăng đoàn Phật giáo đã để lại nhiều thông điệp sâu sắc mà con người thời hiện đại phải suy ngẫm.

Trong xã hội ngày nay, tư tưởng bình đẳng được tất cả các quốc gia trên thế giới công nhận. Do đó đối với chúng ta, quan niệm này rất bình thường. Tuy nhiên, nếu đặt nó vào bối cảnh 26 thế kỷ trước, tại một xã hội phân biệt cực độ như Ấn Độ, chúng ta mới thấy những bước đi tiên phong của Đức Phật và Tăng đoàn là vô cùng táo bạo và đầy rẫy khó khăn.

Hiện nay, mặc dù bình đẳng là tư tưởng phổ biến, nhưng trên thực tế thì sự bất công, phân biệt, kỳ thị... giữa các nhóm người vẫn còn xuất hiện ở nhiều nơi thế giới. Tại Ấn Độ, chế độ đẳng cấp vẫn còn tồn tại, tuy có nới lỏng hơn so với trước đây. Bởi thế, tư tưởng xóa bỏ phân biệt đẳng cấp của Đức Phật và Tăng đoàn đến nay vẫn còn nguyên giá trị. Bên cạnh đó, chủ trương bình đẳng giới tính của Phật giáo cũng là bài học lớn cho con người. Ngày nay, vị thế của phụ nữ được nâng cao, nhưng họ vẫn bị xem là thấp kém hơn nam giới trong một số nền văn hóa. Tại Ấn Độ, phụ nữ bị hành hung, bắt cóc, xâm hại, ... là tình trạng nhức nhối trong xã hội.

Những hiện thực đau lòng nêu trên tiếp tục nhắc nhở trách nhiệm dân thân phụng sự xã hội của những người con Phật trong thời đại hội nhập. Kiến tạo bình đẳng xã hội dựa trên tôn trọng quyền con người, trong đó có nâng cao vị thế của phụ nữ, chính là những lý tưởng cao đẹp mà thế giới đang hướng đến và Phật giáo đang góp phần. Cuối cùng, Đức Phật và Tăng đoàn đã gửi gắm đến nhân loại một thông điệp vĩ đại: Không ai có thể giải thoát cho con người ngoài chính mình. Mỗi người đều có khả năng hoàn thiện bản thân, giác ngộ chân lý, giải thoát khổ đau. Song, muốn đạt được như thế, mỗi người phải có trách nhiệm với chính hành vi của mình. Thần linh không có trách nhiệm với hạnh phúc và khổ đau của con người, cho nên con người không có nghĩa vụ làm nô lệ cho thần linh.

KẾT LUẬN

Một trong những thành tựu to lớn trong cuộc đời hoàng pháp của Đức Phật là thành lập được Tăng đoàn. Tăng-già là đoàn thể hòa hợp và thanh tịnh,



Bên cạnh đó, Tăng đoàn Phật giáo còn tiên phong trong cách mạng bình đẳng giới tính. Ở xã hội Ấn Độ, địa vị của nữ giới rất thấp kém. Họ phải phục tùng nam giới, gần như không có quyền lực, không được tự do phát triển bản thân, gặp nhiều khó khăn trong đời sống hằng ngày... Trong bối cảnh đó, Đức Phật cho phép nữ giới xuất gia là một việc làm táo bạo. (Ảnh: *suru tâm*)

không chỉ giúp mỗi cá nhân giải thoát khổ đau, mà còn góp phần mang lại lợi ích cho chúng sanh. Nhiều người bước vào Tăng đoàn rồi được thành tựu đạo quả, sau đó chính họ lại mang những điều mà mình đã chứng ngộ để giảng dạy lại cho người khác, giúp người khác tiến bộ trên con đường tu tập. Trong xã hội Ấn Độ cổ đại, Tăng đoàn Phật giáo đã làm lung lay chế độ đẳng cấp, bất công xã hội, phân biệt giới tính, cuồng tín tôn giáo... Trên nền tảng đó, suốt hơn 2.600 năm qua, Tăng chúng tiếp tục là những người tiên phong thúc đẩy cải cách xã hội tại các quốc gia mà Phật giáo có mặt, vì hạnh phúc và lợi lạc cho loài người.

Chú thích:

- [1] Thích Minh Châu (dịch, 2012), *Kinh Trung bộ*, tập II, Nxb. Tôn giáo, tr. 333-334.
 [2] *Sđđ*, tr. 147.
 [3] Thích Minh Châu (dịch, 2015), *Kinh Trung bộ*, tập II, Nxb. Tôn giáo, tr. 328.
 [4] Thích Minh Châu (dịch, 2012), *Kinh Trung bộ*, tập I, Nxb. Tôn giáo, tr. 44.

[5] *Kinh Trung bộ* (2012), tập I, *Sđđ*, tr. 64-65.

[6] Thích Nhật Từ (dịch, tái bản, 2016), *423 lời vàng của Phật*, Nxb. Hồng Đức, tr. 148.

[7] Dẫn theo Emile Durkheim (2006), “*Định nghĩa hiện tượng tôn giáo và về tôn giáo*”, Đào Hùng dịch & Nguyễn Kim Hiền hiệu đính, trong Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam, *Những vấn đề nhân học tôn giáo*, Nxb. Đà Nẵng, tr. 46.

Tài liệu tham khảo:

1. Thích Nhật Từ (dịch, tái bản, 2016), *423 lời vàng của Phật*, Nxb. Hồng Đức.
2. Thích Minh Châu (dịch, 2015), *Kinh Trung bộ*, tập II, Nxb. Tôn giáo.
3. Thích Minh Châu (dịch, 2012), *Kinh Trung bộ*, tập I, Nxb. Tôn giáo.
4. Thích Minh Châu (dịch, 2012), *Kinh Trung bộ*, tập II, Nxb. Tôn giáo.
5. Thích Nữ Chúc Hòa (2021), “*Sự thành lập Ni đoàn và tầm quan trọng của Bát kinh pháp*”, *Tạp chí Văn hóa Phật giáo*, số 373, tr. 45.
6. Emile Durkheim (2006), “*Định nghĩa hiện tượng tôn giáo và về tôn giáo*”, Đào Hùng dịch & Nguyễn Kim Hiền hiệu đính, trong Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam, *Những vấn đề nhân học tôn giáo*, Nxb. Đà Nẵng.

Những chương trình

Phật Sự

Online

Thực hiện



BẢN TIN PHẬT SỰ 20H



BẢN TIN PHẬT SỰ TIẾNG ANH



HOÀNG PHÁP ONLINE



ĐỌC LẠI TẠP CHÍ
VĂN HÓA PHẬT GIÁO



AN CƯ LẠC NGHIỆP



HƯỚNG DẪN CẨM HOA



CHUYỆN CỬA THIỀN



ĐƯỜNG VÀO NỘI TÂM



NGUYỄN LÂM CON THẢO



PHẬT PHÁP HỎI ĐÁP



PHẬT GIÁO VÀ ĐỜI SỐNG



SỐNG NHƯ NHỮNG ĐÓA HOA



CÂU CHUYỆN BÊN TÁCH TRÀ



ĐỒNG VỌNG PHÁP



NGHỆ THUẬT PHẬT GIÁO



NGƯỜI CON PHẬT



LỜI CON DÂNG PHẬT
TRẮNG THÁNG TƯ



TÒA NGÁT HƯƠNG SEN



LỜI PHẬT DẠY

Liên hệ **Live** và đăng tin tức
Chùa Minh Đạo - 12/3 Kỳ Đồng, P.9, Q.3, TP.HCM

Đại đức THÍCH TUỆ TÁNH - 0944 020802
Email: PSOMiennam@phatsuonline.com



PHẬT GIÁO
VĂN HÓA
& ĐỜI SỐNG



Qua khẩu dụ, ta thấy vua Minh Mạng vừa đánh giá cao giá trị của ngôi cổ tự bậc nhất đất thần kinh, cả về cảnh quan lẫn truyền thống lịch sử - tâm linh; vừa nói rõ vai trò truyền thống “hộ quốc” của Phật giáo đối với sự nghiệp mở cõi và xây dựng triều đình từ thời chúa Nguyễn đến nay. (Ảnh: internet)

Chuyện vua Minh Mạng với những lần ghé Chùa Thiên Mụ

Quảng Định*

Minh Mạng là vị vua thứ hai của vương triều Nguyễn, giữ ngôi từ năm 1820 đến năm 1840. Ông nổi tiếng thông minh giỏi giang, quyết đoán và siêng năng. Ở mọi lĩnh vực của đất nước từ nội trị đến ngoại giao đều có dấu ấn trị vì của nhà vua. *Đại Nam thực lục* là bộ chính sử do Quốc sử quán biên soạn, gồm 10 tập, riêng chép chuyện triều Minh Mạng đã chiếm hết 4 tập (từ tập 2 đến tập 5). Qua theo dõi bộ sử này, chúng tôi nhận thấy có nhiều chỉ dụ của nhà vua về chùa Thiên Mụ, ngôi chùa nổi tiếng của kinh đô Huế; tập trung vào hai việc: vua định dời chùa sang nơi khác và những lần cho lập trai đàn cầu siêu cầu phúc.

Ý ĐỊNH DỜI VĂN MIẾU VỀ CHỖ CHÙA THIÊN MỤ

Năm 1830, mùa thu, sau khi đến làm lễ tế thu ở Văn miếu trở về, xa giá qua chùa Thiên Mụ, vua bảo bầy tôi rằng: *“Toàn cục chỗ này thực là núi sông tốt. Trẫm từng muốn dời Văn miếu về đây. Nhưng lại nghĩ chùa này là do Thái tổ Gia dụ hoàng đế (chúa Tiên Nguyễn Hoàng) dựng lên, các thánh nhân theo thờ, đến Thế tổ Cao hoàng đế (Gia Long) ta dựng lại cơ đồ, dựng lại nền cũ. Nay nếu dời đổi lòng thực không yên. Cho nên không thể không cứ theo cũ”* [1]. Cũng trong một lần đến dự đàn trai ở chùa Thiên Mụ năm 1835, Vua bảo quan hầu rằng: *“Ở Thừa Thiên, những nơi danh thắng rất nhiều, nhưng không đâu rộng rãi khang trang bằng (chỗ chùa Thiên Mụ). Nước ta yêu chuộng Nho học, há lại chẳng muốn dựng Văn miếu ở đây. Song chùa này làm từ triều trước cũng đã lâu năm. Ngụy Tây dù bạo ngược vô đạo, thế mà chùa chiến vẫn còn, bia, chuông như cũ, không phải là không có duyên có mà được thế đâu. Trẫm sửa sang thêm, cũng là một việc nói chí người trước mà thôi”* (707) [2].

Rõ ràng, đó mới chỉ là ý định của nhà vua, và không chỉ xuất hiện một lần. Nhưng vì sao vua không cho thực hiện? Với nguyên tắc vua không nói chơi và bản tính quyết đoán, nếu thực lòng muốn dời Văn miếu về chỗ chùa Thiên Mụ, nhà vua sẽ cho thực hiện ngay. Qua khảo dụ, ta thấy vua Minh Mạng vừa đánh giá cao giá trị của ngôi cổ tự bậc nhất đất thần kinh, cả về cảnh quan lẫn truyền thống lịch sử - tâm linh; vừa nói rõ vai trò truyền thống “hộ quốc” của Phật giáo đối với sự nghiệp mở cõi và xây dựng triều đình từ thời chúa Nguyễn đến nay. Có lẽ, nhà vua chỉ cốt giảng giải cho các quan hầu phần lớn theo Nho học rằng: Vua – triều đình ta đều yêu chuộng Nho học, việc cho sửa sang chùa chiến là “nói chí người trước mà thôi”.

Minh Mạng là vị vua anh minh, quyết đoán, song không thiếu phần khôn khéo tinh tế. Dù ưu ái đề cao Đạo Phật, dựa vào Phật giáo để gắn kết lòng người, khuyến khích điều thiện; dành nhiều tiền của và tâm lực để góp phần hoằng dương Phật pháp; song cách nói của nhà vua với quan lại là cốt để giới quan lại Nho học không so bì phản ứng, nhất là thời kỳ đầu nhà vua mới lên ngôi. Còn về sau, khi ngôi vương vững chắc, triều đình hùng mạnh, nhà vua càng đề cao Phật giáo, cho xây dựng nhiều chùa mới, sai lập trai đàn không chỉ ở chùa mà còn ở lăng tẩm cầu siêu cho thân nhân của mình.



NHỮNG LẦN CHO LẬP TRAI ĐÀN

Dù luôn nói yêu chuộng Nho học, song trên thực tế việc làm, vua Minh Mạng cũng yêu chuộng đạo Phật không kém. Nhà vua cho trùng tu, xây mới nhiều ngôi chùa lớn ở nhiều nơi trên cả nước: chùa Hoàng Phúc (1821, Quảng Bình), cho lấy lại tên chùa Báo Quốc và sát hạch chư tăng toàn quốc (1825, Huế), đại trùng tu các chùa trên núi Ngũ Hành Sơn gồm: Tam Thai, Ứng Chơn, Trang Nghiêm và Từ Tâm (1825, Đà Nẵng), trùng tu chùa Khải Tường (1832, Gia Định), xây chùa Thủy Vân (1836, Huế), chùa Thánh Duyên (1837,



Chánh điện chùa Thiên Mụ.
(Ảnh: sưu tầm)

Huế), chùa Giác Hoàng (1839, Huế), chùa Vĩnh An (Quảng Nam)... Sử cũng chép rõ những lần vua cho lập đàn trai ở chùa Thiên Mụ để cầu siêu cầu phúc.

Lần thứ nhất: Năm Canh Thìn (1820), Minh Mạng nguyên niên, Thái trưởng công chúa Ngọc Tú xin làm trai tiền để trung tiên tiên đế Gia Long. Vua đem việc ấy bàn với các đại thần. Nguyễn Văn Nhân (1753-1822, Tổng trấn Gia Định) cho rằng: *“Thái trưởng công chúa đã xin làm thì cấp kinh phí cho tự làm là phải”*. Vua lại hỏi Phạm Đăng Hưng (1765-1825, Thượng thư bộ Lễ), Hưng đáp: *“Nói chi noi việc là hiếu, việc bệ hạ làm là việc tiên đế đã từng làm, có gì là không thể làm được!”*. Vua cho là phải. Sai Tôn Thất Dịch cùng Vệ úy Trần Đăng Long đến trước chùa Thiên Mụ, dựng nhà tranh, sắm đồ vật. Đàn chay diễn ra đến 21 ngày. Thái trưởng công chúa làm chủ đàn chay. Các tước công lần lượt đến dâng hương. Vua thường đến xem. [3]

Lần thứ hai: Năm Minh Mạng thứ 2 (1821) vua *“cho lập đàn chay lớn ở chùa Thiên Mụ, sai bọn Tổng Phước Lượng và Vũ Viết Bảo trông coi công việc. Thưởng cho binh và thợ hơn 1000 quan tiền”*. Lần này Đại Nam thực lục không ghi chép lý do làm đàn chay và thời gian diễn ra bao lâu. Theo ghi chép trước đó, mùa xuân năm ấy, có sự kiện tấn tôn hoàng mẫu làm hoàng thái hậu. Có lẽ vua làm đàn chay để cầu chúc mẹ vua được *“danh lớn chính đáng, phúc tốt dồi dào”*. Cũng năm ấy, mùa hạ, tháng 7, vua đến đàn chay ở chùa Thiên Mụ cho các tăng hơn nghìn lạng bạc [4].

Lần thứ ba: Năm Canh Dần 1830, Minh Mạng thứ 11, mùa hạ, vua cho lập đàn chay ở chùa Thiên Mụ. Vua thương nhớ các tướng sĩ trận vong từ trước và

tất cả những ma vô tự, sai lập đàn chay phổ độ dưới nước, trên cạn ở chùa Thiên Mụ. Vua đến xem và bảo các quan đi theo rằng: *“Đặt đàn chay chưa biết những u hồn ở âm phủ có được thắm ơn không, chỉ là để tỏ ý trầm thương nhớ bề tôi mà thôi”*. [5]

Lần thứ tư: Năm Minh Mạng thứ 16 (1835), mùa thu, vua cho lập đàn trai siêu độ ở chùa Thiên Mụ sau việc đánh dẹp ở Bắc Kỳ đã xong. Vua sai quyền thư Thông chế Bùi Công Huyền và Biện lý Công bộ Nguyễn Đức Trinh coi công việc làm đàn đó. *“Nghĩ lại: lúc có việc, ở nơi chiến trường, nhiều người không khỏi mắc phải mũi tên, hòn đạn. Đối với những người chết trận hoặc chết bệnh, ta đã từng tùy việc, gia ơn truy tặng và cấp tiền tuất, đầm đìa ưu hậu, vinh quang tận suốt vàng. Lại lập đàn, ban lễ tế, để há hương hồn”*. Vua giảng giải thêm rằng: *“Đạo Phật lấy tế độ làm trọng, có lẽ giúp cho âm phúc được nhờ. “Vây sai bộ Lễ sắm vật liệu trước, đến ngày Trung nguyên (rằm tháng bảy âm lịch) truyền cho các sư tập hợp ở chùa Thiên Mụ lập đàn tràng thủy lục 21 ngày để siêu độ vong hồn những quan quân ta đã chết vì việc nước”*. [6]

Triều đình truyền sai vân tập những nhà sư ở chùa các địa hạt, người nào tinh tấn giữ giới đến Kinh, cấp cho giới đao độ điệp. Lại dụ bộ Lễ cấp cho hai trụ trì chùa Thiên Mụ và quán Linh Hựu, một người một đạo văn bằng tăng cương. Đến kỳ lập đàn chay, sắc cho bộ Lại, bộ Binh liệu phái, văn thì chủ sự, tư vụ, võ thì suất đội, tất cả vài mươi người luân phiên đến đàn chay, làm lễ. Vua đến chùa Thiên Mụ, tới trước đàn thờ các tướng sĩ, chính tay rót rượu, sai các quân vệ dâng tế.

Đàn chay thủy bộ ở chùa Thiên Mụ diễn ra được 7 ngày thì quan quân hạ được thành Phiên An, vua lại



Đến kỳ lập đàn chay, sắc cho bộ Lại, bộ Binh liệu phái, văn thi chủ sự, tư vụ, võ thi suất đội, tất cả vài mươi người luân phiên đến đàn chay, làm lễ. Vua đến chùa Thiên Mụ, tới trước đàn thờ các tướng sĩ, chính tay rót rượu, sai các quân vệ dâng tế. (Ảnh: Tam Quan chùa Thiên Mụ - sưu tầm)

sai “cho bày thêm bài vị, tiếp tục làm chay siêu độ cho các tướng biên, binh lính vì đánh dẹp Phiên An mà chết trận, chết bệnh”. Vua lại ra chơi xem làm chay ở chùa Thiên Mụ, nhân bảo quan hầu rằng: “Nhà Phật dùng thần đạo để dạy đời, Khổng Tử chỉ dạy luân thường là món dùng hằng ngày, song tóm lại, chung quy đều dạy người tà làm điều thiện mà thôi. Kể ra người ta sinh ra ở trong vòng trời đất, nên làm điều thiện, tránh điều ác. Đối với đạo Phật dạy người bằng thuyết họa phúc, báo ứng, ta không nên nhất khải cho là dị đoan. Một việc khuyên người làm điều thiện của nhà Phật, dầu thánh nhân sống lại, cũng không thể đổi bỏ được”. [7]

Lần thứ năm: Mùa thu năm Ất Mùi 1835, Minh Mạng thứ 16, vua lại cho lập đàn chay để cúng phổ độ cho những người tôn nhân đã chết. “Lại nghĩ đến những người tôn thất đã chết: có người trước đây bỏ mình vì cuộc binh cách, có người nữa vùi mà chết trẻ, có người còn trẻ mà chết non, nghĩ đến rất là đau xót! Vậy nên làm lễ truy tiến phổ độ, cầu phúc đường âm để yên ủi hương hồn, nhằm tiết Hạ nguyên tháng 10, lập đàn phổ độ”. Nhưng rồi sợ tiết Hạ nguyên là mùa rét, lại hay mưa gió, binh dịch làm việc nhọc nhằn nên vua đổi sang tiết Thượng nguyên tháng giêng sang năm, lập đàn chay trọng thể ở chùa Thiên Mụ, 21 ngày đêm cúng phổ độ linh hồn cho các tôn nhân xa gần đã quá cố.” Sai cả bộ Lễ cùng bộ Công cùng dự tính làm trước. “Lại sắm nhiều đồ mã như quần áo, đồ dùng và bạc, vàng, tiền giấy để tỏ ý cảm nhớ như còn sống” [8].

Lần thứ sáu: Năm Minh Mạng thứ 17, tức năm 1836, mùa thu, “làm chay ở lăng Anh Duệ hoàng thái tử và trước đền hai quận vương Thiệu Hóa, Vĩnh Tường. Sai Tôn nhân phủ, Lễ bộ hội đồng với

quản thị vệ trông coi việc ấy. Đến ngày tết Trung nguyên mời các sư đến tụng kinh 7 ngày đêm, đốt nhiều vàng mã tiền giấy để cầu âm phúc”. [9]

Tóm lại, Minh Mạng là vị vua anh minh, quyết đoán, song không thiếu phần khôn khéo tinh tế. Dù ưu ái đề cao Đạo Phật, dựa vào Phật giáo để gắn kết lòng người, khuyến khích điều thiện; dành nhiều tiền của và tâm lực để góp phần hoàng dương Phật pháp; song cách nói của nhà vua với quan lại là cốt để giới quan lại Nho học không so bì phản ứng, nhất là thời kỳ đầu nhà vua mới lên ngôi. Còn về sau, khi ngôi vương vững chắc, triều đình hùng mạnh, nhà vua càng đề cao Phật giáo, cho xây dựng nhiều chùa mới, sai lập trai đàn không chỉ ở chùa mà còn ở lăng tẩm cầu siêu cho thân nhân của mình.

Chú thích và tài liệu tham khảo:

- * Nguyễn Văn Tường, Trường Phổ thông dân tộc nội trú Pi Năng Tắc, Ninh Thuận.
- [1] Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục* (Viện sử học dịch, 2007), tập 3, Nxb. Giáo dục, tr.92.
- [2] Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục* (Viện sử học dịch, 2007), tập 4, Nxb. Giáo dục, tr.707.
- [3] Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục* (Viện sử học dịch, 2007), tập 2, Nxb. Giáo dục, tr.70-71.
- [4] Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục* (Viện sử học dịch, 2007), tập 2, Nxb. Giáo dục, tr.130-144.
- [5] Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục* (Viện sử học dịch, 2007), tập 3, Nxb. Giáo dục, tr.87.
- [6] Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục* (Viện sử học dịch, 2007), tập 4, Nxb. Giáo dục, tr.706.
- [7] Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục* (Viện sử học dịch, 2007), tập 4, Nxb. Giáo dục, tr.718.
- [8] Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục* (Viện sử học dịch, 2007), tập 4, Nxb. Giáo dục, tr.771.
- [9] Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục* (Viện sử học dịch, 2007), tập 4, Nxb. Giáo dục, tr.974.
- [10] Nội các triều Nguyễn (2005), *Khâm định Đại Nam hội sự điển lệ*, tập 7, Nxb. Thuận Hóa, Huế.
- [11] Quốc sử quán triều Nguyễn (2014), *Đại Nam liệt truyện*, tập 1&2, Nxb. Thuận Hóa, Huế.



Gian chính điện miếu Bà Xóm Chài.



Miếu Bà Cậu ở Cần Thơ

Trần Phóng Diên

MIẾU BÀ CẬU

Miếu Bà Cậu tọa lạc tại khu vực Xóm Chài, thuộc khu vực 3, phường Hưng Phú, quận Cái Răng, TP Cần Thơ. Đây là ngôi miếu được xây dựng từ rất lâu đời, cách đây khoảng 120 năm. Bởi trước đây, cư dân khu vực này sống bằng nghề chài lưới, đánh cá, hằng ngày phải đối diện với biết bao hiểm nguy sông nước nên họ cần có sự che chở của một vị thần nào đó để vững tâm trong công cuộc mưu sinh của mình. Quan niệm dân gian cho rằng Bà Cậu - với tư cách là vị thần cai quản sông nước có thể đem đến cho họ sự bình an trong tâm hồn nên dân làng mới chung tay xây miếu thờ Bà, mong Bà phù hộ cho sóng yên gió lặng, mọi người được bình yên, tôm cá đầy khoang... Do tọa lạc tại khu vực Xóm Chài nên miếu Bà Cậu còn gọi là miếu Bà Xóm Chài. Miếu này lúc đầu được xây dựng đơn sơ bằng cột gỗ, lợp lá. Sau thời gian dài phơi mình cùng mưa nắng, ngôi miếu xuống cấp, hư hỏng nhiều, dân làng mới góp tiền xây lại khang trang như hiện nay.

Miếu Bà Cậu có diện tích khoảng 40m², là một khối nhà vuông có

kết cấu đơn giản. Mái lợp tôn giả ngói hình vây cá, gồm hai mái song song. Mái trước che khoảng sân rộng dùng để tiếp khách; Mái sau che ngôi miếu. Gian trong cùng là gian thờ chính, thờ Bà Cậu. Gian này có bức tranh thờ gồm 10 Bà và 2 cậu. Dưới bức tranh là tượng Bà Chúa Xứ, Bà Thiên Hậu. Bên phải (nhìn từ ngoài vào) là bàn thờ Quan Công và Tiền Hiền; Bên trái là bàn thờ Hậu Hiền. Hai bên là bàn thờ của Tả Ban và Hữu Ban. Gian phía trước là bàn thờ Bát Tiên, có phối tự Phật Di Lặc. Nhìn chung, cơ cấu thờ cúng ở miếu Bà Xóm Chài không khác mấy so với cơ cấu thờ cúng ở đình làng. Ngay cả lễ cúng Bà hằng năm cũng mô phỏng lễ hội Kỳ Yên. Hàng năm, miếu Bà có hai kỳ cúng lớn, đó là ngày 13-14 tháng Giêng âm lịch và ngày 23-24 tháng 4 âm lịch.

Phẩm vật cúng Bà trong các ngày này gồm: ngoài các vật mặn còn có cháo ám, trái cây,...

Trong đó, phẩm vật mặn để cúng Bà Cậu, còn cháo ám dùng để cúng binh.

Ngày nay, mặc dù người dân ở khu vực xóm chài không còn sống bằng nghề chài lưới nữa, nhưng miếu Bà Cậu vẫn được giữ gìn, hương khói mỗi ngày, cúng bái mỗi năm vào ngày lễ. Điều này thể hiện đạo lý uống nước nhớ nguồn của người dân nơi đây đối với bề trên, cụ thể là Bà Cậu đã cho họ một cuộc sống ấm no đủ đây, bình an, hạnh phúc.



Theo như danh xưng, Bà Cậu bao gồm Bà và Cậu. Đây là những nhân vật cai quản vùng sông nước nên những người sống bằng nghề liên quan đến nước đều lập bàn thờ cúng họ, đặc biệt là những người sống bằng nghề *hạ bạc* - đánh bắt thủy sản - thì càng tin tưởng Bà Cậu hơn. Bà ở đây hiểu là Mẹ, còn Cậu là Cậu Trài và Cậu Quý, hai con trai của Bà. Theo phong tục, trước khi ra khơi, ngư dân vào miếu vái Bà - Cậu. Theo truyền thuyết, Thiên Y A Na trôi dạt trên biển, thân xác Bà biến thành cây trầm hương, do tính linh thiêng cứu độ người trên biển nên ngư dân và những người đi biển tôn thờ Bà là nữ thần biển cùng với hai con trai của Bà là Cậu Trài - Cậu Quý. Ngư dân người Việt ở Nam bộ rất tin tưởng tín ngưỡng Bà - Cậu và họ đều tự gọi nghề *hạ bạc* của mình là nghề Bà - Cậu [...]. Họ xem Bà - Cậu là tổ nghiệp của mình. Có thể nói Bà - Cậu là dạng tín ngưỡng phổ biến nhất của dân chài và cư dân vùng biển Nam bộ [1].



Học trò lễ dâng rượu cúng Bà.

LỄ CÚNG BÀ

Lễ hội lớn nhất trong năm ở miếu Bà Xóm Chài là ngày 13-14 tháng Giêng âm lịch. Trong ngày này, lễ hội đã thu hút hàng trăm lượt người từ các nơi đến tham dự. Từ tờ mờ sáng ngày 13, người dân quanh vùng lần lượt đến miếu để chuẩn bị lễ vật cúng Bà. Lễ được chuẩn bị sẵn, đúng 9 giờ lễ cúng Bà bắt đầu. Ban tế tự đứng nghiêm chỉnh, học trò lễ mỗi bên khoảng 5 người đứng nghiêm trang để chuẩn bị làm theo lời xướng của Hương lễ xướng.

Khi giờ lành đã điểm, Hương lễ xướng:

- *Tĩnh túc thị lập*: Mọi người im lặng.
- *Chấp sự giá các tư kỳ sự*: Chấp sự viên trở về vị trí của mình.
- *Tả kích thác*: Mõ đánh 3 hồi 3 dùi.
- *Hữu kích chung*: Chiêng đánh 3 hồi 3 dùi.
- *Trung tâm khởi cổ*: Trống châu đánh 3 hồi 3 dùi.
- *Nhạc sanh khởi nhạc*: Ban nhạc đổ 1 hồi.
- *Cổ sơ nghiêm*: Nhạc đổ 1 hồi 3 chập.
- *Cổ tái nghiêm*: Nhạc đổ 1 hồi 3 chập.
- *Cổ tam nghiêm*: Nhạc đổ 1 hồi 3 chập.
- *Đại viên chức tán bái*: Những người chức sắc lạy 4 lạy.
- *Chánh bái viên tựu vị*: Chánh bái, phó bái bước đến bàn thờ thần.
- *Nghệ quán tẩy sớ*: Chánh bái, phó bái đến chỗ có đặt thau nước.
- *Quán tẩy sớ*: Chánh bái, phó bái rửa mặt.
- *Thuê cân*: Chánh bái, phó bái lau mặt.
- *Cử soát tế vật*: Học trò lễ dẫn chánh bái, phó bái đi kiểm tra lễ vật cúng thần.
- *Phục cựu vị*: Học trò lễ dẫn chánh bái, phó bái về chỗ cũ.
- *Nghệ hương án tiền*: Học trò lễ đốt nhang đưa cho chánh bái.
- *Nguyện hương*: Chánh bái nguyện hương.
- *Thượng hương*: Chánh bái đưa nhang cho học trò lễ đem lên cúng thần.
- *Nhạc sanh tựu vị*: Ban nhạc bước lên trước bàn thờ thần.
- *Tiếp giá Đại Càn Quốc Gia Nam Hải*: Nhạc đánh tiếp giá, chánh bái, phó bái lạy 4 lạy.
- *Nhạc sanh hoàn cựu sớ*: Ban nhạc đánh tiếp giá xong về chỗ cũ.
- *Sơ hiến lễ*: Tuân rượu thứ nhất.
- *Giai qui*: Học trò lễ quỳ xuống.
- *Châm tửu*: Chánh bái, phó bái rót rượu.
- *Tán tửu*: Học trò lễ đi lên dâng rượu.



Thuyền tống ôn.

- *Phủ phục hưng bình thân cúc cung bái*: Chánh bái, phó bái đứng lên lạy 4 lạy.

Tuần rượu thứ hai, thứ ba thực hiện như tuần rượu thứ nhất.

Cúng xong, mọi người dọn bàn, bắt mâm đãi tiệc mời khách dùng cơm thân mật.

LỄ TỐNG ÔN

Sáng ngày 14, miếu Bà tổ chức lễ Tống ôn. Tống ôn là một lễ tục có từ lâu đời ở Cần Thơ. Mục đích của lễ tục này là cầu bình an cho gia đình, xóm làng, tống khứ những gì xui rủi của thời gian qua để mong đón nhận những điều tốt lành trong thời gian tới. Để chuẩn bị cho buổi lễ này, người ta đã phân công việc trước đó, như: làm thuyền, chuẩn bị vật phẩm cúng thần, chỉ định những người phụ giúp cuộc lễ. Trước khi hành lễ, người ta đem tất cả các vật phẩm đến miếu Bà để làm lễ ra mắt và cũng để Bà chứng giám. Thông thường, họ bài trí một cuộc lễ như sau:

Họ đặt chiếc thuyền tống ôn ngay giữa sân ở trước miếu Bà. Chiếc thuyền này được làm rất công phu từ nhiều ngày trước đó. Đáy thuyền là bốn khúc chuối to kết lại như một chiếc bè, trên đó lấy tre, trúc đan lại làm khung thuyền, xung quanh thân thuyền được dán bằng giấy màu đủ loại. Trên thuyền còn có hình nhân được làm bằng đất với tư thế đang chèo thuyền, xung quanh thuyền có treo một hàng quần áo được cắt bằng giấy, ngụ ý dùng cho những người nghèo ở cõi âm mặc. Bên hông thuyền có ghi ngày tháng năm cúng, xung quanh thuyền và trên cabin treo cờ, kết dây, trang trí hoa màu nên trông chiếc thuyền rất đẹp.

Thuyền Tống ôn có chiều cao khoảng 1m; dài khoảng 1,2m; ngang khoảng 0,5m. Trước mũi thuyền là một bàn hương án đặt hương về chính điện của miếu Bà, với rất nhiều lễ vật bày biện gọn gàng, ngăn nắp, gồm các vật phẩm để cúng như: gà luộc, gạo, muối, bánh, trái cây và mấy lá bùa trừ tà.

Đến giờ hành lễ, trưởng Ban tế tự đứng trước chiếc thuyền khẩn nguyện các vị thần được thờ tự trong miếu với nội dung đại khái: *Hôm nay là ngày, tháng, năm, bốn miếu có làm lễ Tống ôn, cầu mong các vị thần tiên giúp dân làng xưa đi những điều xui xẻo, những tai ương bệnh tật, tai nạn trên sông, đồng thời phù hộ cho dân làng được gia đạo bình an, làm phát đạt, tôm cá đầy khoang.* Xong đâu đó, người ta đưa thuyền Tống ôn này lên một chiếc ghe để chở ra giữa sông thả xuống. Dịp này, trên sông có khoảng 30 - 40 ghe, xuồng đậu ken đặt cả khúc sông nên rất nhộn nhịp, vui tươi.

Ngày nay, mặc dù người dân ở khu vực xóm chài không còn sống bằng nghề chài lưới nữa, nhưng miếu Bà Cậu vẫn được giữ gìn, hương khói mỗi ngày, cúng bái mỗi năm vào ngày lễ. Điều này thể hiện đạo lý uống nước nhớ nguồn của người dân nơi đây đối với bè trên, cụ thể là Bà Cậu đã cho họ một cuộc sống ấm no đủ đầy, bình an, hạnh phúc.

Chú thích:

[1] Phan Thị Yến Tuyết (2016), *Hệ thống nữ thần biển trong tín ngưỡng thờ Mẫu và nữ thần ở vùng biển Nam bộ*, trong cuốn *Tín ngưỡng thờ Mẫu ở Nam bộ bản sắc và giá trị*, Võ Văn Sen - Ngô Đức Thịnh - Nguyễn Văn Lên (Đồng chủ biên), Nxb. ĐHQG TP. HCM, tr.72-73.



Tượng thờ tại chùa Giác Viên hiện nay. (Ảnh: Thích Minh Thành)



Khái quát về lịch sử và những giá trị của *chùa Giác Viên*

ĐD. Thích Minh Thành*

DẪN NHẬP

Phật giáo truyền vào nước ta khoảng ở thế kỷ thứ II. Theo các tư liệu thư tịch, cho thấy Phật giáo du nhập vào Phù Nam khá sớm. Đến thế kỷ XVII, dưới thời các chúa Nguyễn, Phật giáo tiếp tục được truyền vào Nam bộ theo các đoàn di dân. Khi Phật giáo được truyền vào Nam bộ, nhiều ngôi chùa với kết cấu tạm được dựng lên để làm nơi truyền đạo, về sau các ngôi chùa được trùng tu dần trở nên khang trang. Theo thời gian, một số ngôi chùa ở Nam bộ đã trở thành ngôi chùa cổ. Trong đó, chùa Giác Viên là một trong những ngôi chùa cổ tại TP. Hồ Chí Minh. Hiện nay, chùa Giác Viên tồn tại với kiến trúc độc đáo và có những giá trị đặc sắc trong lịch sử Phật giáo và dân tộc. Hiện nay, chùa đã được công nhận là Di tích lịch sử-văn hóa cấp quốc gia.

KHÁI LƯỢC VỀ LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CHÙA GIÁC VIÊN

Chùa Giác Viên hình thành trong thời gian trùng tu chùa Giác Lâm năm 1798. Nguyên là, trong quá trình vận chuyển gỗ bằng đường thủy về để trùng tu chùa Giác Lâm, Tổ Tiên Giác Hải Tịnh [1] (1788 -1875) đã chọn bến Hồ Đắt (hiện nay là đường Lạc Long Quân, quận 11, TP HCM) làm nơi chứa gỗ. Khi gỗ đến bến Hồ Đắt được vận chuyển về chùa Giác Lâm bằng xe do sức trâu kéo. Để trông coi gỗ tại bến Hồ Đắt, *“Tổ Hải Tịnh bèn chọn ông hương đăng, xuống bến đốn cây nhỏ xung quanh cất lên một cái nhà nhỏ rất vắn khéo. Cất xong ông thỉnh tượng Phật Quan Âm, kinh tụng, chuông mõ, bần ghé. Ông trang trí cái nhà nhỏ thành cái am. Sáng chiều ông hương đăng cũng công phu, tối lại trì kinh Tịnh Độ y như ở chùa”* [2]. Về sau được sự thỉnh cầu của vị hương đăng [3], Tổ Tiên Giác - Hải Tịnh cho xây dựng lên chùa bằng cây lá, đặt tên là Quan Âm viện.

Thời gian trùng tu chùa Giác Lâm kéo dài đến năm 1802 mới hoàn thành. Sau khi hoàn thành, Tổ Tiên Giác Hải Tịnh mở lớp giảng về Kinh, Luận cho chư Tăng lục tỉnh về theo học tại chùa. Về sau, Tổ Tiên

Giác - Hải Tịnh nhận thấy việc ứng phú đạo tràng là cách truyền bá giáo lý rất hữu ích cho nhân sinh. Nhưng để truyền bá Phật pháp đi đúng hướng, đòi hỏi người thực hành ứng phú phải có đầy đủ phẩm chất và giới hạnh. Vì thế, đến năm 1850, Tổ Tiên Giác - Hải Tịnh đổi tên Quan Âm viện thành chùa Giác Viên và mở lớp đào tạo *ứng phú sư* tại chùa.

Đến năm 1869, Tổ Tiên Giác - Hải Tịnh giao cho đệ tử là Tổ Hoằng Ân - Minh Khiêm [4] (1850 - 1914) trụ trì chùa Giác Viên. Trong khoảng thời gian Tổ Hoằng Ân - Minh Khiêm trụ trì, Tổ giảng dạy Kinh, Luận và ứng phú cho chư Tăng lục tỉnh đến học. Sau nhiều năm làm trụ trì, Tổ Hoằng Ân - Minh Khiêm trùng tu lại ngôi chùa Giác Viên vào năm 1899. *“Đây là lần trùng tu lớn, mở rộng diện tích mặt bằng chùa, chánh điện cũng được xây dựng lại”* [5]. Công việc xây cất gần 3 năm mới hoàn tất.

Lần trùng tu thứ 2 vào năm 1908 do hòa thượng Hoằng Nghĩa - Như Phòng phụ trách. Trùng tu lần 3 vào cuối thập niên 20 thế kỷ XX, do hòa thượng Hồng Hưng - trụ trì chùa Giác Lâm đứng ra đảm trách. Trùng tu lần thứ 4 là sửa chữa tôn tạo công trình Đông lang và Tây lang năm 1991. Từ khi thành lập đến nay, chùa đã trải qua các đời trụ trì: Người hương đăng, Hòa thượng Minh Khiêm, Như Nhu, Như Phòng, Hồng Từ, Nhựt Xuân, Huệ Viên. Hiện nay, chùa Giác Viên được công nhận là Di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia, do Thượng tọa Thích Từ Phát quản lý.

KIẾN TRÚC VÀ CÁC HÌNH TƯỢNG TRONG CHÙA GIÁC VIÊN

Kiến trúc chùa

Chùa Giác Viên trước là nơi chứa gỗ để trùng tu chùa Giác Lâm, khi trùng tu xong, số lượng gỗ còn thừa lại mới sử dụng cho việc trùng tu chùa Giác Viên. Do đó, chùa Giác Viên có diện tích nhỏ hơn so với chùa Giác Lâm. Chùa có lối đi vào từ phía sau, xây dựng với kiến trúc tổng thể gồm: Cổng tam quan, ngôi Chánh điện, nhà Trai đường, Đông lang,

Tây lang, vườn tháp,... Ngôi chùa có hai nếp nhà theo kiểu Mandala ghép liền nhau. Tính từ Cổng tam quan đi vào là nếp nhà Trai đường tiếp đến là Hậu tổ và Chánh điện. Hai bên là một dãy Đông lang và một dãy Tây lang.

Chính điện của chùa Giác Viên được xây theo kiểu nhà dân gian truyền thống một gian, hai chái hay còn gọi là kiểu Mandala. Giữa cột, xuyên, trính,... được cấu tạo với nhau theo kiểu “*đâm trính nhà rường hay kiểu trính trống*” [6]. Từ bốn cột chính lan rộng ra những cột nhỏ hơn và thấp dần tạo thành bốn mái và nhón dần phía trên. Trên những cây cột đều được khắc những câu đối, liễn. Đặc biệt, “*ở phía trên 4 cột chính có bốn tượng Thiên Vương đỡ lấy xà ngang Chánh điện biểu hiện một sức mạnh siêu phàm*” [7].

Vách bao quanh Chánh điện được xây bằng bê tông. Phía ngoài bức tường bê tông là hành lang hai bên của Chánh điện. Phía trước sân nhìn vào Chánh điện là hành lang mặt trước của Chánh điện. Hành lang này, có 8 cột gỗ để đỡ mái nhà, phía bên ngoài 8 cây cột gỗ còn có 8 cây cột bằng bê tông. Trên 8 cột bằng bê tông đều xây thêm bê-tông tạo thành 7 vòm vòng cung và trên mỗi đầu cột đều trang trí những họa tiết theo kiểu kiến trúc phương Tây. Mái chùa được lợp bằng ngói âm dương Lái Thiêu. Trên những con lươn của mái chùa được trang trí tượng Tứ linh (long, lân, quy và phụng) bằng gốm sứ. Bên trong Chánh điện có nhiều bao lam, hoành phi, liễn đối sơn son thếp vàng, chạm trổ công phu với nhiều hình dạng, thể loại khác nhau.

Nhà trai đường: Nếp nhà trai đường được thiết kế theo kiểu Mandala như Chánh điện. Nhà trai đường là nhà tiếp nối với Chánh điện, nơi đây trước kia là trai đường nhưng nay chỉ để thờ tượng Chuẩn đề Bồ tát. Hai bên tả hữu Nhà trai đường có hai dãy Tăng phòng. Phía bên ngoài hai dãy Tăng phòng là hai dãy chiều dọc để thờ bài vị của những người phật tử quá vãng.

Đông lang và Tây lang: Tiếp nối giữa hai bên song song với Chánh điện và nhà trai đường là nhà Đông lang và Tây lang. Đông lang và Tây lang được trùng tu gần đây nhất là vào năm 1991. Đông lang và Tây lang đều làm theo kiểu 3 gian 2 chái, mái lợp ngói âm dương. Đông lang, căn giữa thờ tượng Giám trai

sứ giả bằng gốm Sài Gòn vào thế kỷ XIX. Tây lang, căn giữa thờ tượng Kiên Lao Địa thần và ba tượng Phước - Lộc - Thọ bằng gỗ. Đông lang, Tây lang đều có nhiều bao lam chạm trổ, liễn đối sơn son thếp vàng. Dưới nền được lát bằng gạch tàu hình lục giác liền kề nhau tạo nên kiểu lát biểu tượng hình kim quy. Nối tiếp với Đông lang là Nhà trù (nhà bếp). Tuy chùa Giác Viên được xây dựng sau và nhỏ hơn chùa Giác Lâm nhưng điểm độc đáo riêng của chùa Giác Viên là có Đông lang và Tây lang còn chùa Giác Lâm thì không.

Chùa Giác Viên có 57 bao lam, được chạm trổ với nhiều hình dạng khác nhau như: Có tám bao lam hình Bá điều, mỗi con ở tư thế khác nhau có con đậu, con bay, con tranh môi,... Có bao lam chạm khắc 18 vị La Hán thượng kỳ thú kết hợp với các vân mây, mỗi bên là 9 vị. Mỗi vị đều ngồi trên một con thú với nhiều kiểu dáng khác nhau, trên tay cầm một pháp khí với ý nghĩa đặc trưng về hạnh nguyện của từng vị. Đặc biệt, bao lam ở Hậu tổ chạm cả hai mặt số còn lại là một mặt. Đông lang và Tây lang có các bao lam được chạm trổ hình khí bất chim, Bá điều, La võng câu cá, Tô vũ chân dê, Cúc trĩ, Ngưu ông đực lợi và những hình khác tượng trưng cho bốn mùa như: Tùng, cúc, trúc, mai. Hoặc trái măng cầu, xoài,... biểu tượng cho sự được mùa, đầy đủ, sung túc ở Nam bộ. “*Đây là những tác phẩm điêu khắc tuyệt vời, khiến người ta nghĩ đến bàn tay khéo léo của những người thợ chạm Lái Thiêu*” [8]. Chùa Giác Viên có dạng kiến trúc tổng hợp ở nhiều giai đoạn lịch sử khác nhau, trong đó, có ảnh hưởng của kiến trúc phương Tây.

Tượng thờ:

Chùa Giác Viên có 153 pho tượng, làm bằng gỗ mít, được tạo tác vào khoảng cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX. Điểm chú ý là các pho tượng ở chùa Giác Viên được tạo tác đều nhỏ hơn so với tượng ở chùa Giác Lâm.

Bàn thờ giữa ở Chánh điện, cấp trên cùng bố trí theo chiều ngang là Tây Phương Tam Thánh gồm tượng A Di Đà, Quán Thế Âm Bồ tát, Đại Thế Chí Bồ tát. Cấp thứ hai là tượng Ngọc Hoàng và hai bên là Nam Tào, Bắc Đẩu. Cấp thứ ba là bộ tượng Tam tôn: gồm Đức Phật Thích Ca, Đức Phật Di Đà, Đức Phật Di Lặc. Cấp thứ tư bộ tượng Đức Phật Di Lặc, 2 bên có tượng ngài Ca Diếp, A Nan và hai tượng Hộ pháp. Cấp thứ



Tượng thờ tại chùa Giác Viên năm 1993. (Nguồn: Trần Hồng Liên)

năm bộ tượng Ngũ vị gồm Đức Phật Thích Ca và bốn vị Bồ tát (Quán Thế Âm, Văn Thù Sư Lợi bên tay trái và Đại Thế Chí, Đại Hạnh Phổ Hiền bên tay phải của tượng Phật Thích Ca). Tượng Phật Thích Ca được đặt trên đài sen còn bốn vị Bồ tát cưỡi trên lưng bốn con thú với tư thế nằm. Bốn con kỳ thú nằm tượng trưng cho sự nhàn rỗi, tức chỉ cho việc hóa độ đã được thành tựu. So với bộ tượng Ngũ vị ở chùa Giác Lâm thì bốn vị Bồ tát cưỡi trên bốn kỳ thú với tư thế đứng, tức chỉ cho đang đi hóa độ. Theo Trần Hồng Liên: “*Tìm hiểu bộ tượng này, ... góp phần tìm hiểu tính độc đáo, tính sáng tạo cư dân có tín ngưỡng ở vùng đất mới Nam bộ dưới triều Nguyễn*” [9]. Ngoài tín ngưỡng, đây còn là nét đặc trưng của sự truyền bá Phật giáo vào vùng đất mới.

Trên là hệ thống tượng thờ thực tế hiện nay, nhưng so với nghiên cứu của Nguyễn Quang Tuân, Huỳnh Lứa, Trần Hồng Liên được đề cập trong tác phẩm *Những ngôi chùa ở Thành phố Hồ Chí Minh* thì hệ thống tượng thờ không có tượng của Ngọc Hoàng, Nam Tào và Bắc Đẩu ở cấp thứ hai (hình 2). Đây là 3 pho tượng do các vị trụ trì chùa thêm vào sau này.

Đối diện với bàn thờ giữa Chánh điện là tượng Hộ Pháp và Tiêu Diện Đại Sĩ. Hộ Pháp là vị hộ trì Tam bảo. Tiêu Diện Đại Sĩ là Hóa thân của ngài Bồ tát Quán Thế Âm, chuyên hàng phục quỷ yêu, cứu độ chúng sanh.

Hai bên tả hữu vách của Chánh điện. Bàn thờ bên tả gồm 9 tượng La Hán, năm tượng Thập Điện Diêm Vương và tượng Địa Tạng Vương Bồ tát cưỡi con Đê Thỉnh. Cấp bàn thờ thứ hai gồm tượng Quan công, Quan Bình, Châu Xương bằng gốm sứ Sài Gòn. Bàn thờ bên hữu gồm 9 tượng La Hán, năm tượng Thập Điện Diêm Vương và Tượng Long Vương (đầu rồng).

Hậu tổ (khu thờ Tổ) được sắp đặt thành gian và bài trí ba bàn thờ Tổ. Bàn thờ ở gian chính giữa, cấp trên cùng là tượng Tổ Tiên Giác - Hải Tịnh, và một số long vị của các bậc tiền bối, ở cấp thứ hai là tượng Tổ Bồ-đề-đạt-ma cao 5 cm. Gian bên trái của Hậu tổ là bàn thờ tượng Tổ Hoàng Nghĩa - Như Phòng và các long vị. Gian bên phải của Hậu tổ là bàn thờ tượng Tổ Hoàng Ân - Minh Khiêm. Hai bên vách của Hậu tổ, bên trái là tượng Đại Hạnh Phổ

Bộ tượng những vị A-la-hán
tại chùa Giác Viên.
(Ảnh: Thích Minh Thành)



Hiên, bên phải là tượng Văn Thủ Sư Lợi. Đối diện với bàn tổ chính giữa là tượng Chuẩn Đề cưỡi con công có 18 tay cầm 18 pháp khí.

Các pho tượng tại chùa Giác Viên tuy có kích thước nhỏ hơn so với tượng ở chùa Giác Lâm nhưng phong cách điêu khắc đa dạng hơn. Do các tượng ở chùa Giác Lâm nghệ nhân khắc theo khuôn mẫu còn ở Giác Viên nghệ nhân khắc tự do, không theo khuôn mẫu nào nên các pho tượng nơi đây có nét độc đáo riêng. Tuy nhiên, trong đó cũng có nét ảnh hưởng từ phong cách điêu khắc của người Hoa như nét khuôn mặt tròn đầy đặn, mình to khỏe, mắt xếch, sống mũi thẳng,... cùng với kỹ thuật điêu khắc của Nam bộ đã tạo nên những kiệt tác có giá trị cao và tồn tại cho đến ngày hôm nay.

GIÁ TRỊ LỊCH SỬ, VĂN HÓA, KHOA HỌC VÀ TÔN GIÁO CỦA CHÙA GIÁC VIÊN

Giá trị về lịch sử

Chùa Giác Viên có chiều dài lịch sử gần 200 năm, đã có nhiều đóng góp trong lịch sử tín ngưỡng và truyền bá Phật giáo tại Gia Định, nay là TP. Hồ Chí Minh. Có thể nói, đây là cầu nối vượt thời gian về lịch sử từ khi Phật giáo mới truyền đến từ thời Nguyễn cho tới hiện tại và tương lai. Chùa được xếp vào Di tích Lịch sử quốc gia và công nhận là Di tích Lịch sử - Văn hóa cấp quốc gia theo Quyết định số 43 - VH/QĐ ngày 7/1/1993. Chùa Giác Viên là một trong những ngôi chùa góp phần làm nên lịch sử Phật giáo vùng đất Nam bộ.

Cùng với nghệ thuật điêu khắc, tạc tượng, trang trí các họa tiết trên tượng qua các giai đoạn khác nhau

nhưng để lại hiện vật giá trị lịch sử to lớn của các pho tượng tại chùa Giác Viên. Đó cũng là hiện vật cổ của đất nước còn lưu lại cho đến nay. Các bộ tượng còn đánh dấu lịch sử bước đầu của quá trình truyền bá Phật pháp vào vùng đất ở Nam bộ. Qua nghệ thuật tiêu biểu lịch sử nghệ thuật chạm khắc gỗ ở đất Gia Định giai đoạn cuối thế kỷ XIX. Chùa và các tượng trong chùa còn là tư liệu, hiện vật góp phần cho những ai nghiên cứu lịch sử, tín ngưỡng, tôn giáo, văn hóa của Việt Nam nói chung và lịch sử Phật giáo Việt Nam ở Nam bộ nói riêng.

Giá trị về văn hóa

Với kiến trúc chùa được xây dựng theo kiểu Mandala, đó là kiệt tác của người Việt trong giai đoạn Phật giáo được truyền vào vùng đất mới. Tuy nhiên, kiến trúc chùa cũng có phần sự kết hợp với phong cách phương Tây. Chính vì thế, chùa có nét đặc sắc văn hóa riêng so với các chùa khác trong khu vực. Ngoài ra, trên các con lươn của nóc Chánh điện còn bài trí thêm Tứ linh tạo nên sự kết hợp hài hòa mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam.

Với các bộ tượng được tạo tác và bài trí trong chùa Giác Viên, tạo nên đặc sắc văn hóa sáng tạo riêng của ngôi chùa. Đặc biệt, là bộ tượng Ngũ vị được tạc dưới dạng “*thượng kỳ thú*”. Bộ tượng này chỉ có trong một số ngôi chùa ở Nam bộ. Những ngôi chùa thờ bộ tượng Ngũ vị ở TP. Hồ Chí Minh như: Chùa Giác Lâm (Tân Bình), chùa Giác Viên, chùa Phụng Sơn (quận 11), chùa Long Thanh (Bà Hôm - Bình Chánh),... Ngoài ra, chùa Giác Viên còn có một số pho tượng được điêu khắc kết hợp với nét văn hóa nghệ thuật Trung Quốc,

tạo nên sự đa dạng, kế thừa và sáng tạo góp phần tạo nên văn hóa đặc thù của ngôi chùa.

Giá trị về khoa học và tôn giáo

Các hiện vật, di vật, kiến trúc, nghệ thuật tạo tượng, hệ thống trang trí của chùa Giác Viên là tư liệu quan trọng trong việc nghiên cứu. Vì đây là ngôi chùa có di tích trên 100 năm tuổi. Dựa trên ngôi chùa và các hiện vật, các nhà nghiên cứu có thể khai thác được nhiều khía cạnh khác nhau như: lịch sử, văn hóa, tôn giáo,...

Kiến trúc chùa và các hệ thống bài trí tượng thờ góp phần trang nghiêm nơi thánh địa. Đây là một trong những ngôi chùa sớm hình thành trên vùng đất Gia Định. Chùa giúp người khi đến đây nhận thấy sự thanh tịnh, mát mẻ, linh thiêng và trút bỏ mọi ưu phiền trong cuộc sống. Chùa Giác Viên không chỉ là nơi đáp ứng nhu cầu về mặt tín ngưỡng tâm linh cho người dân khu vực này ở hiện tại mà đã đáp ứng suốt chiều dài lịch sử hình thành và phát triển của ngôi chùa.

Chùa còn là nơi giao lưu văn tôn giáo với nước khác cụ thể là Trung Hoa, thông qua các nghệ thuật chạm khắc tượng thờ, cho đến ý nghĩa của tượng như 18 tượng La Hán. Theo tác giả Trần Hồng Liên: “*Phật giáo truyền vào nước ta từ phía Ấn Độ và Trung Quốc nên ở Việt Nam phổ biến hai thuyết chính về nguồn gốc các vị La Hán, một là từ Ấn độ có 16 vị và một là từ Trung Quốc là 18 vị*” [10]. Như thế, chùa thờ 18 tượng La Hán là ảnh hưởng từ sự tiếp biến tư tưởng Trung Hoa. Ngoài ra, bộ tượng Ngũ vị nói lên nét riêng về tín ngưỡng tôn giáo của vùng đất Nam bộ. Qua đó, bộ tượng Ngũ vị này nói lên tinh thần nhập thế của Phật giáo, đi vào đời hóa độ nhân sanh. Bốn vị Bồ tát đó là đại diện cho hạnh nguyện của Đức Phật Thích Ca. Người thực hành truyền bá Phật giáo đều phải thực hành theo các hạnh nguyện của bốn vị Bồ tát này.

KẾT LUẬN

Chùa Giác Viên được hình thành vào cuối thế kỷ XVIII nhưng đến nửa thế kỷ XIX mới được đổi tên thành chùa Giác Viên. Chùa được thiết kế theo kiểu Mandala, với hai nếp nóc tiếp nhau, kết hợp với phong cách kiến trúc phương Tây làm cho kiến trúc chùa trở nên đa dạng hơn. Đặc biệt, chùa Giác Viên tuy nhỏ hơn chùa Giác Lâm nhưng có Đông lang và Tây lang. Các bao lam được chạm khắc với nhiều

hình dáng khác nhau, góp tạo nên nét thẩm mỹ, trang nghiêm của ngôi chùa. Hệ thống những tượng thờ tại chùa Giác Viên được tạo tác vào cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, với phong cách tạo tượng của các nghệ nhân một cách tự nhiên, không gò bó theo khuôn khổ, tạo nên sự đa dạng về các pho tượng.

Với kiến trúc và những tượng thờ như thế đã tạo nên sự trang nghiêm của ngôi chùa, đáp ứng nhu cầu tín ngưỡng tâm linh cho tín đồ Phật tử gần hai thế kỷ qua. Đồng thời, chùa đã để lại những giá trị quý giá về lịch sử, văn hóa, tôn giáo. Khi đến ngôi chùa cổ kính Giác Viên làm cho người ta chợt nghĩ tới giá trị tinh thần trong Phật giáo đã trải qua bao thế hệ, góp phần làm cho Phật giáo phát triển tại Nam bộ.

Chú thích:

* ĐĐ. Thích Minh Thành - Học viên Cao học khóa V tại Học viện Phật giáo Việt Nam tại TP. Hồ Chí Minh.

[10] Tô Tiên Giác – Hải Tịnh thuộc đời thứ 37 phái Lâm Tế Gia Phổ.

[2] Thiên Hòa từ Huệ Chí (2002), *Buổi đầu của Phật giáo Gia Định - Sài Gòn, Hội thảo khoa học 300 năm Phật giáo Gia Định – Sài Gòn TP. Hồ Chí Minh*, Nxb. TP HCM, tr.61.

[3] Người làm hương đăng, không rõ tên.

[4] Tô Hoàng Ân - Minh Khiêm thuộc đời thứ 38 phái Lâm Tế Gia Phổ.

[5] Hồng Liên (biên soạn, 2014), *Chư tiền bối Tổ sư truyền thừa tại tổ đình Giác Lâm*, Nxb. Đồng Nai, tr.68.

[6] Đặng Văn Thắng, Kiến trúc và tượng tháp, chùa Việt Nam (tiếp cận khảo cổ học), *Khảo cổ học Việt Nam Archaeology*, Viện Hàn Lâm Khoa học và xã hội - Viện Khảo cổ học, tr.66.

[7] Hà Văn Tấn, Nguyễn Văn Cự, Phạm Ngọc Long (2013), *Chùa Việt Nam*, Nxb. Thế giới, tr.408.

[8] Hà Văn Tấn, Nguyễn Văn Cự, Phạm Ngọc Long (2013), *Chùa Việt Nam*, Nxb. Thế giới, tr.410.

[9] Trần Hồng Liên (2019), *Chùa Giác Lâm - Di tích lịch sử - văn hóa*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, tr.87.

[10] Trần Hồng Liên (2019), *Chùa Giác Lâm - Di tích lịch sử - văn hóa*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, tr.84.

Tài liệu tham khảo:

1. Thiên Hòa từ Huệ Chí (2002), *Buổi đầu của Phật giáo Gia Định - Sài Gòn, Hội thảo khoa học 300 năm Phật giáo Gia Định - Sài Gòn TP. Hồ Chí Minh*, Nxb. TP HCM.

2. Trần Hồng Liên (2019), *Chùa Giác Lâm - Di tích lịch sử - văn hóa*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội.

3. Hồng Liên (biên soạn) (2014), *Chư tiền bối Tổ sư truyền thừa tại tổ đình Giác Lâm*, Nxb. Đồng Nai.

4. Nguyễn Quang Tuấn, Huỳnh Lửa, Trần Hồng Liên (1993), *Những ngôi chùa ở Thành phố Hồ Chí Minh*, Nxb. TP HCM.

5. Hà Văn Tấn, Nguyễn Văn Cự, Phạm Ngọc Long (2013), *Chùa Việt Nam*, Nxb. Thế giới.

6. Đặng Văn Thắng, Kiến trúc và tượng tháp, chùa Việt Nam (tiếp cận khảo cổ học), *Khảo cổ học Việt Nam Archaeology*, Viện Hàn Lâm Khoa học và xã hội.



BỒI ĐÁP GỐC RỄ

Tỳ kheo Ni Thích Nữ Mai An

Năm Nhâm Dần 2022 đã khép lại, thế nhưng đến tận những ngày cuối năm, tin tức các nơi trong nước vẫn có những vụ án thương tâm do người cùng một nhà sát hại lẫn nhau. Chỉ trong một năm mà có quá nhiều những vụ án cha mẹ sát hại con, con cái sát hại cha mẹ. Đó là hồi chuông báo động về sự suy thoái đạo đức con người. Nhưng liệu trách nhiệm có phải của riêng những người phạm tội hay tất cả chúng ta, những người “vô tội”. Theo người viết, trong cái nhìn tương tức, duyên sinh, trong phần lỗi của người có phần lỗi của chính mình. Đó là lỗi đã không làm gì hoặc chưa làm đủ, để có thể phần nào giúp đời sống đạo đức, văn hóa nước nhà được vững bền.

Thời đại Lý - Trần, vì sao dân giàu nước mạnh, bởi các vị vua đã dùng đạo đức Phật giáo và văn hóa dân tộc làm gốc rễ, bồi đắp cho nhân dân. Dân có đạo đức, an cư lạc nghiệp, đất nước thái bình, giặc ngoại xâm không xâm lấn được bờ cõi. Ngược lại, nguy hiểm luôn rình rập, lịch sử đã chứng minh như thế. HT. Mãn Giác (Huyền Không) từng viết những câu thơ như sau:

*Tôi nhớ làm sao những buổi chiều
Lời kinh giải thoát vọng cao siêu
Đây ngôi chùa cổ ngày hai buổi
Câu nguyện dân làng sống mến yêu*

*Vì vậy làng tôi sống thái bình
Sớm khuya gần gũi tiếng chuông linh
Sắn khoai gạo bắp nuôi thôn xóm
Xây dựng tương lai xứ sở mình*

*Tôi đến dân quê đón gió lành
Khấp chùa dào dạt ánh trăng thanh
Tiếng chuông thức tỉnh lan xa mãi
An ủi dân hiền mọi mái tranh*

...

*Mái chùa che chở hồn dân tộc
Nếp sống muôn đời của Tổ tông.*

(Trích Nhớ Chùa)

Vai trò của ngôi chùa như trái tim làng xã, là nơi dạy cho con người nếp sống đạo đức, tinh thức và thương yêu. Năm giới của Đạo Phật dạy cho con người những điều căn bản mà bất kỳ một xã hội nào, một quốc gia nào cũng cần đến: không giết chóc, không trộm cướp, không tà dâm, không vọng ngữ (không dối trá, không nói lời đâm thọc, không nói lời thô ác, không nói lời thêu dệt hay phù phiếm vô ích),

không say sưa nghiện ngập. Thập thiện của Đạo Phật dạy con người làm điều lành nơi thân, nơi miệng và giữ cho ý xa lìa tham, sân, si. Chỉ có vài phép tắc ngăn gọn mà vô giá, thế nên Phật hoàng Trần Nhân Tông là bậc giác ngộ đã từ bỏ thế gian để tu hành trên đỉnh núi Yên Tử, nhưng mỗi năm vẫn chống gậy xuống núi đi vào dân gian khuyên dân chúng tu năm giới, hành thập thiện, bỏ dâm tử. Tâm lòng bi mẫn của người con Phật không hề xa lìa chuyện thế gian.

Mấy câu trong bài thơ *Ông đồ* của Vũ Đình Liên gợi lên một nỗi buồn man mác:

*Năm nay đào lại nở
Không thấy ông đồ xưa
Những người muôn năm cũ
Hồn ở đâu bây giờ?*

Sự thiếu vắng của hình ảnh ông đồ bên phố khiến trong sâu thẳm tiềm thức dân tộc bị thiếu vắng. Nhưng điều đó là gì? Theo người viết, không phải chỉ là hình ảnh ông đồ. Trong những năm gần đây, có nhiều người thích chơi thư pháp trở lại. Ngày xuân đã có những nơi bày bán thư pháp, cho chữ. Đó là một tin vui của sự sống lại nét đẹp xưa nhưng vẫn còn nhiều thiếu vắng, thiếu những nếp nhà trên kính dưới nhường, biết thương yêu nhau, trọng tình làng nghĩa xóm, biết đủ mà an vui, đạo đức, nghĩa tình. Hồn dân tộc đơn sơ mà thuần khiết đang dần mất đi trong những nếp nhà. Con người trong nếp sống hối hả kiếm tiền, cầu danh lợi, chạy điếm, chạy bằng,... dần mất đi bản sắc văn hóa ông cha từ ngàn xưa, như trong *Bình Ngô đại cáo* (Nguyễn Trãi) từng nói:

*Như nước Đại Việt ta từ trước,
Vốn xưng nền văn hiến đã lâu,*

*Núi sông bờ cõi đã chia,
Phong tục Bắc Nam cũng khác.*

Trong *Kinh Du Hành* thuộc *Trường A-hàm* (tương đương *Kinh Đại Bát Niết-bàn* thuộc *Kinh Trường Bộ*) có kể lại sự việc vua A-xà-thế (Ajātasattu) nước Ma-kiệt-đà (Magadha) phái đại thần Vũ Xá (Vassakara) đến thỉnh ý Đức Phật về việc ông muốn cất binh đánh xứ Bạt-ky (Vajji). Đức Phật không trực tiếp trả lời với vị đại thần mà nói với Tôn giả A-nan (Ananda) về bảy điều sau [1]:

1. Nếu dân nước Bạt-ky thường nhóm họp bàn những sự việc chân chánh thì lớn nhỏ hòa thuận, nước đó càng thêm thịnh vượng và được yên ổn lâu dài, không thể xâm hại được.
2. Nếu người nước Bạt-ky vua tôi hòa thuận, trên dưới kính nhường nhau thì lớn nhỏ hòa thuận, nước đó càng thêm thịnh vượng và được yên ổn lâu dài, không thể xâm hại được.
3. Nếu dân nước Bạt-ky thường tôn trọng pháp luật, hiểu điều cấm kỵ, chẳng trái lẽ độ, thì nước đó càng thêm thịnh vượng và được yên ổn lâu dài, không thể xâm hại được.
4. Nếu dân nước Bạt-ky thường hiếu dưỡng cha mẹ, kính thuận sư trưởng thì nước đó càng thêm thịnh vượng và được yên ổn lâu dài, không thể xâm hại được.
5. Nếu dân nước Bạt-ky thường tôn trọng tông miếu, kính nể quý thân (tôn kính Tổ tiên, tôn trọng văn hóa tín ngưỡng) thì nước đó càng thêm thịnh vượng và được yên ổn lâu dài, không thể xâm hại được.
6. Nếu dân nước Bạt-ky thường giữ gìn khuê môn trinh chính, thanh khiết, không bậy bạ, cho đến sự vui đùa, nói năng cũng không tà vạy thì nước đó càng

thêm thịnh vượng và được yên ổn lâu dài, không thể xâm hại được.

7. Nếu dân nước Bạt-ky thường tôn thờ Sa-môn, kính trọng người tri giới và thân cận ủng hộ chẳng biếng thì nước đó càng thêm thịnh vượng và được yên ổn lâu dài, không thể xâm hại được.

Bảy lời dạy đó trong thời đại ngày nay càng thể hiện tính minh triết và giá trị vượt thời gian. Đó cũng là những điểm then chốt mà các vị vua - Phật tử và vua - Thiên sư đời Lý, đời Trần đã ra sức xây dựng và giữ gìn để dân giàu, nước mạnh.

Trong những ngày xuân, ôn cố tri tân, chúng ta không phải chỉ nhìn vào những mặt tốt đẹp mà còn cần nhìn thẳng vào những gì chưa hay, chưa tốt, để có thể định hướng một năm mới với nhiều nỗ lực hơn, đóng góp nhiều hơn, sửa đổi chính chúng ta và lan tỏa đến những người thân một nếp sống thiện lành, trong sáng. Nếu điều phục được tâm mình, thắng nội ma và ngoại ma, thì sẽ được như Đức Điều Ngự Giác Hoàng từng dạy:

*Thế số nhất tức mặc,
Thời tình lưỡng hải ngân.
Ma cung hồn quán thậm,
Phật quốc bất thắng xuân.*

Dịch:

*Số đời một hơi lặng
Tình trần hai biển trắng
Cung ma chi sá kể*

Nước Phật xuân không cùng.

(Nguyễn Thế Đăng dịch)

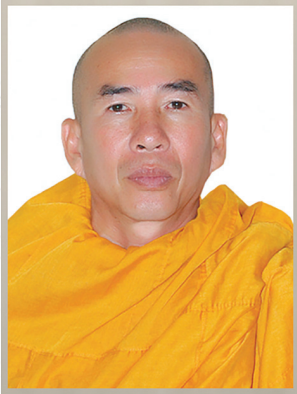
Một khi tâm ma của ta và người đều được quán thúc thì mùa xuân Tịnh độ sẽ tràn đầy khắp nhân gian.

Chú thích:

[1] Tham khảo “Kinh Du Hành”, Kinh Trường A Hàm, Thích Tuệ Sỹ dịch, <https://thuvienhoasen.org/a11161/02-kinh-du-hanh>, truy cập ngày 28/12/2022.

Chùa Thanh Lương

Huyện Hòn Đất, Tỉnh Kiên Giang



Chùa Thanh Lương tọa lạc tại trung tâm thị trấn Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Chùa được thành lập từ năm 1960 bằng cây lá. Năm 1992 Thượng tọa Thích Giác Tấn được Giáo hội tỉnh bổ nhiệm về làm trụ trì, qua nhiều lần trùng tu chùa Thanh Lương ngày nay là ngôi Già lam trang nghiêm thanh nhã. Tăng Ni, Phật tử về nương tựa, tu học rất đông.

Chùa nằm trên Quốc lộ 80, tuyến đường Rạch Giá – Hà Tiên. Nhiều đoàn khách thập phương khi đi ngang qua cũng ghé vào chùa thắp hương chiêm bái. Nhờ thuận tiện về giao thông nên công tác Phật sự của chùa cũng hanh thông phát triển. Hằng năm chùa Thanh Lương được sự trợ duyên từ quý Phật tử gần xa trong công tác từ thiện, an sinh xã hội ước tính trên 1,5 tỷ đồng. Đặc biệt, đạo tràng tu học Một ngày an lạc tại chùa vào ngày chủ nhật tuần thứ tư của mỗi tháng quy tụ hàng trăm Phật tử về sinh hoạt tu học. Chùa còn tổ chức cúng hội vào ngày 15 và 30 mỗi tháng theo nghi thức hệ phái Khất sĩ. Những ngày lễ hội lớn như tết Nguyên Đán, Rằm tháng Giêng, Đại lễ Phật đản, Lễ hội Vu Lan... Phật tử địa phương và các nơi về chùa rất đông.



Qua quá trình đọc và theo dõi ấn phẩm Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo mỗi tháng 1 số phát hành, Thượng tọa trụ trì đã nhận báo biểu tặng cho quý Phật tử đến tham dự các khóa tu. Từ đó đã tạo nên sự lan tỏa mạnh và yêu thích Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo của đạo tràng Phật tử. Qua đây, đạo tràng đã chung tay cùng với chùa Thanh Lương cúng dường tịnh tài (7,5 triệu đồng) cho mỗi số và cúng dường 10 số liên tiếp để hun phước in Tạp chí gửi tặng đến chư Tôn đức Tăng, Ni và bạn đọc. Với nghĩa cử cao đẹp này, chùa Thanh Lương đã góp phần chuyển tải tư tưởng, chân lý Phật Đà cùng với nét đẹp văn hóa Phật giáo đến rộng khắp tha nhân các giới, góp phần vào công cuộc hoằng pháp lợi sanh của Phật giáo nước nhà.

Chùa Thanh Lương

- Địa chỉ: QL 80, thị trấn Hòn Đất, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.
- Trụ trì: **TT. Thích Giác Tấn.**
- Điện thoại: 0918316388
- Email: chuathanhluong1@yahoo.com.vn





PHẬT GIÁO
**KHOA HỌC
& TRIẾT LÝ**

Điểm tương đồng về Tứ Thánh đế trong Kinh Tạp A-Hàm và A-tỳ-đạt-ma Pháp Uẩn Túc Luận

SC. Thích Nữ Nhẫn Hòa*

Tóm tắt: Một trong những giáo lý quan trọng trong suốt 45 năm Đức Phật thuyết Khổ và Con đường diệt Khổ là Tứ Thánh Đế nằm trong tạng Nikaya và A-hàm. Giáo lý này được xem là chủ đề trọng tâm trong Kinh tạng và Luận tạng, đặc biệt trong A-tỳ-đạt-ma Pháp Uẩn Túc luận. Khi biên tập thành Kinh và Luận tạng, dù cho hình thức trình bày, giảng giải pháp có thay đổi nhưng nội dung giáo nghĩa và con đường tu tập không ngoài mục đích giải thoát và hoằng dương chánh pháp.

Từ khóa: Tứ Thánh đế, Kinh A-Hàm, Pháp Uẩn Túc Luận.

LỰA CHỌN SO SÁNH

Đức Phật khi Chuyển Pháp luân lần đầu tiên ở Benares đã giảng về Tứ Thánh đế và trong suốt 45 năm Ngài vẫn hằng giảng dạy về chân lý này. Vì đây giáo lý quan trọng nên Đức Phật nói Tứ Thánh đế trong nhiều hoàn cảnh, địa điểm, và đối tượng khác nhau,

được ghi lại thành nhiều bài kinh trong Tạng Nikaya và A-hàm. Giáo lý này tập trung nhiều nhất trong Kinh Tạp A-hàm và được trình bày dưới hình thức những bài Kinh ngắn, như Kinh Chuyển Pháp Luân [1] hay Kinh Tứ Đế (2) [2].

Ngoài hai bản kinh trên còn có các Kinh nói về Tứ Thánh đế trong Tạp A-hàm như: Tứ đế (1), Đương Tri, Dĩ tri, Lậu tận, Biên Tế, Hiền Thánh (1), Hiền Thánh (2), Ngũ Chi Lục Phần, Lương Y, Sa-môn Bà-la-môn (1) (2), Như Thật Tri, Thiện Nam tử, Nhật Nguyệt (1) (2), Thánh đệ tử, Khư-Đề-La, Nhân Đà-la-trụ, Luận xứ, Thiêu Y, Bách Thương, Bình Đẳng Chánh Giác, Như Thật Tri, Thân Thứ, Không, Manh, Tư Duy (1) (2), Giác (1) (2), Luận Thuyết, Tranh, Vương Lực, Túc Mạng, Đàn Việt, Thọ Trì (1) (2), Như Như, Nghi (1) (2), Thâm Hiểm, Đại Nhiệt, Đại Âm, Minh Âm (1) (2) (3),





Đức Phật khi Chuyển Pháp luân lần đầu tiên ở Benares đã giảng về Tứ Thánh đế và trong suốt 45 năm Ngài vẫn hằng giảng dạy về chân lý này. Vì đây giáo lý quan trọng nên Đức Phật nói Tứ Thánh Đế trong nhiều hoàn cảnh, địa điểm, và đối tượng khác nhau, được ghi lại thành nhiều bài kinh trong Tạng Nikaya và A-hàm.



Thánh đế, Thiên Tư, Tam-ma-đề, Trượng (1) (2), Ngũ Tiết Luân, Tăng Thượng Thuyết Pháp, Hiệt Tuệ, Tu-Đạt, Điện Đường (1) (2), Chúng Sanh, Tuyết Sơn, Hồ Trì Đẳng, Thổ, Trảo Giáp, Tứ Thánh Đế Dĩ Sanh. Tổng cộng 63 kinh trong Tập A-hàm đều biên tập dưới hình thức những bài kinh tương tự *Kinh Chuyển Pháp Luân* và *Kinh Tứ Đế*.

Tứ Thánh đế trong A-tỳ-đạt-ma Pháp Uẩn Túc Luận được biên tập theo hai hình thức Khế kinh tức như kinh văn trong Kinh Tập A-hàm và phần luận giải kinh theo đối Pháp tạng. Phần luận giải kinh văn sử dụng các hình thức A-tỳ-đạt-ma luận giải kinh. Do đó điểm tương đồng giữa Tứ Thánh đế trong *Kinh Tập A-hàm* và *A-tỳ-đạt-ma Pháp Uẩn Túc Luận* được khảo sát dựa trên 65 bài kinh trong Kinh Tập A-hàm và phần khế kinh Phẩm Thánh đế trong *A-tỳ-đạt-ma Pháp Uẩn Túc Luận* [3].

HÌNH THỨC KẾT CẤU GIỮA KINH VÀ A-TỶ-ĐẠT- MA PHÁP UẨN TỨC LUẬN

Qua sự so sánh cho thấy về hình thức kết cấu giữa Kinh và Luận, Tứ Thánh đế trong *Kinh Tạp A-hàm* và phần Khế Kinh trong *A-tỳ-đạt-ma Pháp Uẩn Túc Luận* hoàn toàn giống nhau. Vì *A-tỳ-đạt-ma Pháp Uẩn Túc Luận* đại biểu cho A-tỳ-đạt-ma cổ điển tức thể tài Ma-đát-lý-ca (Ma-thất-lý-ca). *Tỳ-nại-da Tạp sự* nói rằng: “*Ma-thất-lý-ca....đối với nghĩa đã hiểu muốn bày cho rõ, đó là Tứ Niệm Xứ, Tứ chánh cần, Tứ như ý túc, Ngũ căn, Ngũ lực, Thất bồ đề phần, Bát chánh đạo phần, Tứ vô úy, Tứ Vô ngại giải, Tứ quả Sa-môn, Tứ pháp cú...Pháp tập, Pháp Uẩn...gọi chung là Ma-thất-lý-ca*” [4]. Nghĩa là Ma-đát-lý-ca giải thích những giáo lý mang tính đề cương như Bát Chánh đạo, Tứ Thánh đế, Tứ Niệm xứ... Thể tài này nêu đề mục, dựa vào Khế Kinh mà giải thích.

Ngài Ấn Thuận nói rằng: “*Tất cả Khế Kinh là do Phật tuyên thuyết, vì làm sáng tỏ những điểm cốt yếu trong pháp Pháp, do đó mới nói ma-đát-lý-ca thuộc khế kinh*” [5]. *A-tỳ-đạt-ma Pháp Uẩn Túc Luận* bảo tồn hình thức căn cứ Khế Kinh để giảng giải phân biệt nên vẫn biên tập kinh vào luận như Phẩm Thánh đế vì: “*Mỗi khi những nội dung của Kinh tạng đã được xác quyết vững chắc, những nghiên cứu A-tỳ-đàm không còn được đưa vào đó nữa*” [6]. Nếu có sử dụng hình thức A-tỳ-đạt-ma được luận giải sau đó, riêng biệt không đưa vào phần khế Kinh. Do đó, *A-tỳ-đạt-ma Pháp Uẩn Túc Luận* giống Kinh ở phần Khế Kinh, các bài Kinh nói Tứ Thánh đế trong *Kinh Tạp A-hàm* giống với phần



Hữu bộ giải thích sâu rộng về nguyên nhân của Khổ trong hiện tại cũng do nhân quá khứ và quả vị lai do nhân hiện tại; do ái dục làm nhân mà luân hồi sinh tử chịu các quả khổ. Bên cạnh đó, Hữu Bộ sử dụng phạm trù năm uẩn để giải thích giáo thuyết, phát triển Khổ để thành bát khổ..., nhưng nhìn chung giáo nghĩa không khác nhau. Đời sống con người không nằm ngoài Khổ và Niết bàn.

Khế Kinh Phẩm Thánh đế trong *A-tỳ-đạt-ma Pháp Uẩn Túc Luận*. Trong đó, Đức Phật không đề cập tới Tứ đế, chỉ đề cập danh mục Tứ đế, nói một cách tổng quát, giới thiệu khái quát từng đề mục về chân lý Khổ đế, Tập đế, Diệt đế và Đạo đế không giải thích, đàm luận giáo nghĩa.

GIÁO NGHĨA

Giáo nghĩa giữa Kinh và *A-tỳ-đạt-ma Pháp Uẩn Túc Luận* về Tứ Thánh đế là giống nhau. Đức Phật khẳng định pháp Tứ đế, giải thích làm cho người nghe mở tâm, thông hiểu, thọ trì. Tuy Nhật Thuyết Hữu Bộ cho rằng 3 thời quá khứ, hiện tại, vị lai là thật có [7] và luận giải trong *Pháp Uẩn Túc Luận* như: *Vì các pháp này,*

đều là nhân, là căn bản, là đạo lộ, là duyên khởi của khổ trong quá khứ, hiện tại và tương lai, nói chi tiết cho đến thân này sau khi hoại, do đây làm nhân cho quả khổ sinh khởi. Như nói khát đi các thứ đều là nhân của khổ, nó là căn bản dẫn khởi các khổ [8].

Hữu bộ giải thích sâu rộng về nguyên nhân của Khổ trong hiện tại cũng do nhân quá khứ và quả vị lai do nhân hiện tại; do ái dục làm nhân mà luân hồi sinh tử chịu các quả khổ. Bên cạnh đó, Hữu Bộ sử dụng phạm trù năm uẩn để giải thích giáo thuyết, phát triển Khổ để thành bát khổ [9]..., nhưng nhìn chung giáo nghĩa không khác nhau. Đời sống con người không nằm ngoài Khổ và



Theo A-tỳ-đạt-ma, “hiện quán” tức chứng nghiệm thực tế về Thánh đế bằng “giãn trạch”. Khi con người còn trong khổ đau mà nhận diện được khổ từ đó sẽ đoạn được khổ. Khổ đau về thân hay tâm chỉ trạng thái của tâm thức. Khi quán sát được rằng: “cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi” thì không còn trở lại trạng thái này nữa. Đó là một trạng thái Niết bàn, Vô ngã với sự an lạc tự tại, trí tuệ thông suốt thấy rõ thật tướng các pháp.

Niết bàn. Người học Phật nếu nhận diện được Khổ, biết như thật về Khổ sau đó suy tư, tu tập hiện quán: nguyên nhân của Khổ do đâu, sự diệt Khổ như thế nào và con đường diệt Khổ tu tập ra sao. Nếu hiện quán như vậy là đi trên con đường dẫn đến sự giác ngộ, giải thoát vì Tứ Thánh đế nương theo quy luật duyên khởi: “Do cái này có mặt, cái kia hiện hữu. Do cái này sanh, cái kia sanh” [10] cho nên nếu ai thấy Khổ người đó cũng thấy suốt Khổ tập, Khổ diệt và Khổ diệt đạo Thánh đế, Đức Phật chỉ ra rằng: “Này các Tỳ kheo, ai thấy khổ, người ấy cũng thấy Khổ tập, cũng thấy Khổ diệt, cũng thấy con đường đưa đến Khổ diệt. Ai thấy Khổ tập, người ấy cũng thấy

Khổ, cũng thấy Khổ diệt, cũng thấy Con đường đưa đến Khổ diệt. Ai thấy Khổ diệt, người ấy cũng thấy Khổ, cũng thấy Khổ tập, cũng thấy con đường đưa đến khổ diệt. Ai thấy con đường đưa đến diệt khổ, người ấy cũng thấy Khổ, cũng thấy Khổ tập, cũng thấy Khổ diệt” [11].

Theo A-tỳ-đạt-ma, “hiện quán” tức chứng nghiệm thực tế về Thánh đế bằng “giãn trạch”. Khi con người còn trong khổ đau mà nhận diện được khổ từ đó sẽ đoạn được khổ. Khổ đau về thân hay tâm chỉ trạng thái của tâm thức. Khi quán sát được rằng: “cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi” [12] thì không còn

trở lại trạng thái này nữa. Đó là một trạng thái Niết bàn, Vô ngã với sự an lạc tự tại, trí tuệ thông suốt thấy rõ thật tướng các pháp. Pháp Uẩn Túc Luận nói rằng: “Dù chư Phật xuất thế hoặc không xuất thế, thì pháp Diệt như vậy là pháp trụ, pháp giới, tất cả Như Lai tự nhiên thông đạt, bậc đẳng giác: tuyên thuyết, thi thiết, kiến lập, phân biệt, khai thị cho mọi người hiểu rõ: “Đây là Niết Bàn, đây là diệt; đây là trạng thái Niết bàn, đây là trạng thái diệt” [13]. Dù Phật có xuất thế hay không nếu đắc pháp phương tiện tức “thị pháp trụ pháp vị, thế gian tướng thường trụ” [14] thì pháp Diệt tức trạng thái Niết Bàn tối hậu, dù có chứng ngộ hay chưa chứng ngộ, bản lai diện mục vẫn

tồn tại, chỉ có điều còn vô minh bụi trần che lấp, luân hồi sinh tử. Niết bàn, giải thoát khổ đau là mục đích tối hậu của Thánh đế.

NỘI DUNG ĐƯỢC BIÊN TẬP TRONG KINH VÀ LUẬN

Phần Khế Kinh trong *Pháp Uẩn Túc Luận* biên tập giống các bài kinh trong *Kinh Tập A-hàm*, lấy *Kinh Chuyển Pháp Luân* làm trọng tâm và kết hợp các bài kinh ngắn trong *Kinh Tập A-hàm*. Như lời dạy sau: “*các Tỷ kheo nếu đối với bốn Thánh đế mà chưa được hiện quán, thì nên siêng năng tìm phương tiện phát khởi ý muốn tăng thượng, tu tập hiện quán*” [15]. Đức Phật người trí tuệ và

đề cao, ca ngợi trí tuệ nên muốn thấu triệt một sự vật hiện tượng và tâm thức nhất thiết phải dùng phương pháp “hiện quán” hay “giản trạch” nghĩa là: “*Khả năng phân tích và lựa chọn...bằng khả năng đó mà đi sâu vào yếu tính của tồn tại, thấy rõ bản chất và yếu tính của tồn tại, đó là mục đích cứu cánh của nhận thức là nhu cầu hiểu biết*” [16].

Từ thế giới hiện hữu quanh ta phân tích, lựa chọn sau đó nhận thức thẳng vào yếu tính tồn tại. Theo *Dị Bộ Tông Luân Luận*, *Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ* cho rằng: “*Tứ Thánh đế là pháp tiệm tu hiện quán*” [17] nghĩa là muốn

thấy biết như thật cần phải thấy rõ các giai đoạn chứng nghiệm Thánh đế. Nghĩa là hiện quán tuần tự các Thánh đế và chứng ngộ tuần tự các Thánh đế. Nhờ sự quán sát như vậy mà ánh sáng trí tuệ chiếu soi vô minh, hướng đến tịch tịnh, giải thoát giác ngộ. Có thể nói, *Kinh Tập A-hàm* hay *A-tỳ-đạt-ma Pháp Uẩn Túc Luận* đều tuyên thuyết, chỉ rõ chân lý Khổ và Con đường diệt khổ hướng tới đời sống giải thoát khổ đau, an lạc, tự tại.

Phần nội dung trong phần luận giải Phẩm Thánh đế của *A-tỳ-đạt-ma Pháp Uẩn Túc Luận* được gọi A-tỳ-đạt-ma (A-tỳ-đàm) hay Abhidharma, do các đệ tử nói, không do Phật thuyết. Thế thì, phần luận giải đó có được gọi là Pháp không?

Theo Hirakawa Akira: “*A-tỳ-đàm có thể được giải thích là những nghiên cứu về giáo pháp của Đức Phật, hay nghiên tâm những chân lý mà Đức Phật khai mở*” [18]. Pháp trong phần Khế Kinh *A-tỳ-đạt-ma Pháp Uẩn Túc Luận* và Kinh tạng do Thế Tôn tự thân chứng ngộ tuyên thuyết: “*Chẳng phải do Ta tạo ra, cũng chẳng phải do người khác tạo ra. Nhưng dù Như Lai có xuất hiện hay chưa xuất hiện ở thế gian thì pháp giới này vẫn thường trụ. Như Lai tự giác ngộ pháp này, thành Đăng chánh giác*” [19].

Pháp là chân lý, giáo lý chung cho cả Kinh và Luận vì không thể luận giải A-tỳ-đạt-ma mà không căn cứ vào Pháp. Trong *Kinh Du Hành* Đức Phật dạy rằng: “*Hãy nương theo Kinh mà xét chỗ hư thật. Nương theo Luật, nương theo Pháp mà xét cho rõ*

Pháp là chân lý, giáo lý chung cho cả Kinh và Luận vì không thể luận giải A-tỳ-đạt-ma mà không căn cứ vào Pháp. Trong *Kinh Du Hành* Đức Phật dạy rằng: “*Hãy nương theo Kinh mà xét chỗ hư thật. Nương theo Luật, nương theo Pháp mà xét cho rõ gốc ngọn*”.



gốc ngọn” [20]. Pháp được ghi chép trong Kinh hay Luận, nơi để nương tựa suy xét gốc ngọn giáo lý. Đó là “Pháp” do Thế Tôn nói.

Đối với Pháp trong Luận tạng do các luận sư luận giải, Pháp đó cũng là Pháp chỉ rõ gốc ngọn, là “nhậm trì tự tánh, quĩ sanh vật giải” vì: “Pháp có nghĩa là tự giữ lấy tính cách nó (nhậm trì tự tánh) và làm mẫu mực phát sinh cho sự nhận biết (quĩ sanh vật giải)” [21] nghĩa Pháp vốn chân lý, tự nhiên như vậy, tự nó sẽ giữ tính cách của nó nên khi luận giải từ một pháp ra các pháp thì tự tương cũng chỉ một. Nó cùng ý nghĩa: “Chư Như Lai dùng một âm thanh nói tất cả pháp” [22]. “Âm thanh” chỉ cho tự tương [23], Phật dùng một hay nhiều tự tương hay chân lý, từ chân lý này hiển lộ tất cả pháp, từ một pháp nói ra muôn pháp do “cái này có, cái kia có, cái này sinh cái kia sanh”; điều này cũng đồng nghĩa: “Lý tương diễn tả trong ngôn từ là giáo lý giáo pháp thì cũng gọi là pháp” [24], Các bộ phái khi luận giải Pháp, khi đề cập đến cái gì Đức Phật chưa giải thích: “Không phải một âm thanh của Phật nói được tất cả các pháp” [25] thì các đệ tử sẽ phân tích, giải thích với mục đích xiển dương chân lý và giữ gìn chánh pháp. Qua đó, với người viết, Pháp hay A-tỳ-đạt-ma hay giáo lý Tứ Thánh đế trong A-tỳ-đạt-ma Pháp Uẩn Túc Luận cũng như trong Tạng Luận đều là Pháp vì dựa vào giáo lý Thế Tôn nghiên cứu, nghiên tâm về chân lý mới có thể dung thông mà luận giải trong A-tỳ-đạt-ma.

Có thể nói Tứ Thánh đế trong Kinh Tạp A-hàm và A-tỳ-đạt-ma

Pháp Uẩn Túc Luận giống nhau về giáo nghĩa. Dù ở trong hình thức Kinh hay Luận, giáo lý Tứ Thánh đế đều được Đức Phật và các vị thánh đệ tử xiển dương chân lý hướng tới đời sống tu tập, giải thoát giác ngộ hoàn toàn.

Chú thích:

* SC. Thích Nữ Nhẫn Hòa, Học viên Cao học khóa V tại Học viện Phật giáo Việt Nam tại TP. Hồ Chí Minh.

[1] Thích Tịnh Hạnh, *Đại Tập 5-Bộ A-Hàm V-Trung A-Hàm Biệt Dịch & Kinh Tạp A-Hàm số 1*, Kinh Chuyển Pháp Luân, Hội Văn hoá Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc-Taiwài, 2000, tr.1052-1055.

[2] Ibid, Kinh Tứ Đế (2), tr.1055.

[3] Phước Nguyên dịch và chú, *A-Tỳ-Đạt-Ma Pháp Uẩn Túc Luận*, Nxb. Hồng Đức, 2018, tr.350-375. Xem phần kệ kinh trong phẩm Thánh đế.

[4] Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh, *Căn Bản Nhất Thiết Hữu Bộ Tỳ-nại-da Tạp Sự*, quyển 40, Hội Văn hoá Giáo dục Đài Bắc, Taiwài, 2000, tr.325.

[5] Ân Thuận, Nghiên cứu về các luận sư và các tác phẩm của phái Thuyết nhất thiết Hữu bộ Tập 1, Nxb. Hồng Đức, 2022, tr.58.

[6] Hirakawa Akira, *Lịch sử Phật giáo Ấn Độ*, Thích Nguyên Hiệp dịch, Nxb. Văn hoá-Văn nghệ, 2018, tr.222.

[7] Thích Hạnh Bình, *Triết học Có và Không*, Nxb. Phương Đông, 2008, tr.114.

[8] Phước Nguyên dịch và chú, *A-Tỳ-Đạt-Ma Pháp Uẩn Túc Luận*, Nxb. Hồng Đức, 2018, tr.368.

[9] Ibid, tr.357-364.

[10] HT.Thích Minh Châu, *Kinh Tiểu Bộ 1*, Kinh Phật Tự Thuyết Hay, Viện NCPHVN, 1999, tr.116.

[11] HT.Thích Minh Châu, *Kinh Tương Ứng 5*, Đại Phẩm, Viện NCPHVN, 1991, tr.635.

[12] HT.Thích Minh Châu dịch, *Kinh Tương Ứng 4*, Thiên Sáu Xứ, Viện NCPHVN, 1991, tr.11.

[13] Phước Nguyên, *A-tỳ-đạt-ma Pháp Uẩn Túc Luận*, Nxb. Hồng Đức, 2018, tr.370-371.

[14] Thích Thông Bửu, *Giảng sư bày đức tính ưu việt*, Nxb. Tôn giáo, 2004, tr.86.

[15] Thích Tịnh Hạnh, *Đại Tập 5-Bộ A-Hàm V-Trung A-Hàm Biệt Dịch & Kinh Tạp A-hàm số 1*, quyển 15, 403. Như Thật Trì, Hội Văn hoá Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc-Taiwài, 2000, tr.1075.

[16] Tuệ Sỹ dịch và chú, *A-tỳ-đạt-ma Câu Xá*, Nxb. Phương Đông, 2013, tr.14.

[17] TT.Thích Hạnh Bình, *Dịch chú và đối chiếu các bản khác nhau về Đại Bộ Tông Luân Luận*, Nxb. Phương Đông, 2016, tr.70.

[18] Hirakawa Akira, *Lịch sử Phật giáo Ấn Độ*, Thích Nguyên Hiệp (dịch), Nxb. Văn hoá-Văn nghệ, 2018, tr.199.

[19] Thích Đức Thắng dịch, *Tạp A-hàm I*, Kinh số 337.Duyên Khởi Pháp, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, 2015, tr.645.

[20] Thích Tịnh Hạnh, *Đại Tập 1-Bộ A-hàm-Kinh Trường A-Hàm Số 1*, Kinh Du Hành II, NXB Taiwài, 2000, tr.84.

[21] Thích Thiện Siêu, *Đại cương Luận Câu Xá*, Nxb. Tôn giáo, 2006, tr.65.

[22] Thích Trí Quang, *Đại Bộ Tông Luân Luận*, Nxb. TP. Hồ Chí Minh, 2011, tr.90.

[23] Thích Hạnh Bình, *Dịch chú và đối chiếu các bản khác nhau về Đại Bộ Tông Luân Luận*, Nxb. Phương Đông, 2016, tr.53.

[24] Thích Thiện Siêu, *Đại cương Luận Câu Xá*, Nxb. Tôn giáo, 2006, tr.66.

[25] Thích Hạnh Bình, *Dịch chú và đối chiếu các bản khác nhau về Đại Bộ Tông Luân Luận*, Nxb. Phương Đông, 2016, tr.124.

Tài liệu tham khảo:

1. Thích Minh Châu, *Kinh Tiểu Bộ 1*, Kinh Tương Ứng 1, 5, Viện NCPHVN, 1999.
2. Thích Tịnh Hạnh, *Đại Tập 5-Bộ A-Hàm V-Trung A-Hàm Biệt Dịch & Kinh Tạp A-Hàm số 1*, Hội Văn Hoá Giáo Dục Linh Sơn Đài Bắc-Taiwài, 2000.
3. Thích Đức Thắng dịch, *Tạp A-hàm I*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, 2015.
4. Phước Nguyên dịch và chú, *A-Tỳ-Đạt-Ma Pháp Uẩn Túc Luận*, Nxb. Hồng Đức, 2018.
5. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh, *Căn Bản Nhất Thiết Hữu Bộ Tỳ-nại-da Tạp Sự*, quyển 40, Hội Văn hoá Giáo dục Đài Bắc, Taiwài, 2000.
6. Ân Thuận, *Nghiên cứu về các luận sư và các tác phẩm của phái Thuyết nhất thiết Hữu bộ Tập 1*, Nxb. Hồng Đức, 2022.
7. Hirakawa Akira, *Lịch sử Phật giáo Ấn Độ*, Thích Nguyên Hiệp dịch, Nxb. Văn hoá - Văn nghệ, 2018.
8. Thích Hạnh Bình, *Triết học Có và Không*, Nxb. Phương Đông, 2008.
9. Thích Hạnh Bình, *Dịch chú và đối chiếu các bản khác nhau về Đại Bộ Tông Luân Luận*, Nxb. Phương Đông, 2016.
10. Thích Thông Bửu, *Giảng sư bày đức tính ưu việt*, Nxb. Tôn giáo, 2004.
11. Thích Thiện Siêu, *Đại cương Luận Câu Xá*, Nxb. Tôn giáo, 2006.
12. Thích Trí Quang, *Đại Bộ Tông Luân Luận*, Nxb. TP. Hồ Chí Minh, 2011.



Triết lý PHẬT GIÁO

là phương pháp để bảo vệ môi trường

Trịnh Kim Diệu

Môi trường là nơi che chở và bảo bọc cho sự sống của chúng ta nhưng đang bị chính chúng ta tàn phá mỗi ngày. Hậu quả là sự nóng lên của Trái Đất, sóng thần, lũ lụt, ô nhiễm môi trường, xâm nhập mặn,... xảy ra liên tục trên phạm vi rộng lớn. Những thảm họa đó không chỉ đẩy con người rơi vào cảnh không nhà không cửa, không lương thực, nước uống mà còn cướp đi sinh mệnh của rất nhiều người. Các thảm họa đã và đang xảy ra bắt nguồn từ rất nhiều nguyên nhân, nhưng nguyên nhân chủ yếu vẫn là do con người.

Theo Đức Phật, vạn vật đều do tứ đại (đất, nước, gió, lửa) và duyên khởi mà sinh ra và tồn tại bình đẳng. Từ quan niệm về mối quan hệ này mà Đức Phật khuyên con người đối xử với thiên nhiên bình đẳng như con người với con người. Học thuyết và giáo lý của Đức Phật tạo ra một lối sống thân thiện với môi trường, đảm bảo sự cân bằng sinh thái. Ngày nay, khi nghiên cứu về khủng hoảng môi trường thế giới do khai thác tài nguyên quá mức và kinh tế bấp bênh, người ta lại tìm thấy những điểm hợp lý, có giá trị tích cực từ giáo lý và lối sống của Phật giáo.

QUAN ĐIỂM PHẬT GIÁO VỀ MÔI TRƯỜNG

Trong lịch sử nhân loại, những thánh nhân thường yêu thương con người và thiên nhiên, nhưng yêu thiên nhiên, sống hòa nhập với thiên nhiên như Đức Phật là một trường hợp hy hữu. Những nơi ngài đã từng đi qua và dừng lại để an trú, thuyết pháp, ngài vẫn luôn có một cách ứng xử đầy yêu thương và tôn trọng. Cuộc đời Đức Phật từ lúc đản sanh cho đến lúc nhập Niết Bàn là minh chứng xác thực cho một đời sống gắn gũi với thiên nhiên và cỏ cây: Ngài sinh ra dưới gốc Vô Ưu vào mùa trăng tròn. Ngài thành đạo dưới



Cuộc đời Đức Phật từ lúc đản sanh cho đến lúc nhập Niết Bàn là minh chứng xác thực cho một đời sống gắn gũi với thiên nhiên và cỏ cây: Ngài sinh ra dưới gốc Vô Ưu vào mùa trăng tròn. Ngài thành đạo dưới gốc cây Bồ Đề trong rừng sâu bên dòng sông Ni Liên Thuyền cũng trong một mùa trăng tròn. Ngài thuyết bài pháp đầu tiên tại vườn Lộc Uyển và từ giả thế gian cũng tại khu rừng dưới hai cội Sa La đại thọ.



Thuyết Duyên khởi của Phật giáo đã đem lại những chân lý giá trị đối với môi trường tự nhiên. Nếu chính chúng ta làm tổn thương đến những chủng sinh khác trong vũ trụ hay môi trường tự nhiên cũng có nghĩa là chính chúng ta tự làm tổn thương cho chúng ta. Vì vậy, bảo vệ môi trường qua giáo lý Duyên khởi chính là nâng cao nhận thức của con người về quy luật tự nhiên, giúp con người thay đổi quan niệm, thái độ sống, tạo nên sự hài hòa giữa con người và thiên nhiên.

gốc cây Bồ Đề trong rừng sâu bên dòng sông Ni Liên Thuyền cũng trong một mùa trăng tròn. Ngài thuyết bài pháp đầu tiên tại vườn Lộc Uyển và từ giả thế gian cũng tại khu rừng dưới hai cội Sa La đại thọ. Trong quá trình hoằng hóa độ sinh, Ngài chỉ sử dụng đôi chân của mình và nghỉ ngơi dưới những gốc cây. Cuộc sống của Ngài gắn liền với thiên nhiên như vậy, nên Ngài luôn có thái độ yêu mến và trân trọng thiên nhiên. Điều khiến chúng ta ngạc nhiên hơn nữa là Ngài đã từng nhiều lần tuyên bố cỏ cây cũng có cuộc sống của riêng nó. Ngài tỏ thái độ của mình bằng cách tôn trọng sự sống của thiên nhiên mà trong các luật chế ra cho các hàng đệ tử xuất gia, Ngài đã cấm đệ tử của mình tàn hại đến cỏ cây, làm dơ bẩn nguồn nước. Sự hiểu biết của Đức Phật cũng thật sự vô cùng phong phú, khi mỗi mùa an cư kiết hạ, Ngài yêu cầu Tăng đoàn tìm chỗ an cư thích hợp để tránh việc vô tình giết hại chúng sinh.

Có thể thấy, Phật giáo là một tôn giáo gắn chặt với việc bảo vệ môi trường, điều đó được thể hiện ở việc tôn trọng sự sống, yêu mến tự nhiên và đề cao bình đẳng giữa các loài. Thái độ của Phật giáo đối với môi trường là một sự trân trọng và gìn giữ. Trước tình trạng ô nhiễm môi trường đang diễn ra hiện nay, Phật giáo cho rằng đó là do nghiệp (hành động) mà ra. Hành vi thô bạo của con người tác động vào tự nhiên trái với quy luật dẫn đến con người đang phải gánh chịu những hậu quả từ ô nhiễm môi trường và thiên tai. Các hậu quả đó là quả báo mang tính tất nhiên. Từ đó khuyên con người đối xử với tự nhiên một cách trân trọng, phải có ý thức khắc phục và sửa đổi để môi

trường phục hồi và trở nên tốt hơn. Việc khắc phục tình trạng đó không phải là công việc của cá nhân mà nó là công việc của cả cộng đồng trên toàn thế giới. Để góp phần bảo vệ môi trường, Phật giáo luôn chủ trương giáo dục để mọi người biết yêu quý môi trường.

PHƯƠNG PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG DỰA TRÊN TRIẾT LÝ PHẬT GIÁO

Nói đến Đạo Phật, có người liên tưởng ngay đến một tôn giáo chú trọng đến việc tu hành giải thoát hoặc nghĩ đến một tôn giáo chỉ chú trọng đến từ bi hỷ xả. Thế nhưng khi tìm hiểu mối liên hệ sâu xa và những ảnh hưởng tích cực từ Đạo Phật đến đời sống con người, chúng ta mới vỡ lẽ Đạo Phật lại có mối liên hệ mật thiết đến việc bảo tồn hệ sinh thái và cải thiện môi trường hiệu quả nhất.

Bảo vệ môi trường qua giáo lý duyên khởi

Do chưa nhận thức được bản chất của duyên khởi và hành động không đúng theo quy luật của tự nhiên, nên con người gây ra hậu quả nghiêm trọng cho môi trường, làm thay đổi cuộc sống chính mình. Thuyết Duyên khởi của Phật giáo cho rằng, không có sự vật nào tồn tại và vận hành một cách độc lập, mà mỗi một thực thể tồn tại nhờ sự tương quan mà nó có với những thực thể khác trong môi trường. Tất cả các dạng sống trên vũ trụ là các thực thể bình đẳng trong tự nhiên và sự sống của tất cả con người, động vật, thực vật trên thế giới đều có quan hệ với nhau, phụ thuộc lẫn nhau và phát triển tương quan với nhau. Đức Phật từng dạy rằng: *Do cái này sinh nên cái kia sinh, do cái này diệt nên cái kia diệt*. Duyên khởi là giáo lý cơ bản

để giải thích sự hiện hữu, mối quan hệ nhân quả của mọi sự vật hiện tượng trên thế giới.

Như vậy, thuyết Duyên khởi của Phật giáo đã đem lại những chân lý giá trị đối với môi trường tự nhiên. Nếu chính chúng ta làm tổn thương đến những chúng sinh khác trong vũ trụ hay môi trường tự nhiên cũng có nghĩa là chính chúng ta tự làm tổn thương cho chúng ta. Vì vậy, bảo vệ môi trường qua giáo lý Duyên khởi chính là nâng cao nhận thức của con người về quy luật tự nhiên, giúp con người thay đổi quan niệm, thái độ sống, tạo nên sự hài hòa giữa con người và thiên nhiên.

Bảo vệ môi trường qua sự trì giới (thực hành các nguyên tắc đạo đức)

Giới là nguyên tắc để trau dồi đạo đức, hoàn thiện nhân cách, giúp con người tăng trưởng định lực phát huy trí huệ. Bên cạnh đó còn có tác dụng bảo vệ môi trường thiên nhiên một cách tích cực. Nguyên tắc đầu tiên là không sát sinh, tức là tôn trọng sự sống của con người cũng như tất cả chúng sinh, là nguyên tắc liên hệ trực tiếp đến môi trường. Đức Phật nhằm giáo hóa hàng đệ tử thực hành giáo lý từ bi nhưng cũng là trở về với quy luật tự nhiên, hạn chế can thiệp vào tự nhiên để thỏa mãn mục đích của mình. “*Tỳ kheo từ bỏ sát sanh, tránh xa sát sanh, bỏ trượng, bỏ kiếm, biết tầm quý, có lòng từ, sống thương xót đến tất cả hạnh phúc của chúng sanh và loài hữu tình*” [1]. Luật Maha Tăng kỳ Phật dạy: “*Nếu Tỳ kheo cố ý cướp đoạt sinh mạng của súc sanh thì phạm Ba-dật-đề*” [2]. Đây là một trong những điều giới căn bản của người xuất gia góp phần bảo vệ môi trường.



Đức Phật dạy chúng ta phải sống và thực hành tâm từ bi và không gây hại cho môi trường, ứng xử thân thiện với môi trường góp phần giữ cho môi trường trong lành.

Mọi người cùng ăn chay, từ bỏ sát hại sinh vật để làm thức ăn, thực hành phóng sinh, những việc làm ấy sẽ không góp phần hủy diệt cây rừng, ô nhiễm không khí, nguồn nước. Đồng thời cũng không góp phần tạo nên sự nóng lên của Trái Đất, biến đổi khí hậu trên thế giới.

Bảo vệ môi trường sự tu tập tâm từ bi

Đức Phật dạy chúng ta phải sống và thực hành tâm từ bi và không gây hại cho môi trường, ứng xử thân thiện với môi trường góp phần giữ cho môi trường trong lành. Kinh Tập đã diễn đạt những cảm xúc của Đức Phật:

*Mong tất cả những ai,
Hữu tình có mạng sống,
Kẻ yếu hay kẻ mạnh,
Không bỏ sót một ai,
Kẻ dài hay kẻ lớn,
Trung thấp, loài lớn, nhỏ.*

*Loài được thấy, không thấy,
Loài sống xa, không xa,
Các loài hiện đang sống,
Các loài sẽ được sanh,
Mong mọi loài chúng sanh,
Sống hạnh phúc an lạc. [3]*

Tu tập lòng từ là chúng ta thương yêu, bảo vệ chúng sinh, xây dựng thế giới cộng sinh, yêu hòa bình và bảo vệ môi trường sạch đẹp. Lòng từ bi là một liều thuốc khắc phục tận gốc tâm sân hận, oán thù trong mỗi con người. Nhờ đó, chúng ta biết yêu quý đồng loại, bảo vệ muôn thú và giới tự nhiên, giúp mọi loài sống hòa đồng trong môi trường sinh thái bền vững.

Bảo vệ môi trường qua sự thực hành thiểu dục tri túc

Theo giáo lý Đạo Phật, thiểu dục nghĩa là ít muốn; tri túc nghĩa là biết đủ. Pháp này thuộc về lĩnh vực đạo đức, giới hạnh, là

hệ quả của tri thức sâu xa bắt nguồn từ sự chứng ngộ của Đức Phật. Đức Phật dạy, cần bằng lòng với những nhu cầu cơ bản, giảm thiểu các ham muốn và tiết kiệm để có một đời sống trung đạo, tránh xa hai cực đoan đam mê trong dục lạc và ép xác khổ hạnh. Pháp thiểu dục tri túc giúp con người đoạn trừ lòng tham, mưu sinh bất chính, tránh những nhu cầu không cần thiết trong cuộc sống và hài lòng với những gì đang có. Điều này góp phần không nhỏ vào việc hạn chế lạm dụng và khai thác nguồn tài nguyên thiên nhiên.

Quan niệm sống của nhà Phật rõ ràng đã giúp con người nhận thức sâu sắc và thấu đáo hơn về trách nhiệm của mình đối với môi trường sống. Một lối sống giản dị, tiết kiệm, giảm sức ép đối với môi trường sống, hài hòa giữa danh lợi với bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và các loài động, thực vật sẽ góp phần làm giảm ô nhiễm; tránh được tình trạng rừng bị tàn phá, tài nguyên bị suy kiệt, động vật bị săn bắn dẫn tới tuyệt chủng; nhờ đó tránh được sự “trả thù” của thiên nhiên, khí hậu như: bão lũ, hạn hán, sa mạc hóa, động đất, nước biển dâng... đang đe dọa cuộc sống của chúng ta.

Bảo vệ môi trường thông qua sự thanh lọc tâm (thực hành thiền định)

Môi trường bên ngoài ô nhiễm nặng nề cũng chính vì môi trường trong tâm con người ô nhiễm trầm trọng. Cho nên, quan điểm của Phật giáo đối với việc bảo vệ môi trường thiên nhiên chính là mang yếu tố giáo dục nhằm thay đổi cách sống và cách nhận thức của con người. Tâm là yếu tố chủ đạo,



Theo Đức Phật, vạn vật đều do tứ đại (đất, nước, gió, lửa) và duyên khởi mà sinh ra và tồn tại bình đẳng. Từ quan niệm về mối quan hệ này mà Đức Phật khuyên con người đối xử với thiên nhiên bình đẳng như con người với con người. Học thuyết và giáo lý của Đức Phật tạo ra một lối sống thân thiện với môi trường, đảm bảo sự cân bằng sinh thái. (Ảnh: sưu tầm)

dẫn dắt hành vi của con người. Khi ngọn lửa tham dục bùng lên có thể thiêu đốt tất cả, làm cho con người trở nên mê muội, điên đảo và gây ra những đau khổ cho bản thân, làm hại đến người khác và môi trường xung quanh. Nhưng khi tâm thanh tịnh thì hành động cũng được thanh tịnh.

Thiền là phương pháp luyện tâm, giữ cho tâm bình yên, giúp cho con người nhìn nhận thấu đáo vấn đề và đưa ra những quyết định đúng đắn nhất. Đây chính là con đường phát triển nhận thức đạt đến mức độ cao nhất, là phương thức để thiết lập hạnh phúc và giải quyết mọi khổ đau trong đời sống hiện tại và tương lai. Bằng

việc thực tập thiền chánh niệm, chúng ta sẽ làm chủ tư duy, lời nói là và hành động của mình. Tu tập thiền, thanh lọc tâm, tạo ra nguồn năng lượng trong sạch chuyển hóa tham, sân, si, tránh xa khỏi những điều nhiễm ô, những hành động tiêu cực; sống hòa mình vào thiên nhiên, thân thiện với môi trường, góp phần tạo ra một môi trường trong lành cho bản thân và cộng đồng. Phật dạy: “*Ta không thấy một pháp nào khác, này các Tỳ kheo, đưa đến bất lợi lớn, này các Tỳ kheo, như tâm không được điều phục, không được hộ trì, không được phòng hộ, không được bảo vệ. Tâm không được điều phục, không được hộ trì, không được phòng*

hộ, không được bảo vệ, này các Tỳ kheo, đưa đến bất lợi lớn” [4].

KẾT LUẬN

Trong giáo lý, kinh sách của Phật giáo luôn tiềm ẩn những tư tưởng, những bài học sâu sắc về ý thức bảo vệ môi trường sống. Có thể thấy, Phật giáo là một tôn giáo đã đem đến cho nhân loại những phương pháp sống đẹp, sống thiện và sống hướng thượng. Đức Phật đã để lại những giáo lý vô cùng có giá trị về nghệ thuật ứng xử với môi trường tự nhiên để sống hòa đồng với thế giới tự nhiên. Những giáo lý của Phật giáo là phương pháp để con người vừa bảo vệ môi trường vừa đảm bảo cho cuộc sống theo tinh thần lấy phần hoa của loài ong. Nó chỉ lấy phần hoa mà không làm hại hương thơm và vẻ đẹp của hoa.

Chú thích:

- [1] Thích Minh Châu (dịch, 1999), *Kinh Trường bộ, tập 1, Kinh Sa-môn quả*, VNCPHVN, TP HCM, tr.122.
- [2] Thích Phước Sơn (Việt dịch, 2011), *Luật Ma-ha Tăng kỳ, tập 2, Giới sát hại sinh vật*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
- [3] Thích Minh Châu (dịch, 1999), *Kinh Tập, chương một: Phẩm Rắn*, VNCPHVN, TP HCM, tr.507 - 508.
- [4] Thích Minh Châu (dịch, 1996), *Kinh Tăng chi bộ, tập 1, chương Một Pháp*, VNCPHVN, TP HCM, tr.20.

Tài liệu tham khảo:

1. HT. Thích Huệ Thông, Đạo Phật và môi trường, [https://phatgiao.org.vn/dao-phat-va-moi-truong-d44596.html#](https://phatgiao.org.vn/dao-phat-va-moi-truong).
2. Phạm Thanh Hằng, *Bảo vệ môi trường từ góc nhìn Phật giáo*, <https://baotainguyenmoitruong.vn/bao-ve-moi-truong-tu-goc-nhin-phat-giao-335597.html>.
3. Thích Nhật Từ (biên tập, 2019), *Quan điểm Phật giáo về cách mạng công nghiệp 4.0 & môi trường bền vững*, Nxb. Tôn giáo.
4. Võ Văn Dũng - Võ Thị Hồng Thắm, *Vai trò của Phật giáo trong việc bảo vệ môi trường*, <https://tapchinghiencuuphatthoc.vn/vai-tro-cua-phat-giao-trong-viec-bao-ve-moi-truong.html>.

CÔNG CHA NHƯ NÚI THÁI SON

Nguyễn Văn Cường

Núi Thái Sơn bốn bề mây phủ
Suốt cuộc đời cha khổ vì con
Cha tôi không gánh giang sơn
Mà vai còm cõi héo mòn vì tôi...



Cha tôi sống cuộc đời đạm bạc
Với ruộng nương chất phác thật thà
Chưa từng một chuyến đi xa
Đời bao nhiêu chuyện thì cha đều tường...

Con khôn lớn - gió sương cha chịu
Com mỗi ngày - thừa thiêu cha lo
Sông sâu đã có cha dò
Núi cao đã có cha đo cho rồi...

Lời đầu tiên trong đời con nói
Là gọi “cha” - tiếng gọi thân thương
Bước chân tập tễnh trên đường
Là cha dìu dắt, cha cùng con đi...

Trời mùa đông lạnh khi trở gió
Bệnh ho hen con khó đề phòng
Ôm đau trĩ mãi không xong
Ngày cha vất vả, đêm lòng cha lo...

Con đi học chữ “o” chưa biết
Học đánh vần, học viết chưa thông
Bàn tay thô ráp ruộng đồng
Nắn tay con viết từng dòng từng trang...

Trời với đất mệnh mang vô tận
Chữ “công cha” ai nặn mà tròn
Cao hơn cả núi Thái Sơn
Phận con suốt kiếp ghi ơn sinh thành.

DƯỚI CHÂN HOA NỞ

Lê Hòa

Bàn chân nều quá xót xa
Lời kính chánh niệm nở hoa đỡ về
Nhân sinh muôn nỗi tái tê
Dùng đây dưới gốc bồ đề phút giây
Phật tâm thức tỉnh hồng mây
Lòng buông. Tĩnh tại. Đong đầy. Phật tâm

Chim trời thả cánh xa xăm
Chiều rơi tiếng mõ lâm râm hạt tràng
Bàn chân nều quá lang thang
Dừng lại đây. Hãy nhẹ nhàng. Dừng đây
Rồi nâng một cánh hoa gầy
Mà nghe thức ngộ nở đầy trong tim.



HÃY CỎ VỮ THAY VÌ TRÁCH MẮNG

Khải An

Trong kinh Phật có một câu chuyện liên quan đến xe trâu kéo, kể về hai người cho trâu kéo xe lên dốc. Người đi trước không ngừng nói những lời cổ vũ cặp trâu đang kéo xe, anh ta nói: “Trâu ơi! Ta biết các bạn rất khỏe, ta tin rằng hai bạn sẽ kéo xe lên khỏi dốc này, hết đoạn đường này chúng ta sẽ cùng nghỉ ngơi cho khỏe, ta cũng sẽ chung tay giúp hai bạn. Nào! Chúng ta cùng đi thôi!”. Kết quả là cặp trâu này đã đi lên khỏi dốc rất nhanh.

Còn người thứ hai lại liên tục đánh trâu, hơn nữa vừa đánh vừa mắng: “Sao các ngươi ngu dốt vậy! Đúng là trâu lười! Ngay bây giờ chúng ta phải lên khỏi dốc này, ta nghĩ dù hai ngươi ngốc nghếch thế nào cũng phải lên khỏi dốc này”. Cuối cùng thì cặp trâu đứng im, bất động, cho dù anh ta dùng roi đánh cỡ nào, chúng cũng không muốn đi. Chúng nghĩ rằng, dù sao cũng bị mắng là trâu ngu, lười biếng, leo không qua khỏi dốc, vậy thôi không cần cố gắng nữa.

Tuy đây là một câu chuyện ngụ ngôn, nhưng theo tôi, con trâu thật ở ngoài đời cũng vậy. Con người chúng ta cũng thế, cổ vũ, động viên sẽ tốt hơn nhiều so với trách mắng và sỉ nhục hoặc không được tôn trọng. Nếu như bạn khen ngợi, cổ vũ người khác, họ sẽ hết lòng hết dạ làm việc và cảm thấy được tôn trọng: “Anh đối với tôi tốt như thế, tôi đương nhiên phải nỗ lực”. Còn nếu như ta suốt ngày mắng họ vô dụng, không có tương lai, đương nhiên



họ sẽ nghĩ rằng: “*Dù sao thì mình cũng chẳng có tương lai gì, vậy cần gì cố gắng?*”. Cuối cùng, ngay cả cơ hội để thử cố gắng cũng bỏ qua, không làm.

Có một bạn nữ khi còn độ tuổi trung học, bạn rất thích chơi, người mẹ vì không an lòng cho nên mỗi ngày sau khi tan học, cho dù là tối sớm đều hỏi bạn ấy: “*Con hôm nay có đi chơi với bạn trai không?*”. Dù cô ấy nói không, người mẹ cũng không tin và bà thường hỏi như thế mỗi ngày. Cô gái liền nghĩ rằng: “*Minh có về sớm mẹ cũng hỏi, về muộn mẹ cũng hỏi, chỉ bằng mình về muộn một tý vậy!*”. Cho đến một ngày nọ, người mẹ hỏi: “*Nay con đi đâu vậy? Chắc chắn là đi với đám lưu manh rồi, phải không?*”.

Thật ra, cô gái có về muộn một tý, cô ấy cũng không làm điều gì sai, mà vốn dĩ cô chẳng quen ai lưu manh cả, nhưng vì nói không cũng cho là có, nên từ đó cô thật sự đã đi chơi với nhóm bạn lưu manh. Cho đến khi tự mình hiểu được, phản tỉnh thì mới rời xa nhóm bạn ấy.

Vì vậy, trong quá trình giáo dục con cái, chúng ta không nên trực tiếp nói con không tốt, bằng không rất dễ tạo thành tính tự ti cho con. Bất kỳ việc gì đều nghĩ theo hướng xấu, như vậy sẽ khiến ta người cam chịu số phận, không có chí tiến thủ. Chúng ta cần phải cố vũ nhiều hơn, khen ngợi con cái nhưng cũng cần có giới hạn nhất định. Không nên tạo sự hiểu lầm cho con khiến

chúng kiêu ngạo, không xem ai ra gì, thậm chí biến thành áp lực khác cho con, ảnh hưởng không tốt đến sự phát triển về thân và tâm của con nhỏ.

Bạn có thể nói với con mình rằng: “*Hôm nay con làm thật tốt, mẹ cảm thấy rất vui nhưng vẫn có bạn làm tốt hơn con à! Mẹ tin con có thể tiến xa hơn nữa, làm tốt hơn nữa nếu con nỗ lực thêm một tý, nhưng mẹ mong con cũng đừng quá miễn cưỡng, con nhé*”. Dù bất cứ việc gì đều nghĩ đến điều tích cực, tốt đẹp nhất, như vậy đối với việc giáo dục con cái của các bậc cha mẹ là vô cùng quan trọng. Cho nên, vì con cái, vì cha mẹ, vì chính bản thân mỗi ngày chúng ta cần phải tu dưỡng bản thân mình nhiều hơn.



HƯỚNG DẪN CÀI ĐẶT MẠNG XÃ HỘI PHẬT GIÁO BUTTA



- 01** Vào trang web <http://butta.vn> từ trình duyệt trên máy điện thoại:
- 02** Ấn nút TẢI ỨNG DỤNG TỪ Apple Store hoặc TẢI ỨNG DỤNG TỪ Google Play
- 03** Ấn nút hoặc cài kho ứng dụng
- 04** Mở ứng dụng Butta, nhập các thông tin: Họ tên (Pháp danh), Ngày sinh, Giới tính để đăng ký tài khoản
- 05** Xem thêm hướng dẫn tại: <http://butta.vn/huongdan>

Phật Sự

www.phatsuonline.tv.com

Online



QUÉT MÃ CODE

- Quét mã để xem tất cả các video của Phật sự OnlineTV

VĂN HÓA PHẬT GIÁO đã có mặt tại các phòng phát hành Kinh sách và các sạp báo trong thành phố.

Giá: 65.000 đồng

PHÁT HÀNH MỘT KỲ VÀO NGÀY 1 HÀNG THÁNG

quangminh
CANDLE



THƯƠNG | ĐƯỢC
HIỆU | YÊU
NẾN | THÍCH
NHẤT



quangminh
CANDLE

NẾN QUANG MINH

Đc : 20 Đường Số 4, Khu dân cư City Garden Hills Phan Văn Trị,
P.5, Gò Vấp, TP.HCM

Điện thoại : 028 6257 9494 - 0942 835715



Hotline CSKH
0903 955 018

www.quangminhcandle.vn



Bảo Hải Linh Thông Tự

QUẦN THỂ VĂN HÓA TÂM LINH BÊN VỊNH DI SẢN

